

ĐÀO VĂN HỘI

**PHIÊU
KÝ SỰ**



**PHI ÂU
KÝ SỰ**

Đào Văn Hội

tháng 5-1973

Phi Âu ký sự

Đào Văn Hội

Bìa: **M.P. C**

Trình bày: **Muôn Phương**

Nguồn: **Trang nhà Đ.V.H**

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

Phi Âu
ký sự

ĐÀO VĂN HỘI

MỤC LỤC

Tựa	17
TỪ SÀI GÒN ĐẾN CASABLANCA	
Nơi phi trường Tân Sơn Nhất	23
Vọng Các (Bangkok)	30
Bombay	35
Téhéran	37
Tel Aviv	40
Nơi phi trường Orly	42
SÁU TUẦN Ở MAROC	53
ĐÂY MAROC (MOROCCO)	55

CASABLANCA	59
Một chế độ quân chủ	75
Cơ quan thương mại hóa	80
và xuất cảng	
Và nhận xét về phụ nữ Maroc	84
Nghệ thuật pha trà	100
GIẤY PHÉP XUẤT NGOẠI	103
RABAT	110
Phong cảnh – Cổ tích	110
Buổi lễ cầu nguyện	116
của Quốc vương	
PHONG TỤC, TẬP QUÁN	125
Ahwach	125
Vũ Guédra	126

Hiếu khách	127
Cô bé Lọ lem	130
Mùa chay Ramadan	134
Fantasia	137
VIẾNG MARRAKECH	138
Marrakech	138
Cá nhân Năm	155
Bà Năm	157
Xâu chuỗi xa cừ	161
Việt Pháp tình duyên	163
Bể cạn nuôi cá (aquarium)	165
MOHAMMEDIA	169
Đợi chờ	171
3. HAI TUẦN Ở THỤY ĐIỂN	177

Được phép nhập cảnh	177
Điểm chiêm bao quái dị	183
Hành trình qua Thụy Điển	184
Gia đình Ngọc Lạc	196
Viếng Stockholm	207
Bảo tàng viện Bắc Âu	211
Gia hạn cư trú	215
Vasteras	217
Nguồn gốc Thụy Điển	223
Xã hội chủ nghĩa	230
Kỹ nghệ hóa	240
Mua vỏ ruột xe	243
Phong tục tập quán	247
Viếng cổ tích	254

Vấn đề giáo dục	256
Hái trái framboise	265
Gustave Vasa mộng trần	267
Thụy Điển danh nhân	271
Lạc với Phật giáo	277
Bảo tàng viện tỉnh	279
Orientering	284
Bảo tàng viện lộ thiên	290
Bình đẳng trước tử thần	291
Thánh đường Romfortuna	297
– Mỏ bạc Sala	
Chế độ tiểu gia đình	299
Trung lập	302
BỐN TUẦN Ở PHÁP	305

HÀNH TRÌNH QUA BA LÊ	305
VIỀNG BA LÊ	316
Viện Phế binh	317
(Hôtel des Invalides)	
Tháp Eiffel	319
Lâu đài Versailles	324
BOURGOIN – JALLIEU	331
Viếng làng Moment	339
XIN CHIẾU KHÁN	343
TRỞ VÔ MAROC	
Những nỗi bực mình	349
Villars les Dombes	352
Bạn của Ba	356
Được phép trở vô Maroc	361

CỔ TÍCH	365
Di tích lịch sử về:	365
Bà Roland	
Cựu Hoàng Napoléon	368
TỪ GIÃ BOURGOIN JALLIEU	375
THỜI KỲ THỨ HAI Ở MAROC	381
1) Lại bị làm khó	381
Phong tục bồ câu	388
Một chuyện chài ếm ở Casa	391
Định ngày về	395
VIẾNG TANGER	396
Hôn nhân cổ truyền ở Maroc	400
Đây, Tanger	404
Mũi Spartel – Hang Thần Hercule	408

BÊN LỀ XUẤT NGOẠI	413
HỒI HƯƠNG	423
Hành trình Casa – Saigon	423
Rắc rối cái Sổ Thông hành	436
Lợi ích một cuộc xuất ngoại	440



Tác giả Đào Văn Hội
(1905 – 1978)

TỰA

Thế giới ngày nay đã thu hẹp lại nhờ các phương tiện giao thông nhanh chóng tiện lợi khiến cho việc du lịch được dễ dàng và tình thông cảm quốc tế có cơ hội phát triển và đậm đà hơn.

Tuy nhiên, trong mối tương giao nhân loại mới mẻ này, con người lại càng ý thức rõ rệt vị trí tự nhiên và lịch sử của mình, tôi muốn nói rằng con người bao giờ cũng vẫn còn gắn bó với quốc gia dân tộc và gia đình thân thuộc.

Những ý nghĩ trên đã đến với tôi khi tôi say sưa đọc tập “PHI ÂU KÝ SỰ” mà tác giả Đào Văn Hội đã có nhã ý dành cho tôi vinh hạnh viết đôi lời giới thiệu này.

Tác giả thuật lại một chuyến đi chữa bệnh ở ngoại quốc và ghi lại những điều tai nghe mắt thấy cùng những cảm nghĩ khi kinh qua Maroc, Thụy Điển và Pháp. Điều đáng quý là đi đến đâu tác giả vẫn suy tư nhận xét theo cảm quan của một người Việt Nam nặng lòng ái quốc và ưu quốc.

Nhưng chuyến đi này không hoàn toàn nhằm mục đích trị liệu và du lịch. Động cơ thúc đẩy chính là mối thâm tình đối với con cháu hiện đang lập nghiệp ở Phi châu và Âu châu. Những đoạn liên hệ đến ngày chung sống ngắn ngủi với con cháu dâu rể ở nơi đất khách quê

người khiến cho người đọc không khỏi bồi hồi cảm xúc trước tình gia tộc thắm thiết hay thắc mắc lo âu cho vấn đề sinh kế đẩy đưa người thân yêu đến những chân trời xa lạ.

Tập ký sự này, theo thiện ý, đã đạt đến chỗ cao quý nhất của văn chương là giải bày nỗi lòng thành thực. Cảm động vì đã gặp trong tập này một con người thành thực nên tôi xin thể theo ý tác giả viết đôi lời trân trọng cầu chúc tác phẩm này sớm ra mắt độc giả bốn phương, để chia xẻ một kinh nghiệm sống động.

Thủ đô Sài Gòn
ngày 28-5-1973
Võ Long Tê

Sau trên bốn mươi năm tận tụy cùng nghĩa vụ, ngoài xã hội, trong gia đình, lẫn quần với mấy tỉnh miền Nam, nay, tuổi đã về chiều, Đào Viên nhờ hoàn cảnh thuận tiện được xuất ngoại một phen, đi một vòng chân trời thăm con thăm cháu và mặc dầu thời gian đi đó đi đây tương đối ngắn ngủi, chỉ có mấy tháng thôi, song lũ khách được thấy được nghe nhiều chuyện hay chuyện lạ, từ xứ Maroc khô khan cát gió đến Thụy Điển đầy những tòng bá ao hồ, trải qua nước Pháp mà một tỉnh thành không mấy lớn lao cũng chứa nhiều cổ tích.

Đào Viên sẽ thuật ảo ảnh đã được trông thấy ở Phi Châu một chiều nắng gắt, sự chiêm ngưỡng ngôi biệt thự xưa của nhà nữ cách mạng Rolland (thọ tử hình năm 1793 trên đoạn đầu đài) hiện nay còn đứng vững trên đồi cỏ, gần quận lỵ Bourgoïn Jallieu.

Đào Viên sẽ tả một nghĩa địa lạ thường tại tiểu thành Vasteras, nơi đây ta nhận thấy cụ thể mọi người «bình đẳng trước Tử thần».

Nhưng thôi, kẻ cầm bút chép ghi sẽ lần lượt cố gắng đọc giả, những điều Đào Viên mắt thấy tai nghe, trong thiên:

PHI ÂU KÝ SỰ

tuy không đặc sắc dồi dào đến nỗi làm
cho quý vị ngạc nhiên, nhưng khả dĩ giúp
vui phần nào những phút trà dư tửu hậu.

Sài Gòn
Xuân Quý Sửu
1973
Đ. V. H.

1. TỪ SÀI GÒN ĐẾN CASABLANCA

A) NƠI PHI TRƯỜNG TÂN SƠN NHỨT

Chiếc phi cơ AF.193Y Công ty Pháp quốc Hàng không (Air France, viết tắt A.F) định cất cánh tại Sài Gòn ngày 8 tháng 6 năm 1972, hồi 19 giờ 15, đến Ba Lê hôm sau, chín giờ mười phút, giờ địa phương, đổi phi cơ khác, chiếc AF.2045Y, rời phi trường Orly hồi 11 giờ 45 đáp xuống phi trường Nouasser ở Casablanca là 13 giờ 30, giờ Maroc.

Thật là mau lẹ, thật là gọn gàng.

Song, vào lúc ba giờ chiều ngày 8 6, nhân viên AF gọi điện thoại cho Đào hay rằng có chút sửa đổi, là 20 giờ 30 phi cơ mới bay đi.

Dẫu vậy, Đào đã chuẩn bị đầu đó sẵn sàng, bà con em cháu tựu đến tiễn đưa, đứng trước nhà chụp vài tấm ảnh làm kỷ niệm.

Giờ phút ấy buồn hay vui?

Đào khó thể tả được. Châm ngôn Pháp có câu: “Partir, c’est mourir un peu” (Ra đi là chết một phần nào).

Thấy viễn cảnh cuộc hành trình dài đằng đẵng, nhiều nỗi khó khăn mà e ngại: với tuổi già sức yếu, lại có bệnh trong mình, mà phi cơ đi từ Sài Gòn đến Casablanca, xứ Maroc, thông quá



(transit) Ba Lê, lại từ Casablanca, bay qua Thụy Điển, cũng ghé lần nữa Ba Lê, để thăm gia đình Ngọc, trưởng nữ của mình, rồi từ Thụy Điển lại trở về Ba Lê, xuống Bourgoin Jallieu gần Lyon thăm thằng Ba, trai kế.

Sau cùng là từ già Bourgoin trở xuống Casa đăng về Sài Gòn.

Hành trình dài những mấy mươi ngàn cây số, nghĩ có ngán chẳng?

Song, muốn thăm con gái, con trai với dâu rể, cháu nội, cháu ngoại, mình chỉ biết mặt trong mấy bức ảnh mà thôi, thì dầu cam go thế nào cũng rán chịu, vả lại tuổi ngày một già, nếu năm nay không đi thì chừng nào mới xuất ngoại được? Chắc không bao giờ?

Nhắc lại, hôm ngày thứ ba trong tuần, ngày 6 tháng 6, Chín đi với thân phụ là Đào đến trường trung học Marie Curie gặp ông Hiệu trưởng, vì chiều 8 6 ông cũng đi Ba Lê một lượt với Đào, Chín nhờ ông giúp đỡ, ông vui vẻ sẵn lòng.

Bốn tánh lôi thôi, và cái tánh lôi thôi đó nó đeo đuổi, nó làm khó cho Đào biết bao lần trong kiếp sống, là không trước cần thận hỏi ông Hiệu trưởng tên gì, nên chiều 8 6 nơi phi cảng, Đào tìm mãi không gặp ông, mà hỏi nhân viên Cảnh sát “ông Hiệu trưởng trường Marie Curie” thì họ bảo là không biết!

Đào chỉ dòm chừng mấy người Pháp đến, xem ông nào sói đầu song ông nào

cũng có tóc hoặc đội nón cả. Trường hợp này chẳng khác đi tìm một cái nhà ở Sài Gòn mà không biết số vậy!

Hai nhân viên xét sổ thông hành xin lỗi bảo Đào trình giấy phép Bộ Nội Vụ cho xuất ngoại, vì họ được lệnh cho ra cửa những ai đi trị bệnh còn du khách thì mời về nghỉ!

Đào có giấy phép cho xuất ngoại để trị bệnh và được miễn phí đảng hoàng.

Lên phi cơ ngồi yên.

Bỗng một người Pháp đầu kia đi lại, gặp Đào, ông kêu lên:

– Tiens, c'est vous? (Ông đấy à?)

Chính là ông Hiệu trưởng.

Ông tiếp:

– Làm thế nào mà tôi lên hồi 17 giờ, đi loanh quanh mãi không gặp ông?

Đào đáp rằng mình mới lên hồi 18 giờ 45 vì nhân viên Công ty điện thoại cho hay 20 giờ 30, phi cơ mới cất cánh.

Ông phàn nàn:

– Tôi có hai ba cái điện thoại trong văn phòng, thế mà họ không buồn cho tôi hay?

Ông xách cái va-li nhỏ của Đào, mời lại ngồi gần ông và từ đó cho tới Ba Lê, đến khi không thể theo Đàoặng nữa, ông tận tâm giúp đỡ.

Ông tên Fages, 51 tuổi, Cử nhân văn chương Tây ban Nha (Espagnol), giáo sư đệ nhị cấp, bà vợ 47 tuổi dạy trường tiểu học Saint Exupéry.

Ông bà về Pháp nghỉ hè nơi nhà trưởng nữ kết hôn cùng y khoa bác sĩ Thillier ở Tours, số 15 đường Eupatoria. Bà đã về trước ông cách đây vài tuần, ông còn bận giao việc cho Giám học, rồi mới về sau.

Ông không giấu rằng thuở nhỏ, ông con nhà hàn vi, mùa đông mang guốc đi học. Ban đầu ông làm giáo viên (Instituteur), ông cố gắng học hỏi thêm, đậu bằng Cử nhân Văn chương, nhập ngạch giáo sư đệ nhị cấp, và điều khiển trường Marie Curie đã ba năm rồi.

Người ông có chí, chân thật, dễ gây cảm tình.

B) VỌNG CÁC (BANGKOK)

Đến Vọng Các, kinh đô nước Thái lan (Thailande) trước gọi là Xiêm La (Siam), phi cơ đậu nghỉ vào lối 21 giờ 30.

Hành khách được mời lên xe ca, xe chở vào phòng chờ đợi.

Mặc dầu ghé Vọng Các vào lúc ban đêm với tư cách thông quá (transit) và sau này, trên đường về, bắt đắ dĩ cũng xuống nơi đây và ở trọ một đêm, song không được hân hạnh viếng kinh thành một nước mà Phật giáo (tiểu thừa) là quốc giáo, viếng đền chùa, chiêm bái Phật cốt, Đào cũng do nơi sách báo mà trình bày thành phố Vọng Các, một thành phố có những nét đặc biệt, độc giả lãm tường.

Một thành phố trên mặt nước

Vọng Các là một kinh thành, thành phố đẹp để một trong những trung tâm quan trọng Á Châu.

Kê bên những khách sạn đồ sộ kiểu vờ âu châu, những tòa nhà chọc trời, trong đám thổ mộc nhiệt đới xanh um, mọc lên những chùa Phật, đình miếu, trên vách chạm trổ tinh vi những hình Thần Quỷ.

Trong chùa đầy cốt Phật bằng cẩm thạch, bằng đồng, bằng đá, pho tượng Phật vô giá là một pho tượng bằng vàng nguyên, nặng tám tấn.

Nhưng phần đặc sắc nhứt thành phố là xóm bình dân, bên kia sông Chao Praya; đó là một vùng chằng chịt những kinh đào, gọi là “Klong” nằm dọc nằm ngang, trên bờ kinh cất những nhà sàn.

Nhiều gia đình cư trú luôn trên những chiếc thuyền chạm trở khéo léo, vừa dùng làm nhà ở, vừa làm hiệu buôn. Mấy thuyền ấy đậu khít nhau đến nỗi người ta có thể đi ngang qua kinh mà chỉ có bước trên thuyền.

Những chiếc dù màu sắc sặc sỡ che trên thuyền và cái chợ nổi lạ lùng bán nào là trái cây, rau, cá, hương vị, nón, nào là thùng rổ và giỏ đựng, những bức sơn mài.

Chỉ được vận dụng bằng một cây chèo, thuyền đi lại mau chóng nhẹ nhàng. Thuyền đẹp lộng lẫy của du khách dựa kề những chiếc thô kệch, nông phu từ chốn thôn quê chở đến kinh đô, sản phẩm ruộng vườn.

Trong phòng chờ, trưng bày những ngoạn vật bằng đồng, bằng bạc, bằng vàng, những tượng Phật, trời Đế Thích, vũ nữ, thú rừng, chim chóc v. v..., những chùa tháp cỡ nhỏ.

Đào ham thích vô cùng, song phải dòm lại túi tiền, đường còn xa. Ông Fages bảo rằng bán cho du khách họ đập thẳng tay.

Những ai đi tiêu đi tiểu ra, đến một hàng bốn rửa tay rửa mặt, một anh Thái mặc Âu phục trắng cầm chiếc khăn lau trắng tinh, trình cho khách lau tay. Dĩ nhiên là có thù lao.

Ngồi chơi độ bốn mươi lăm phút, ra cửa đăng lên phi cơ, hai nhân viên an ninh đứng xét từ người. Hai người Âu bị dẫn đi đâu không biết, chắc họ có gì khả nghi (?).

Xe ca chở hành khách ra phi cơ. Lại bay. Lúc ấy hơn 22 giờ.

Nhân viên hàng không dọn ăn tối: jam-bông, trái cây, rau cải trộn hột gà, bơ, pho mát, một chai nước suối nhỏ.

Thỉnh thoảng tiếp đãi viên trao cho một cái bao con, mở ra là miếng giấy thấm dầu thơm để lau mặt.

Phi cơ bay cao chín ngàn thước, tốc độ tám trăm cây số giờ. Trong phi cơ khí hậu 13 độ, còn ngoài trời 20 độ dưới số không. Mặc dầu mặc bộ đồ nỉ, Đào cảm thấy lạnh. Ông Fages đề nghị lấy cho Đào một cái mền, Đào từ khước, không muốn làm rộn ông.

Ông đưa cho tiếp đãi viên hai đô la rưỡi, mượn hai sợi dây, một đầu cho mắc vào hai lỗ tai, một đầu găm vào một

cái mắc điện dưới ghế, như thế là được thưởng thức tiếng nhạc văng vẳng.

Dưới ghế Đào, sẵn có hai sợi dây, ông bảo là đã có kẻ mượn đặt nghe rồi quên trả.

Đào nghe nhạc một hồi sinh chán.

Càng bay về hướng tây, càng thấy sai biệt giữa giờ Sài Gòn với giờ địa phương, như giờ Sài Gòn “đi” trước giờ Ba Lê bảy tiếng đồng hồ.

C) BOMBAY

Li nửa đêm, phi cơ đến Bom Bay, hành khách không được xuống đất.

Khoảng không giờ 20 phút, ông Fages đi đăng đầu máy trở lại nói, hồi hạ xuống cánh trái phi cơ đụng cái thang

máy tự động nên đứt dây vô tuyến, đành phải đậu đó sửa chữa cho xong mới tiếp tục hành trình.

Đào đi tiểu tiện vô thì tiếp đãi viên đã tắt đèn tối om cho hành khách ngủ, chỉ nơi phòng máy ánh sáng còn rọi ra, mà chiếc Boeing 747 thì dài thườn thượt, Đào không rõ đâu là chỗ ngồi của mình; hành khách kẻ thì ngoẻo đầu ngủ, người thì dựa ngửa, kẻ lại dở lên cái tay vịn của ba chiếc ghế ngồi liên tiếp rồi nằm dài mà ngáy.

Đào kêu:

– Ông Fages, ông Fages, ông ở đâu?

Fages đang ngủ nghe gọi, ra dắt Đào vô ...

Dây vô tuyến điện hư phải sửa gần năm tiếng đồng hồ mới xong và bốn giờ

rưỡi ngày 9 tháng 6, phi cơ cất cánh tiếp tục bay.

Thế là đã trễ trên sáu tiếng đồng hồ và còn trễ nữa!

Sáu giờ sáng, điểm tâm: bánh mì, bơ, sữa, cà phê.

D) TÉHÉРАН, KINH ĐÔ XỨ IRAN – (BA TƯ, PERSE CỨ)

Hành khách không được xuống. Nhìn ra ngoài, ngang qua cửa sổ thì trên phi trường, cũng phi cơ đậu nhiều, xe chạy tới chạy lui.

Téhéran là nơi cư ngụ của vị “Chah” tức là chúa tể; thành phố lớn, nhiều lâu đài, vườn hoa đẹp đẽ. Ba Tư là xứ nổi tiếng về nghề dệt thảm từ ngàn xưa.

Với bàn tay khéo léo, phụ nữ dệt những tấm thảm hoa; xong, đàn ông và thú vật dậm đạp cho tấm thảm trơn láng và mịn màng, đoạn, họ giặt dưới suối cho màu sắc thêm tươi rồi phơi trên những thạch bàn.

Xin nói, sau khi ngồi yên trên phi cơ, ông Fages cởi giày lấy đôi dép trong xách ra mang, nói rằng mang giày bó chân cả mấy tiếng đồng hồ ắt phải đau chân vì máu vận động không thông.

Trong một cái giỏ, ông xách về cho rể con một chục xoài chín, thơm tho. Của ít lòng nhiều, vả lại đất Pháp xoài hiếm có, giá mắc, nên quý vậy.

Ông Fages nói chuyện về Phật giáo với Đào, tỏ ra người am hiểu tôn giáo này.

Từ Téhéran tới Tel Aviv, nhân viên chiếu bóng cho coi một cánh đồng quê nước Pháp, sanh hoạt một gia đình thôn dân, anh thanh niên con chủ nhân ông có nhúng tay vào một án mạng chánh trị, bị cảnh sát tìm bắt, hai đảng bắn nhau, anh bị thương chết và nhà anh bị đốt.

Gần đến Tel Aviv, phi cơ nhồi, vài người tỏ dấu khó chịu.

Phi cơ đáp xuống hồi mười giờ, giờ địa phương, hành khách cũng không được xuống; năm ba anh cảnh sát lên xét sổ Thông hành, vì cách đó mấy tuần, nơi đây xảy ra sự bạo động của ba người Nhựt, một số hành khách bị tử thương.

Họ đi tới đi lui xét rất kỹ, độ một tiếng đồng hồ, mới cho phi cơ bay tiếp.

E) ĐÂY, TEL AVIV

Mới kiến tạo từ năm 1909, vừa hơn sáu mươi năm, để làm nơi cai trị, phía bắc thành phố Jaffa, Tel Aviv hiện nay là hải cảng duy nhất xứ Palestine.

Thành phố do nhiều vườn tược hợp thành ấy phát triển mau lẹ và là thị thành quan trọng nhất quốc gia Do Thái.

Tel Aviv nằm dài theo bờ biển, dưới chơn những đồi thấp thấp, trên đấy là những làng mạc canh nông. Dân sự là dân tứ xứ, từ bốn phương trời đem đến ngôn ngữ, tập quán, sanh hoạt của riêng mình.

Trên những con đường náo nhiệt, nhiều thanh niên mặc y phục lao động xanh lơ, chen chơn nhưng thiếu nữ quần

dài và đàn ông râu ria đầy mặt, xúng xính trong bộ áo nẹp đen.

Là một thành phố hoàn toàn mới mẻ, kiểu cách Âu Châu, Tel Aviv không có cổ tích, không cổ truyền vì mới được tạo thành với những con đường thẳng tắp, những khu xóm tân thời, thuần lý, không có gì thay đổi.

Mặc dầu Jérusalem là kinh đô Do Thái, song Tel Aviv lại là trung tâm văn hóa và thương mại.

Mỗi ngày, xuất bản hai mươi tờ báo bằng nhiều thứ tiếng khác nhau và nơi đây cũng là trung tâm nghiên cứu những vấn đề kỹ thuật tối tân.

F) NƠI PHI TRƯỜNG ORLY

Đào tới phi trường Orly, phía nam kinh thành Ba Lê, còn phi trường Bourget nằm về phía bắc.

Lúc ấy đã 14 giờ 40. Ông Fages dắt Đào bước lên thang gác tự động (escalier roulant). Lần thứ nhứt Đào đi thang này nên mất thăng bằng, ngã ngửa, Fages đưa tay đỡ khỏi té ông bảo:

– Vì ông đi thang này chưa quen vậy thôi ông đi thang thường tốt hơn.

Và từ đó Đào chịu mình “quê” chỉ đi thang thường mà thôi. Trong lúc đó, bọn Tây con nó nhảy xoi xói còn mấy ông bà già đứng trên tấm thảm tự động (tapis roulant) hay trên thang gác tự động, tay vịn cái lan can.

Ông Fages dắt Đào đến nhân viên phụ trách việc thông quá (transit), trình vé máy bay và Sổ Thông hành. Hỏi:

– Sao không có chiếu khán của Tòa Lãnh sự Maroc tại Sài Gòn.

Đáp: – Vì tại Sài Gòn, xứ Maroc không có lãnh sự và cũng không có sứ quán nào nước khác đại diện cho Maroc, cho nên khi mình đến lãnh vé máy bay, Công ty Hàng không Air France ở Sài Gòn đánh điện tín về Air France ở Casablanca xin chiếu khán nhập cảnh cho mình, và Đào cắt mấy bốn sao điện tín trả lời của Air France Casablanca dán vào Sổ Thông hành làm chứng tích.

Nhân viên Air France ở Ba Lê nói lại với Cảnh.sát, mấy ông bảo Đào ở trong phi cảng đừng ra ngoại thành.

Fages dắt Đào ra đến cửa giới thiệu cùng bà vợ và ông em đang đứng chờ ông. Bà giáo sư cũng tử tế, bảo ông lo cho Đào xong sẽ ra về.

Nhân viên AF nói rằng phi cơ đi Casablanca đã bay hồi 14 giờ 20 mà Đào lại đến hồi 14 giờ 40, và chuyển máy bay kế, chiều ấy bay hồi 19 giờ 10 lại hết chỗ rồi. Vậy Đào phải ngủ đêm tại phi cảng, sáng mai đi chuyển 10 giờ 15, và sự ăn uống, ở khách sạn, do AF đài thọ.

Fages lại dắt Đào lên lầu, đến ghi-sê một bà Pháp già, tỏ tự sự, bà trao cho Đào cái chìa khóa phòng số 4, một giường, đủ tiện nghi, bảo 18 giờ 30 ra phòng ăn dùng cơm chiều và sáng mai ngày 10 6, 7 giờ điểm tâm trong phòng.

Xem tấm bảng treo trong cửa phòng, thấy giá biểu mượn phòng một giường

là 74 quan và phòng hai giường là 125 quan.

Đào lấy một mỹ kim đổi ra được 4 quan 60, mua một tấm cạt và một con tem gửi về nhà cho hay rằng vì phi cơ trễ mấy tiếng đồng hồ nên đêm nay phải ngủ trong một phòng ở phi cảng sáng mai mới đi Casablanca.

Cuộc hành trình dài, lâu, cực nhọc, song cũng gặp nhiều việc tức cười.

Ông Fages là người tự tin, việc gì ông cũng bảo: “Pas de problèmes!” (không thành vấn đề). Đào tặng ông cái bí danh là “Cái ông không có vấn đề” (le Monsieur sans problèmes), biên địa chỉ ông ở Pháp vào sổ tay đặt khi đến Casablanca, Đào sẽ viết thư hoặc gửi cạt thăm ông.

Và hẹn sau khi về Việt Nam sẽ đến trường văn an.

* * *

Bốn giờ chiều.

Vào phòng cởi áo máng vào tủ, khóa cửa phòng cẩn thận, lên giường nằm nghỉ, bụng bảo dạ sáu giờ sẽ ra ăn.

Nhưng khi cảm thấy lạnh, Đào thức dậy, trời đã tối, một ánh sáng mờ rọi vào phòng, vì hồi chiều Đào không kéo qua bức màn che cửa sổ.

Mở đèn xem thì đồng hồ đeo tay chỉ 9g30; thôi, còn ăn với uống gì nữa, đành ngủ sáng sẽ hay, may là không đói lắm.

Mở cà vạt, cởi giày, kéo màn rồi lên giường đắp mền ngủ một giấc đến sáu

giờ thức dậy.

Ra ngoài làm quen với mấy thanh niên gác trên lầu ban đêm, cho đến 7g mới giao cho nhân viên làm việc hàng ngày.

Anh Brown chuyện vãn với Đào vui vẻ, nắm tay dắt Đào vào phòng, chỉ tận đằng xa, mút con đường đi từ phi trường rẽ tay trái về hướng bắc, sẽ gặp cái tháp Eiffel, nhưng hôm ấy sa mù, nên không trông rõ.

Anh bảo trong vài năm đây, chánh phủ sẽ xây cất cách Ba Lê 40 cây số ngàn, một cái phi trường quốc tế vĩ đại, to lớn bằng mấy Orly cho xứng đáng với nước Pháp và cho mấy phần lực cơ hạng nặng đáp xuống, cỡ La Concorde chở 4, 500 hành khách.

Và sau đó vài tháng, Đào nhận thấy phi trường Copenhagen, xứ Đan Mạch (Danemark), cũng rộng lớn, cũng “mỗi chơn” không kém Orly.

Nói chuyện qua loa với mấy anh, Đào bước đi thì nghe một anh nói nhỏ: “Il est sympathique” (Ông ấy dễ mến).

Bữa điểm tâm dọn vào phòng: cà phê sữa, trái cây, phô mát, Đào bảo làm cho đĩa hột gà chiên đánh, họ tính riêng cho 6 quan 90 phải trả. Bóp bụng đưa hai đô la ...

Nhân viên rải rác tựu đến, Đào trình vé máy bay, họ trao cho cái vé lên phi cơ.

Đi tới đi lui một hồi, chín giờ rưỡi sắp hàng, chịu xét rồi mới lên phi cơ.

Ngồi xong, Đào làm quen với anh Pháp tên Jacques Paries, và một người

Maroc, Anoub. Anh J. Paries là Giám đốc Công ty Protec và Giám đốc Hãng Fénie Brossette, ở số 650, đại lộ Mohammed V, điện thoại 411-42 và 420-05, nhà ở của anh là Cité Jean Courtin, 157 Bd Zerk-touni, góc Brahim Rondani. điện thoại 594-08.

Anh nói rằng thân phụ anh sẽ đem xe đến rước anh và nếu không có vợ con anh theo xe, anh sẽ cho Đào có giang về số 16 đường Dalton.

Và mời Đào rảnh quá bộ lại nhà hoặc lại xưởng anh chơi.

Bay dọc theo bờ biển nước Pháp rồi Y-pha-nho, nước biển xanh, ren sóng trắng, trông thật là ngoạn mục.

Đúng ngọ, dùng bữa trưa qua loa, cũng thịt jam-bông, trái cây, rau, bơ và

phó mát. Phi cơ đến Casablanca, phi trường Nouasser, hồi 13g15.

Đang đứng nối đuôi để trình Sở Thông hành, bỗng một Sĩ quan Maroc, trên dưới bốn mươi tuổi, đến nhìn Đào, mỉm cười, hỏi bằng Pháp ngữ:

– N’êtes-vous pas M. Đ.V.H qui venez de Saigon? (Có phải ông là ông Đ.V.H ở Sài gòn đến không?)

Đào hơi ngạc nhiên, song thấy anh ta vui vẻ chắc có triệu chứng hay hay nên nhận chịu, hỏi lại:

– Sao ông biết tôi?

Đáp:

– Bà Phạm Minh có nhờ tôi rước ông. Bà có tả hình trạng ông đội nón nỉ, mang kiến đen, v. v...

Sau đó, vợ chồng Năm (bác sĩ Năm – cháu của Đào Văn Hội) nói có trao ảnh Đào cho ông ta xem; ông lãnh hai cái va-li Đào ra mà khỏi bị khám xét gì hết, lo thủ tục chiếu khán nhập cảnh giùm Đào, đóng hết ba đồng đô la.

Và nhà chức trách cho Đào cư ngụ một tháng, sau sẽ xin gia hạn. Sĩ quan y tế ấy, ông Najemi, điện thoại về nhà cho Năm hay.

Hơn nữa giờ sau, chiếc xe Fiat chở vợ chồng Năm với em là Marie chạy đến; mừng rỡ vô cùng vì Đào cách mặt vợ chồng Năm đã hai mươi năm rồi, còn Marie mới qua Maroc ở với anh vài năm nay...

2. SÁU TUẦN Ở MAROC (MOROCCO)

Từ phi trường Nouasser tới nhà Năm, y khoa bác sĩ, ở số 16 đường Dalton, xa trên ba mươi cây số ngàn, lên đèo xuống dốc, đến nhà hơn ba giờ chiều.

Chuyện nổ như bắp rang, Năm hỏi thăm lắng xảng về bà con anh em bên nhà.

Marie nói, theo thơ Đào cho hay thì phi cơ phải đến Casablanca chiều hôm qua, ngày thứ sáu, 9-6, hồi 13 giờ 30, thành thử cả gia đình Năm với Marie ra ngồi suốt buổi chiều ở phi trường mà chờ, chờ luôn chuyến phi cơ bay ở Ba Lê hồi 19 giờ 10.

Không có Đào đến.

Vậy vợ Năm mới trao ảnh Đào cho viên sĩ quan y tế quen, ông Najemi, xem, mượn ông hôm sau, thứ bảy, đón rước rồi gọi điện thoại về nhà cho hay.

Đào giải thích sự trễ nải là tại như trên, đúng lý chiều thứ sáu phải đến, hóa ra chiều thứ bảy mới gặp, trễ chơi hai mươi bốn tiếng đồng hồ!

1) ĐÂY, MAROC

Trước khi thuật tiếp những điều nghe thấy của Đào trong cuộc hành trình Phi Âu, Đào xin giới thiệu sơ lược xứ Maroc, địa lý và lịch sử, sau đề cập đại khái đến thành Casablanca.

Maroc là một nước quân chủ, vị trí ở miền bắc Phi châu, bắc giáp Địa trung hải, tây giáp Đại tây dương, nam, đông, và đông nam, xứ Algérie là láng giềng.

Diện tích Maroc được 447.000 cây số vuông, rộng lớn hơn xứ Việt nam, song dân số chỉ có mười ba triệu, không bằng phân nửa dân số nước ta.

Dân tộc là người Berbères ở Bắc Phi châu và dân Á rập ở trong mấy vùng trước kia do những vị vương kiểm soát.

Các sắc dân ấy chuyên việc chăn

nuôi và trồng tía, cung cấp nhân công cho người Âu khai thác đồn điền, biến xứ Maroc thành một nước vừa canh nông vừa kỹ nghệ quan trọng hiện nay.

Nguồn lợi thiên nhiên rất là phong phú: dầu lửa, sắt, chì, kẽm, phốt phát v. v... lại có nước suối nữa. (Nước suối Sidi Harazem, mùi vị như nước suối Vĩnh Hảo Việt Nam, trị bệnh đau thận, do tỉnh Fez sản xuất, được bán khắp Maroc. Nước suối Oulmès, sản phẩm của tỉnh Meknès).

Nhiều đập nước to cung cấp cho Bắc Phi thủy năng dồi dào. Cùng với nguồn lợi canh nông và kỹ nghệ, ta nên kể thêm những hải sản và lâm sản.

Maroc xuất cảng những nguyên liệu như phốt-phát (phosphates), man-gan (manganèse), lông chiên, da thú, lúa thóc,

cá, trái cây, rau v. v... Nhập cảng những chế phẩm, nhiên liệu và thực phẩm ...

Về lịch sử, ban sơ Maroc là phần đất xứ Mauritanie, nghĩa là xứ dân “Maures”, người ở bắc Phi châu, khi xưa chịu ảnh hưởng thành Carthage, rồi sau bị La Mã thống trị.

Nhiều triều đại, kế tiếp nhau cai trị Maroc, những là Almoravides, thế kỷ XI và Almohades (thế kỷ XII) kế đó là triều vương Mérinides, thế kỷ XIII cho đến thế kỷ XVI, uy quyền thuộc về những vị trong Saâdiens, rồi Filali, mà một chi nhánh là những vua Alides hay Alaouites thống trị cho đến ngày nay.

Tình trạng hỗn loạn kéo dài cho đến đầu thế kỷ thứ XX, nước Pháp bắt đầu bình định (?) Maroc và bảo hộ từ năm 1912.

Trong thời đệ nhứt thế chiến, 1914-1918, Tướng Lyautey giữ được an ninh trong xứ, mặc dầu có cuộc kháng chiến từ 1924 tới 1926 của Abd-el-Krim xuất phát từ lãnh thổ Maroc Tây Ban Nha.

Sau đệ nhị thế chiến, 1939-1945, nhiều biến cố quan trọng xảy ra, vua Mohammed V bị đày, rồi lại được trở về.

Và năm 1956, xứ Maroc được tuyên bố độc lập và biến thành một nước quân chủ từ năm 1957.

Trước khi được độc lập, lãnh thổ Maroc Tây Ban Nha chiếm miền bắc Maroc, từ bờ biển Địa trung hải và Đại tây dương cho đến phía nam thành Larache; phần còn lại thuộc quyền bảo hộ của Pháp.

Kinh đô Maroc là Rabat, các thành phố lớn là Casablanca, Marrakech, Fez và Meknès.

Là một xứ phong phú có nhiều tài nguyên lại may mắn ở vào cảnh thái bình, Maroc phát triển mạnh mẽ...

2) CASABLANCA

Năm 1907, thành phố này dân số chỉ có 25.000 người, mà năm 1970, khoảng sáu mươi năm sau, đã lên đến 1.500.000.

Là cửa ngõ và kinh đô kinh tế Maroc, hải cảng số 1 Phi châu với mậu dịch trên 10 triệu tấn mỗi năm, thành Casa (Casablanca viết tắt) nhờ vị trí đặc biệt trên bờ biển Đại tây dương, là một trung tâm quan trọng tập trung và xuất cảng sản phẩm trong xứ và phân phối hàng hóa nhập cảng.

Casa lại còn là một trạm trên các đường hàng không, hàng hải và đường bộ, nối liền trên đất Phi châu, các nước

Âu Châu, trung Phi Châu và cả hai miền Nam Bắc Mỹ Châu.

Casa là một thành phố tân thời, không có những cổ tích như đa số thành phố Maroc khác, song lại hưởng một khí hậu ôn hòa, mùa đông chừng 15 độ, mùa hè 24 độ, cung cấp cho du khách nhiều thú vui giải trí, những nơi du lịch thích thú và một bãi biển nổi danh trên thế giới.

Casa lại là một địa điểm khởi hành đặc biệt cho những cuộc du lịch nội địa. Thành phố chia làm hai khu vực:

Thành phố cũ (Ancienne Médina) gồm nhiều thánh đường Hồi giáo, đẹp nhất là “Jama el kebir” do vua Sidi Mohammed ben Abdallak tạo lập vào hậu bán thế kỷ thứ XVIII và Thánh đường

của Sidi el Kairouan là vị chủ tế đầu tiên thành phố này.

Từ “Trụ Sở Nghiệp đoàn Sáng kiến” (Syndicat d’initiatives) cách hai trăm thước phía hữu là Chợ Trung tâm (Marché Central); kể đó, đi về hướng Chợ cũ, ta gặp Công trường Mohammed V còn đang trang hoàng cho thêm phần rộng lớn và đẹp đẽ.

Từ công trường này đi về hướng bắc, gặp đại lộ Mohammed El Hansali dẫn ta đến hải cảng, mút đại lộ ấy là Thánh đường “Marabout Sidi Beyliout” và bên lề đại lộ Almohades, là nhà ga của hải cảng Casa.

Về phía đông bắc, ta gặp đại lộ “Quân đội Hoàng gia” (Armée Royale) có nhiều tòa nhà đồ sộ, khách sạn huy hoàng, những Công ty Hàng không, hàng hải và

Công ty chuyên chở của Maroc (C.T.M: Compagnie des Transports du Maroc).

Về phía đông, là đại lộ Mohammed V; phía nam đại lộ Hassan II, trên đây ta thấy ban đầu là Maroc ngân hàng và Nhà Bưu điện Trung ương; kế đó là Công trường Liên Hiệp Quốc (Place des Nations Unies) rất đẹp; bên mặt, gần Bưu chánh hai dãy Tòa Hành Chánh, Bốn nước sáng ánh và âm nhạc (Fontaine lumineuse et musicale). Bên trái, Tòa đại biểu Bộ Du lịch, Pháp đình, Tòa Tổng Lãnh sự Pháp và bên trong là Đô thành.

Phía bên kia Công trường Liên Hiệp Quốc, đại lộ Hassan II chạy dài đến Công viên Ả-Rập đoàn kết (Parc des Arabes Unis) trong đây có chỗ dạo mát, hồ nước và sân vận động.

Phía tây công viên là Nhà thờ Thánh Tâm.

* * *

3) Thành phố mới (Nouvelle Médina):

Là một khu vực dân cư đông đúc. Nơi giáp mỗi thành phố tân thời với chợ mới, là Hoàng cung và Tòa án địa phương; trong khu vực này cất nhiều thánh đường, nhứt là Thánh đường Moulay Youssef, một trong các thánh đường rộng và đẹp nhứt Maroc, với đặc biệt nhiều con đường dưới cửa vòng cung.

Mút đại lộ Mohammed El Hansali, nếu du khách rẽ sang tay trái thì gặp đại lộ Almohades, chạy dài từ hải cảng cho tới tàn tích những vách thành xưa.

Ta hãy theo đại lộ Sour Djedid, rồi đại lộ Sidi Mohammed ben Abdallah, dài theo đường này, ta viếng nơi nuôi cá (Aquarium) và vòng Chợ Quốc tế (Foire Internationale).

Cách Công trường Mohammed V chừng năm cây số, đứng sừng trên bán đảo El Hand ngọn hải đăng cùng một tên. Sau đó, bắt đầu con đường dọc theo mé biển, trên đấy có những quán ăn, hộp đêm và nhiều hồ tắm trong xanh đẹp đẽ.

Casa là nơi, năm 1942, xảy ra cuộc đổ bộ đẫm máu của quân đội Đồng Minh.

Và đôi Anfa, đột khởi trên đường ven biển, là nơi, năm 1945, xảy ra cuộc thương thuyết đặc biệt giữa Thủ tướng Anh Winston Churchill và Tổng thống Mỹ Roosevelt, chấm dứt Thế chiến thứ hai.

Chiều ấy, Đào cùng vợ chồng Năm đi chợ làng (Marché du village) bán thực phẩm đủ thứ: rượu, bơ, phó mát, xi rô, trái cây, cà phê... một ổ phó mát trực kính một thước tây, dày bốn tấc, đặt nằm dưới đất, thấy mà ngán; Đào tưởng họ chưng làm kiếu, nào ngờ họ bỏ ra để lên bàn bán thật sự.

“Chợ làng” là nhiều tòa nhà hiệp làm một, đèn néon chiếu sáng trưng, chợ lớn bằng năm, bằng bảy hiệu Thái Thạch và Liên Seng ở Sài Gòn.

Năm lái xe chạy vòng mé biển. Gió thổi vùn vụt, sóng vỗ ào ào.

Chạy ngang mấy thánh đường Hồi quốc, Marie cho biết rằng dân bốn xứ vào đó ngồi xếp bằng tròn đọc kinh cầu nguyện chớ họ không có thờ phụng chi

hết, và lối bốn, năm giờ sáng, mình nghe họ đọc kinh ê, a, rõ mồn một.

Sáng hôm sau, chúa nhật, bác sĩ Năm lại chở Đào đi dọc theo bờ biển một lần nữa. Khoảng đầu, “lao xao sóng muốn trào lên bụi” Năm nói rằng nơi đây dơ bẩn, không phải là chỗ tắm, lại đến một nơi nhiều Công ty Maroc xây cất hồ tắm rất đẹp, rất sạch cho du khách và những người tập lợi.

Dĩ nhiên là lợi có giờ và phải trả tiền vô cửa. Và đây là bức ảnh của một phần thành phố Casa trên bờ biển, từ trên phi cơ chụp xuống, nơi gọi là “Cái dê to” (La Grande jetée) ngăn chặn sóng biển đánh vào...

Thành phố Casa do người Pháp kiến trúc: “Casa” (Case) là nhà, “blanca” (blanc) trắng. Toàn thể các nhà lầu, nhà

trệt ở Casablanca đều tường phấn, nóc bằng, sổ thẳng, ngang ngay.

Casa nằm dài theo bờ biển cả mấy cây số, lại ăn sâu vào đất liền.

Đường xá thẳng tắp, chằng chịt, giữa thành phố mà có những dốc lên dốc xuống, khu phố thương mại, hành chánh, cao ốc chín mười tầng, ngó lên trệt ót.

Biệt thự trệt, sạch, bông hoa đầy sân, nhứt là vạn thọ, vong ưu thảo (glaieul), hoa bách nhật (Zinnia), thược dược, v. v... bông giấy đỏ ối leo làm hàng rào, anh phụ làm vườn cắt xén phần trên dày, phần dưới mỏng, cao vài thước.

Trên cột cửa ngõ, viết một chữ Pháp: “Enfin ...!”, có nghĩa là: “Đi đâu xa, đã về đến nhà”.

Hai bên đường trồng những cây kè, hoặc một thứ cây khác, không rõ cây gì, gốc to, tàng tròn, trái nhỏ bằng ngón tay, không ăn được, trồng cho có bóng mát thôi.

Đường lớn thì có đại lộ Zerketouni, tên một vị anh hùng chống Pháp, bị Pháp giết thác; đại lộ Mohammed V là phụ hoàng vua Hassan II; đại lộ Hassan II dài hơn hết, đại lộ Victor Hugo, v. v...

Đa số đường mang tên Pháp: Laplace, Victor Hugo, Lamartine, Jenner, Pasteur, v. v... số khác mang tên người bản xứ.

Đường sá quá nhiều, du khách dạo thành phố cầm theo một bức địa đồ, thỉnh thoảng giở xa xem, không khéo lại đi lạc. Thậm chí mấy bác tài tắc xi cũng không hay gì, cũng mù tịt về tên đường.

Trên mỗi chiếc xe sơn đỏ, có tấm bảng nhỏ để hai chữ “Petit taxi” (Tắc xi nhỏ), tấm bảng chỉ số tiền gie ra ngoài, phía bên tài xế.

Tắc xi lớn không mang bảng, giống như “xe lô” ở Việt Nam, chạy con đường Casa Rabat chẳng hạn.

Một lần, Đào hỏi bác tài bằng Pháp ngữ (vì đa số dân Maroc ở thành hiệu biết tiếng Pháp):

– Anh biết đường Dalton không?
DALTON, số 16.

Anh gật đầu lia lịa, đáp “Biết, biết”. Chạy ba đồng bảy đổi đến đại lộ DAN-TON: Đào nói không phải. Bác liền nhờ Cảnh sát chỉ giùm.

Về đến nơi, công-tua chỉ: hai dirham, 60. Đồng dirham (diram) là đơn vị

tiền tệ Maroc (viết tắt DH), giá trị tương đương với đồng quan Pháp. Thường thì đi một cuộc như thế chỉ tốn 1,55 DH, khách rộng rãi trả cho hai diram. Mà nay, vì anh không thạo đường, chạy lộn xộn, hóa ra đi lâu, đường dài, nên Đào chỉ trả hai diram thôi.

Anh cảm ơn và xin lỗi.

Về sau, cháu Lữ nơi nhà, em của vợ Năm, bảo Đào cứ khiến nó chạy về “Bệnh viện 20 Aout 1953” là trúng, tài xế nào cũng biết và đường Dalton nằm trước bệnh viện ấy.

Hai bệnh viện lớn của Chánh phủ nằm kế nhau, cách một con đường, và mang tên Pháp: “Hôpital du 20 Aout 1953” và “Hôpital Averroes”.

Nối dài đường Dalton là đường Jus-

sieu, mút đường nầy đến “Bệnh viện dược phòng” (Pharmacie de l’hôpital) một dược phòng to, nơi đầu đường Commercy nay đổi tên là đường Agadir.

Nói thật mà nghe, không phải chỉ trích ai, dầu có chỉ trích cũng bằng thừa, người Pháp sang cai trị miền Nam Việt Nam, trước gọi là Nam Kỳ, gần một trăm năm, từ 1859 cho tới 1945, chỉ quan tâm có mỗi một việc là khai thác đồn điền: cao su, lúa, củi... làm lợi cho những công ty Pháp to lớn và những quan cai trị to nhỏ, chớ có chăm nom tu bổ sửa sang gì trong xứ đâu, thương mãi, kỹ nghệ, canh nông, đường lộ, văn hóa, cho dân nhờ.

Cho nên Đô thành Sài Gòn, tiếng gọi là “Hòn ngọc Viễn Đông” (La Perle de l’Extrême Orient) thì, xin lỗi, thật là “tiếm hiệu”!

Chẳng những đã kém xa mấy thành phố vĩ đại Âu châu: Ba Lê (Paris), Stockholm... Á Châu: Đông Kinh (Tokyo), Hương Cảng (Hongkong)... Mỹ châu: Нью Уорк (Newyork), Hoa Thịnh Đốn (Washington)... mà cũng thua luôn mấy anh bực trung Casa, Rabat của Phi châu nữa!

Maroc bị đô hộ năm 1912, và được trả độc lập năm 1956, đô hộ 44 năm và tự do 17 năm mà phát triển rất nhiều, Casa đường sá tráng nhựa, toàn tốt, hai bên lề đường căn gạch đi mát chơn, không biết mỏi.

Một điều làm cho ta có thể tự tha thứ là từ ngày “độc lập” tới giờ lại bị giặc già liên miên khuấy rối... khổ thay!

Có lẽ người ta cho Đào là bảo Phật nhà không thiêng, song mỗi sự mỗi việc,

phải nhận xét khách quan, đừng tư vị cái hay cái dở của mình, rồi tìm phương bổ cứu, mới có cơ tiến hóa mà theo kịp người ...

* * *

Đào có nói con đường chạy trước nhà Năm là đường Dalton. Dalton là ai?

John Dalton là một nhà vật lý, hóa học và vạn vật học người Anh, sinh năm 1766, tại Eaglesfield (xứ Cumberland), tử năm 1844, có thể được gọi là nhà phát minh thuyết “nguyên tử lực”.

Ông nghiên cứu chính nơi bản thân mình cái “bệnh về màu sắc” từ đấy gọi là “daltonisme”.

Nối dài đường Dalton là đường Jus-

sieu (Antoine). Ông này cũng là một nhà thảo mộc học, sanh ở Lyon (1686-1777) là bằng hữu của Linné, Đào sẽ nói đến sau này.

Dạo bờ biển xong, lại đến “Chợ bán sỉ” (Marché de Gros) trái cây nhiều không biết cơ man nào mà kể. Nào là dưa hấu, cà chua, dưa leo, ớt bị, cà tím, bầu, bí đao, bí rợ, cam, quít chất như núi.

Mấy nhà sản xuất liên lạc trực tiếp với “Cơ quan Thương mại hóa và xuất cảng” (Office de Commercialisation et d'exportation) của Chánh phủ mà Đào sẽ nói sau, để bán sản phẩm (như trái cây) cho Cơ quan này xuất cảng. Những trái cây nào không đủ điều kiện, bị bác, nhà sản xuất bán cho chợ bán sỉ, để chủ vừa bán lại cho tiệm gia vị chở về bán lẻ cho người tiêu thụ.

A) MỘT CHẾ ĐỘ QUÂN CHỦ

Đào qua Maroc nhằm lúc vua Hassan II mời các vua và quốc trưởng hoặc đại diện các nước Phi châu nhóm Hội nghị thượng đỉnh O.U.A. (Organisation Union Africaine), xin tạm dịch là “Tổ chức liên hiệp Phi châu” tại Rabat, do nhà vua chủ tọa, từ ngày 12 đến 16 tháng 6 bề mặt.

Ngài là một thanh niên tuần tú, tuổi quá tứ tuần. Có người cho biết ngài có từng học Trường Võ bị và Hàng không bên Pháp, kẻ khác bảo ngài là cựu sinh viên trường Luật, đậu bằng Cử nhân và Luật khoa cao cấp (Diplôme d'Études supérieures de Droit).

Nói năng hoạt bát, ngài cũng ứng khẩu bằng Pháp ngữ gọn gàng, lý luận đanh thép.

Chiều ngày 12 tháng 6, Hội nghị khai mạc.

Trên máy vô tuyến truyền hình, Đào mục kích vua đọc diễn văn khai mạc. Mấy nhà vua hay quốc trưởng các nước khác cũng đọc diễn văn. Hoàng đế Ethiopie, Hailé Sellassié mặc dầu già yếu vì đã 81 tuổi rồi, cũng rán đến Hội nghị.

Ngày 16, hội nghị bế mạc, nhà vua họp báo trả lời mấy câu phỏng vấn.

Một nữ ký giả người bốn xứ hỏi vua hai câu, ngài trả lời câu đầu; câu sau, ngài cười xã giao nói:

– Câu này chính cô đã trả lời rồi!

Cô mỉm cười ngồi xuống.

Năm rồi, 1971, nhân ngày lễ sinh nhật, vua Hassan II tboát một cuộc ám

sát tại biệt thự ngài ở Skirat, và nhiều người thọ hại.

Tướng Oufkir viện binh đến cứu ngài, được ngài tin cậy giao phó cho chức vụ Tổng trưởng Quốc phòng.

Năm nay, 1972, lại một cuộc ám sát thứ hai xảy ra, ngày 16-8, ngài viếng Pháp về bằng phi cơ, đến Rabat, chiếc này bị những quân nhân “phiến loạn” đi phi cơ bắn bằng đại liên, ngài đáp xuống được, họ lại xạ xuống phi trường gây nhiều thương vong.

Lần nữa, nhà vua thoát nạn.

Mà chính lần này, cò lẽ là Oufkir chủ mưu trong cuộc mưu sát nên, việc bắt thành, ông tự tử (?)

(Theo tin AFP thì 11 Sĩ quan và Hạ sĩ quan Maroc tham gia vào cuộc tấn công

phi cơ Quốc vương Hassan II hôm 16 tháng 8 vừa qua và bị lên án tử hình ngày 7-10 ở Kénitra đã bị xử bắn hồi 8 giờ (giờ quốc tế) tại nhà giam trung ương của thành phố này.

Trong số những người bị hành quyết, có Trung tá Mohamed Amokrane (cánh tay mặt của Tướng Oufkir, người tổ chức cuộc ám sát này), Thiếu tá Koura và một số sĩ quan khác).

(Trích báo Trắng đen đề ngày thứ hai 15-1-73, xb ngày 14-1-73).

Theo dư luận, vua Hassan II cũng quan tâm đến sự tiến hóa nước nhà, lập một “Cơ quan thương mại hóa và xuất cảng” (Office de Commercialisation et d’exportation) nâng đỡ nông gia và kỹ nghệ gia tiêu thụ sản phẩm mình.

Cơ quan này, Đào sẽ đề cập đến sau.

Ngài cho đắp một cái đập tên là “Đập Cavaignac” (Barrage Cavaignac) cách Marrakech ba mươi cây số ngàn để giữ nước cho dân trồng tía.

Người ta chỉ trlch ngài tiêu xài quá độ.

Ngài xuất sáu mươi triệu quan cũ (ở Maroc người ta quen gọi một quan tức là quan cũ, và một dirham giá trị 100 quan cũ; tờ giấy 10 DH là 1000 quan cũ) lập tại Casa một “Bồn nước sáng ánh và âm nhạc” (Fontaine lumineuse et musicale) tại “Công trường Liên hiệp quốc” (Place des Nations Unies) để công chúng đến thưởng thức ban đêm.

B) CƠ QUAN THƯƠNG MÃI HÓA VÀ XUẤT CẢNG

(Office de Commercialisation et d'exportation, gọi tắt là O.C.E.)

Được thành lập do Chỉ dụ ngày 9-7-1965, cơ quan này giành độc quyền mua sỉ để xuất cảng qua Pháp, Algérie, Nam Mỹ v. v... những chanh, cam, quít, rau trái, những sản phẩm kỹ nghệ, cá hộp, bông sợi (coton fibre) v. v...

Mỗi chiều, nhiều phi cơ thương mại của O.C.E chở hàng qua Pháp và Maroc sản xuất những thứ trên đây trước nước Pháp.

Cơ quan có những trung tâm tuyển trạch, thứ nào tốt thì xuất cảng để đem ngoại tệ về còn thứ tầm thường thì tiêu thụ trong xứ.

Họ chứa sản phẩm trong những nhà lạnh, chờ giá cao mới bán. Chẳng những thế, cơ quan còn khởi xướng và hướng dẫn sự sản xuất, ngõ hầu thỏa mãn nhu cầu ngoại quốc.

O.C.E đã tìm được nhiều thị trường và còn đang kiếm thị trường mới nữa.

Và những sản phẩm mang nhãn hiệu “Maroc” được xem như là tốt đặc biệt.

Cơ quan còn thí nghiệm những trồng tía mới và hiệp trợ cho những chương trình kỹ nghệ to tát.

O.C.E gồm có nhiều ngành:

- Rau, trái,
- Đồ hộp thịt thú.
- Đồ hộp trái cây

- Rượu và bông vải
- Tài chánh, kiểm soát ngân sách và kế toán của tất cả cơ quan.

Năm 1966, xuất cảng được 74 tỷ quan. Năm 1970, số này lên đến 100 tỷ, tức là mỗi năm tăng đều đều 6% .

Cơ quan O.C.E là một thành công của Maroc vậy.

* * *

Bạn của Năm có ông Mellak là một nông gia trồng cam ở Marrakech và trái hạnh (abricot) mỗi năm sản xuất từ 250 tới 300 tấn cam, bán cho O.C.E lãi 25 quan một kí, tức 25.000 quan một tấn và 300 tấn của ông bán được 7.500.000 quan, tức 75.000 DH.

Một nhà nông tỹ phú khác là ông Prioux, có cả ngàn con trầu, một cái hàng rào bằng cây lau, mỗi năm bán cả triệu quan, người ta đến cắt, năm sau nó mọc lên nữa, lại bán, khỏi tốn công lao gì hết.

Ông cũng có những loại xương rồng gọi là “Figuier de Barbarie” (trái thanh long?), cái lá có bông rồi đơm trái, trái bằng nắm tay có hột như chuối hột mình, trái chín vị ngọt, người Mỹ rất thích ăn.

Lúa mì Maroc rất ngon, Chánh phủ mua để xuất cảng, rồi bán lại cho dân chúng ăn lúa mì tầm thường do Mỹ viện trợ.

C) VÀI NHẬN XÉT VỀ PHỤ NỮ MAROC

Điều thú nhứt khi Đào bước chơn ra đường ở Casa là nhận thấy phụ nữ Maroc trong mười người, mang voan (voile, tấm che mặt) hết bảy, tám.

Đó là một miếng hàng hay vải đen hình tam giác cột từ dưới mặt phủ trên mũi miệng và cằm, phần nhọn rơi xuống tới ngực.

Hỏi người bản xứ và Việt kiều ở Casa, lý do nào phụ nữ mang voan, họ bảo cho rằng, mặc dầu nơi xứ này chế độ đa thê thịnh hành, mỗi nam nhân Maroc có quyền lấy đến bốn vợ (!) song họ ghen tương vô cùng, không muốn ngoài đường ai được chiêm ngưỡng dung nhan bà đệ nhứt đến đệ tứ phòng của đức lang quân hết.

Thế nên mấy bà sồn sồn đều mang voan khi ra đường.

Đó là một thuyết, còn thuyết khác mà Đào được xem trong tuần báo Phụ nữ Tân văn của bà Nguyễn Đức Nhuận, vào năm 1929 (hay 1930?) “Vì sao phụ nữ Á Rập mang voan” là như vậy:

“Thuở xưa, nơi xứ Á rập, có lần nọ, một biệt thự cất lên chưa được bao lâu bỗng sập.

Chủ nhân kiện thầu khoán nơi nhà vua.

Ông này được đòi đến, thưa: “Chúng tôi cất tòa nhà y thước tắc, kiểu mẫu, số gạch đúng hợp đồng, sở dĩ nhà sập có lẽ tại gạch hăm chưa chín đó chăng?”

Nhà bán vật liệu lại được đòi. Ông đổ thừa cho anh bán củi giao thiếu. Anh

này thưa: ‘Muôn tâu Bệ hạ, đèn trời soi xét, hạ thần cung cấp không đủ củi cho lò gạch, là có duyên do. Vì cách đây không bao lâu, hạ thần cùng người nhà gánh củi đến lò gạch. Dọc đường, gặp đoàn kỵ mã nhà vua, không hiểu vì lẽ gì, đoàn ngựa bỗng lồng lên, làm cho củi văng tung toé, xuống hào, xuống ruộng, bởi thế chúng tôi không đủ củi cung cấp cho lò.’

Thế là đến phiên mấy anh kỵ mã được đòi đến xét hỏi. Mấy anh phủ phục nhận tội, song lại đổ cho mấy nàng nhan sắc tuyệt trần hôm ấy đi ngang qua, mấy anh không kềm được nhãn quang, nhìn liếc mấy nàng, vì thế mà không kềm được ngựa, để cho tuấn mã đạp nhảm mấy gánh củi đổ tung...

Trong vụ nhà sập này, vị vương đòi được mấy nhân phạm, từ đầu khoản đến kỵ mã, ai cũng có lý lẽ biện hộ cho mình,

còn các giai nhân nặc danh thì biết đâu mà tìm.

Dầu có tìm được đi nữa, chưa ắt các nường nhận chính mình đã làm cho kỳ sĩ mê hồn, gây nên tội vạ.

Ấy nên nhà vua chẳng biết xử sao hơn là truyền lệnh kể từ ngày ấy, các thiếu phụ thiếu nữ ra đường phải mang voan trên mặt để tránh gây những nạn tai”.

* * *

Tuy nhiên, hiện nay, tại Maroc, tỉnh thành Casa, mấy lão phụ cũng như thiếu nữ tân thời, học sinh, sinh viên ra đường không mang voan, các cô không đội khăn, tóc bỏ xỏa xuống lưng, mặc áo thun chỉ, quần tây, mang giày cao gót, lái xe chạy rần rần.

Ngoài bãi biển, trong hồ tắm, các cô lợi như con trai và nói tiếng Pháp tợ bấp rang.

Các cô có một sắc đẹp dễ nhìn, thân mình cân đối, da mặt trắng ngà, song những thiếu phụ đã có chồng con thì mập quá!

Vợ Năm, trưởng phòng trong Nha Y tế, thuật rằng đôi khi một vài thiếu phụ hay thiếu nữ có việc đến Nha, nhan sắc tuyệt đẹp làm cho nữ nhân viên tấm tắc khen, còn phái nam thì ... thật là bối rối!

Nhiều người được Đào tiếp xúc, khiếu nại cũng như người bản xứ, công nhận rằng, sở dĩ đàn bà – nhứt là mấy bà ở thị thành phì nộn là vì họ xơi thịt quá nhiều: thịt trầu, bò, gà (không ăn thịt heo vì Hồi giáo cấm ăn thịt heo).

Dường như miền Nam Maroc, họ bán cả thịt lạc đà.

Nơi xứ Việt Nam chúng ta, thiếu nữ thường uốn tóc dợn, nghĩ thế là đẹp còn ở Maroc, phụ nữ được trời sanh ra tóc quăn riết, lại mua dầu, mua sáp xức cho tóc ngay ra, óng mượt, thế mới là đẹp cho! Quan niệm mỗi nơi mỗi khác.

* * *

Hôm nọ, trung tuần tháng sáu, ông Mellak mời gia đình bác sĩ Năm với Đào đến dùng cơm trưa chúa nhật.

Ba cô ái nữ của chủ nhân ra chào khách, cô nào cũng là cựu học sinh hoặc đang học trường Pháp nên dạn dĩ; cô hai sắp kết hôn cùng một công chức nhà đèn; cuối tháng sáu đó, 1972, sẽ làm hôn thê,

rồi cha mẹ đôi bên mới cho đôi thanh niên nam nữ chuyện vãn và cùng nhau dạo phố, tìm hiểu nhau, trong một năm nữa, sẽ làm lễ nghinh hôn theo lễ giáo.

Cô ba rất tháo vát, tổ chức châu đáo việc tiếp tân, chỉ huy chợ búa bếp núc, và trong nhà có người đau ốm là cô gọi điện thoại mời bác sĩ, bốn thân lái xe đi mua thuốc v. v...

Hai cô cao ốm, nước da thâm thâm, mặc áo dài hàng đỏ thêu kim tuyến rất đẹp, môi trên điểm một ít râu!

Cô năm đang học ban Tú tài, lớp Khoa học thực nghiệm (Sciences Expérimentales); năm 1971, cô thi hỏng, năm nay tái nhập trường thi, cô được chấm đậu hạng bình thứ (Assez bien). Cô da trắng, mày ngài, mặc áo vét (veste) tím, quần tây trắng, mang giày cao gót. Cô

bắt tay từ người, nói năng rành rẽ.

Nghe nói Đào trưởng trai theo đạo Phật, cô hỏi có phải Đào tu theo mấy ông sư mặc áo vàng không (tiểu thừa: Hinayana). Cô gặp mấy ông ở đâu hay là nghe nói lại, Đào quên hỏi.

Đào đáp rằng mình là cư sĩ tu theo đại thừa (Mahayana), và giải thích sơ lược về Phật giáo, cô hiểu, gật đầu.

Bà chủ ra chào khách, tướng đi bệ vệ, y phục sang trọng, xương thịt xù xù cũng tám chục kí lô. Bà cũng bắt tay mỗi người rồi lên lầu, vì theo phong tục cổ truyền, bà chủ nhà không ngồi ăn với khách.

Chủ nhân lần lượt đãi khách: Mâm đầu bốn con gà quay, kế đó là nửa con trầu hấp và mâm chót là “Couscous” như cơm tấm Việt Nam.

Trên đây, Đào có nói đàn ông có quyền đa thê lại hay ghen tương, rất thiệt thòi cho phụ nữ và tục lệ xú này, ly dị nhau quá dễ dàng.

Một anh chàng ở với vợ đã hai mặt con, mùi mẫn với một cô thiếu nữ, đến Tòa Hòa giải thưa vợ thường bỏ đôi anh ta và xin ly dị.

Tòa đòi thiếu phụ vợ anh đến... Cô thưa rằng đức ông không đưa tiền cho cô thì cô lấy gì mua cơm thịt cho anh ăn.

Thế mà thẩm phán cũng mời ông thân thiếu phụ đến, bảo đem con gái về. Ông lão cãi rằng hồi chưa gả cô lấy chồng, ông nuôi nấng con đã vất vả lắm rồi, nay phải gánh lấy cả ba miệng ăn thì làm thế nào cho kham?

Quan Tòa bác lại:

– Khi trước ông gả có một người, bây giờ ông đem về được tới ba, ông còn ước hiếp nổi gì?

Thiếu phụ đòi chồng cũ châu cấp tiền bạc đặng mình nuôi con. Anh bằng lòng, song buộc vợ cũ phải ở trong nhà ông già vợ cho đúng một trăm ngày, không được nói ra nửa bước.

Tuy nhiên, cũng có một vài trường hợp thiếu phụ cương quyết cưỡng lại với hoàn cảnh, với định mạng, như trường hợp cô người làm Rkia, giúp việc nhà bác sĩ Năm đã hơn một năm rồi.

Hồi nó vô làm, dĩ nhiên là nó không biết tiếng Việt còn bà vợ bác sĩ thì không thông tiếng Maroc, song nói tiếng Pháp trôi chảy.

Vậy bà mới dạy nó tiếng Pháp để dùng làm phương tiện trao đổi ý kiến giữa hai người.

Và mặc dầu là nói năng không đúng văn pháp song hiện nay nó nói rất nhanh và dùng nhiều danh từ Pháp ngữ làm cho Đào ngạc nhiên.

Cánh đây vài năm, nó kết hôn cùng anh tài xế của ông Pacha (đầu tỉnh) còn nó thì nấu bếp cho phu nhơn ông.

Vì phạm sự, ông đầu tỉnh phải di chuyển nơi này chỗ nọ luôn, nó đòi theo chồng, vì có chồng mà không được gần chồng thì “làm cái gì”!

Bà Pacha nhứt định buộc nó ở nhà nấu ăn cho bà, không cho nó đi đâu. Thế là nó bảo anh chàng nghỉ việc, anh không nghe lời, vậy thì, a lê hấp, dắt nhau ra

Tòa, “cách-xê la-cát” (Casser la carte) tức là ly dị!

Hỏi nó có tính bước thêm bước nữa không, nó cười bảo: ông bà bác sĩ rất tử tế, cấp cho lương bổng hậu, hai trăm đi-ram mỗi tháng, tức hơn hai trăm quan Pháp (tính ra bạc Việt Nam giá đen lổi hai mươi ngàn đồng) nó mãi nguyện lắm, mỗi tháng, một ngày chúa nhật, nó được nghỉ đem tiền về cho cha nuôi mấy đứa em nó ăn học.

* * *

Câu chuyện nữa về một cuộc hôn nhân giữa chồng Pháp vợ Phi cũng không kém phần lý thú.

Vợ chồng Năm có mời đến dùng cơm một ông cựu Đại tá người Pháp – ông Gommez đã tám mươi cái đông xuân, song còn mạnh mẽ, bà vợ người Maroc, 57 tuổi, cao lớn mập người, dưỡng nữ ông bà là Cô Lilia, làm thơ ký Nha Y Tế, thành Casa, với chồng cô là một đại úy.

Bà Đại tá đến, mặt che voan, vô bà mới mở voan ra.

Hồi bà mười ba cái xuân xanh, bà kết hôn cùng một anh lính giữ ngựa cho ông Thiếu tá Kỳ binh. Anh ấy hăng hái thế nào mà cô vợ trẻ bị đau tử cung và từ ấy ghê sợ cuộc ái ân đến đổi mỗi đêm, cô tìm chỗ trốn cho đến khi anh chàng ngủ say rồi cô mới dám về.

Dĩ nhiên là vợ chồng không con, cô nuôi đứa con gái của một người chị đau

yếu, nghèo nàn. Tình trạng ấy kéo dài ba bốn năm.

Anh chồng ghen tức, đuổi vợ...

Nhắc lại, ông Thiếu tá chủ anh, góa vợ, cho vợ chồng anh cư ngụ trong một căn nhà nhỏ dãy tàu ngựa, của kỵ binh. Thường ngày, cô vợ trẻ anh lính lên nhà ông Thiếu tá lau nhà, thay ra (drap), đánh giày, giặt y phục cho ông.

Anh lính đuổi vợ, vợ anh hỏi:

– Mày đuổi tao, rồi tao đi đâu? Ở đâu?

– Mày đi đâu, ở đâu mặc ý, tao không muốn thấy mặt mày với con mày nữa!

Cô vợ chạy lên khóc lóc với ông Thiếu tá, ông mới kêu anh lính bảo:

– Vợ chồng bây ở với nhau đã mấy năm, ở đây bây có nhà ở, có lương ăn, sống cũng tạm được. Bây giờ, mấy đuổi con X. vợ mây, nó đi đâu? Ở đâu? Để cho nó chết bờ chết bụi hả? Mây nghĩ kỹ lại đi, tao cho mây ba ngày, nếu mây quyết định như vậy, tao cưới con X. đa.

Đúng ba ngày sau, anh lính thừa với ông chủ rằng anh đã nhứt định, không ở với vợ nữa, rằng ông muốn lấy X. làm vợ tùy ý ông.

Thế là cô vợ “Anh lính tay trơn” hôm qua, nay một bước nghiêm nhiên lên địa vị bà Thiếu tá, làm bà chủ anh chồng cũ mình!

Bà hiểu tiếng Pháp song không nói được, vậy ông dùng tiếng Maroc nói chuyện với bà, và bốn mươi năm nay, gia đình Pháp Phi này đầm ấm, ông lãnh

lương, lãnh hưu bổng, sắm vàng bà đeo
đầy tay, đầy ngực, còn đối với ông, bà là
một người vợ hiền.

Cô Lilia, con nuôi của Bà – bây giờ
cũng là dưỡng nữ ông – ông cho ăn học
và gả cho một Đại úy, sanh được ba con

...

* * *

Phụ nữ Maroc nhiều người vẽ một
lằn đỏ không phai từ môi dưới xuống
đến cằm chia cái cằm làm đôi, ý làm như
vậy cho tăng vẻ đẹp.

D) NGHỆ THUẬT PHA TRÀ

Hẳn độc giả còn nhớ, đôi khi trên đài Truyền hình Việt Nam, chúng ta được thưởng thức cái cách pha trà đãi khách của dân tộc Phù Tang.

Bây giờ Đào xin cống hiến bạn đọc nghệ thuật pha trà của người Maroc, điển hình là gia đình ông Mellak đã nói trên.

Hôm ấy, trước khi vào bàn, con nữ tỳ Maroc xách ra một bình nước với một cái “xô” (seau) trên tay mang khăn trắng; nó rót nước cho mọi người rửa tay, nó hứng nước trong cái xô, trình khăn cho khách lau tay rồi chủ khách mới ngồi lại ăn, như trên đây Đào có nói.

Cơm xong, khách ngồi trên cái bệ lót thảm (sofa) thì nữ tỳ lại đem nước

đến cho khách rửa tay một lần nữa, vì hồi nãy, ăn thịt trầu hấp, chủ khách đều dùng tay, ba ngón tay cái, trỏ và giữa xé thịt, chấm muối, nước xốt (sauce) mà ăn rồi lau tay trong khăn ăn.

Đến lượt dùng trà, chủ nhân ông bốn thân pha trà: nữ tỳ bưng cái mâm bạc ra, trên mâm một cái bình đồng bạc chạm, một bình nước sôi, một thổ trà, một đĩa lá “menthe” (Menthe là rau húng cây ở Việt Nam, nhưng ở Maroc có nhiều thứ, có thứ lá nhỏ mà thơm, thứ lá lớn không thơm. Menthe là nguồn lợi lớn của dân quê ở gần thành. Mỗi năm, một mẫu (tây) menthe bán cả trăm ngàn quan. Ở Casa, nửa đêm, máy bay hàng chở menthe qua Paris, giá ở thị trường là 1 FF mỗi nhánh), mấy cái ly, một thổ đường cục trắng.

Thoạt tiên, ông Mellak để trà vào bình bạc, kể bẻ lá menthe bỏ vào, ông cho nước sôi vô, rồi rót nước ra ly, lại đổ trở vào bình, để một giây cho thấm rồi lại rót ra ly, vài lần như vậy.

Lần chót, ông bỏ đường cục vào mỗi ly, mới rót trà vào ly mời khách. Mùi nước trà vừa thơm lá “menthe”, vị trà ngọt, uống vào chấm chút rất ngon.

Chỉ có ông Mellak được cái nghệ thuật pha trà đặc biệt, đúng mấy phút mấy giây, làm cho vị lá “menthe” và vị trà hòa đúng trong nước sôi, mấy ái nữ ông làm không bằng ông, cho nên mỗi khi đãi khách dùng cơm, là ông bốn thân pha trà, tặng phần danh dự cho khách.

3. GIẤY PHÉP XUẤT NGOẠI

Xin phép xuất ngoại trong thời buổi chiến tranh cũng là khó khăn lắm chứ phải chơi, Chánh phủ chỉ cho phép đi trị bệnh còn du lịch thì... để khi khác.

Cho nên tháng mười hai năm 1971, trước sự khẩn khoản mời mọc của cháu là bác sĩ Năm ở Casa, Đào mới lo thủ tục xin xuất ngoại để trị bệnh.

Ông Tổng trưởng Bộ Y tế nhận đơn của Đào, tư tở cho bác sĩ trưởng khu Nội khoa, Bệnh viện Nguyễn Văn Học (Gia Định), ông này mời Đào đến, ký một mớ giấy cho đi thử máu, rọi phổi, chụp hình tim, coi con mắt... Đào cũng đi thử máu ở Viện Pasteur. Sau cùng, bác sĩ Trưởng khu cho “ý kiến thuận”.

Hội đồng Giám định Y khoa cấp cho

Đào một y chứng thư, đề nghị “cho xuất ngoại ba tháng đi Casablanca (Maroc) điều trị”. Ông Trưởng đoàn Thanh tra Y tế “kiến thị và chấp thuận”, ông Tổng Trưởng Y Tế “duyet khán”.

Nơi Bộ Nội Vụ, nhân viên phụ trách trao cho Đào năm mẫu giấy in, bảo điền lý lịch vào và lý do xin xuất ngoại, ghim vào đó y chứng thư và giấy không thiếu thuế.

Tiêm thuốc ngừa bệnh dịch tả và đậu mùa nơi Đô thành, ngừa bệnh “Rét vàng” (Fièvre jaune) nơi Viện Pasteur, rồi nhận sổ tiêm thuốc.

Thư đề ngày 6 tháng 4 năm 1972, số 3.118/BNV/XNDT/TH của Bộ Nội Vụ cho phép Đào xuất ngoại “để trị bệnh” trong thời gian ba tháng (kể từ ngày lên phi cơ) và sau cùng là Bộ cấp cho Sổ thông

hành ngày 25 tháng 4 năm 1972, hiệu lực hai năm, số 002.396/72/VN/BNV, để đi Maroc và miễn lệ phí xuất ngoại.

Theo nguyên tắc, Đào được ngân hàng Việt Nam Thương Tín cho đổi, để chi phí trong thời gian ba tháng như vậy, một số tiền là 2.440 mỹ kim, với hối suất là 425 đồng bạc Việt Nam một mỹ kim, song vì khả năng tài chánh mà Đào chỉ đổi có 1.140 mỹ kim thôi.

Vì muốn nhân dịp ấy Đào đi Pháp (France) và Thụy Điển (Suède) để thăm gia đình hai người con, nên Đào đến Tòa Tổng Lãnh sự Pháp¹ tại Việt Nam, thỉnh cầu họ cấp cho tờ Thông hành vô Pháp. Họ bảo điền vào năm mẫu giấy in và dán vào năm tấm ảnh lý lịch, bảo độ một tháng sẽ đến Tổng Lãnh sự Pháp ở Rabat, Sở Thông hành, hỏi số 581/Vi đề

1 đường Phan Đình Phùng/ Nguyễn Đình Chiểu

ngày 5-5-72 mà lấy giấy phép. Còn việc xin nhập cảnh vào Thụy Điển thì phải hỏi Tổng Lãnh sự Thụy Điển tại Casa.

* * *

Gặp phải hội nghị Thượng đỉnh ở Rabat từ 12 đến 16-6-72, cho nên ngày thứ ba 20-6-72, Năm với chú là Đào đi Rabat, đến Sứ quán Việt Nam thăm các bạn và thị thực chữ ký trong vài tờ giấy ủy quyền.

Khởi hành ở Casa hồi tám giờ, chiếc Fiat của Năm chạy bon bon trên con đường tráng nhựa rất tốt, dọc theo bờ biển trực chỉ hướng đông.

Bên tả, sóng vỗ ào ào, bãi biển chỗ lồi chỗ lõm, đá dựng như vách; bên hữu, cánh đồng bát ngát mệnh mông, kiểu

đồng cỏ hoang vu vì không có nước nhiều, nên cỏ chẳng cao, thỉnh thoảng mới thấy một cái giếng có giàn, bánh xe gió cao trên bảy thước, gió thổi vận động bánh xe mức nước đổ vô hồ, hoặc vô chiếc thùng to, cao hơn hai thước, trực kính hai thước.

Có nơi, nông dân cột cổ con lạc đà hay con lừa vào cần, con thú đi vòng quanh giếng, đầu cần bắc vô cái gàu, nước lên, gàu đổ vô hồ, rồi cái gàu lại trở xuống, mức nước lên.

* * *

Ra khỏi Casa mười mấy cây số, du khách gặp bên tả:

– Một cái lò chế tạo xi măng, cung cấp xi măng gần toàn quốc;

- kể đó là một hãng lọc dầu lửa;
- hãng làm đường;

Cũng có một hãng hóa học của Đức quốc, hãng Hoecht chế tạo sản phẩm hóa học.

Bên phải là hãng SOMACA vĩ đại, ráp tất cả những ô tô dùng trong xứ, những là Fiat, Renault, Volkswagen v. v...

Đi ngang biệt thự ở Skirat của nhà vua, trông thấy lính gác các cửa, Năm thuật tóm tắt cuộc đảo chánh và ám sát hụt nhà vua năm rồi, tháng 7 năm 1971, ông Tướng Oufkir trung thành (?) chạy đi viện binh cứu giá. Sau đó, ông được cất nhắc lên địa vị cao cả là Tổng trưởng Quốc Phòng.

Nhiều kẻ hài hước mượn cái âm thanh S-ki-rat mà đặt thành một câu chữ

Pháp là “ceux qui ratent” (những kẻ thất bại).

Hôm nay, vì cuộc mưu sát hụt thứ nhì, ngày 16-8-1972, mà ông Oufkir phải bắn ba viên đạn vào mình tự sát, tỏ dấu hối tiếc vì trung thành hay thất vọng vì thất bại?

Thật câu châm ngôn này chẳng sai: “La Roche Tarpéienne est près du Capitole” (Hòn Tarpéienne gần đỉnh Capitole).

Capitole là một trong hai đỉnh núi của thành La Mã (Rome) xưa, trên đây có đền thờ vị thần Jupiter; tướng thắng trận được mời lên đó tuyên dương công trạng, còn những ai phản quốc thì bị đem lên đồi Tarpéienne, gần bên Capitole, xô xuống...

Sau ngày mười sát huyệt lần thứ hai, quân nhân “phiến loạn” bị giam giữ, Tướng Oufkir tự sát, ông Tổng trưởng Nội Vụ họp báo, giải thích bằng Pháp ngữ:

– Người ta hỏi ông Oufkir tự sát vì trung thành (suicide de loyalisme) hay vì phản bội (suicide de trahison)? Tôi quả quyết là “vì phản bội”.

Mặt ông cương quyết, mắt ông trợn trừng, giọng ông gay gắt...

4) RABAT

A) PHONG CẢNH – CỔ TÍCH

Dọc đường, chú cháu Năm gặp hai thanh niên Nhựt đứng trên lề đưa ra tấm bản mang chữ “Rabat”, hai anh làm “au-to-stop”.

Năm ngừng xe, cho họ quá giang.

Đến một khu rừng, nghỉ xả hơi,
Năm mở gói, lấy vài cái bánh mời hai
anh Nhựt, họ gật đầu, nói “arigatô”! (cám
ơn).

Đến Rabat, Năm cho hai người
xuống; Đào mua vài tấm cạt làm kỷ niệm:

- Đại lộ Mohammed V,
- Maroc ngân hàng,
- Phong tên sáng ánh và âm nhạc,
- Đại lộ Temara.
- Khách sạn Balima,
- Thánh đường Ahl Fes và đền vua,
- Chân dung vua Hassan II mặc quốc
phục...

Thành phố thật là sạch sẽ, đẹp đẽ, mặc dầu có lẽ không rộng lớn bằng Casa, vì Casa là thành phố số 1 về thương mại, công kỹ nghệ, là một hải cảng, còn Rabat là kinh đô với các cơ quan hành pháp.

Cảm tưởng đầu tiên của Đào khi để chơn lên kinh thành Rabat là một thành phố đầy thảo mộc bông hoa, nhờ vô số khu vườn và đẹp nhất là vườn Oudaias.

Nổi bật trên nền trời trong xanh, Tháp Hassan cao 44 thước, đứng sừng trên tàn tích Thánh đường mà khi xưa nó là cái chóp.

Đứng trên ngọn Tháp ấy, du khách thu trong tầm mắt một quang cảnh vĩ đại trên vòm sông Bou Regreg, trên kinh đô, trên thành phố chị em song sanh của

Rabat là Salé, nằm phía bên kia sông và xa tít tận chân trời, đó là khu rừng rậm Mamora.

Còn trong kinh thành, du khách sẽ sung sướng mà thấy những đại lộ thẳng tắp, rất sạch và những Tòa Hành chánh cất một kiểu như nhau.

Mặc dầu không có phương tiện viếng khắp vì thời gian có hạn, nơi đây Đào cũng lưu ý đọc giả những thắng cảnh như sau:

– Khu vực Médina nằm trong một phần vòng thành cũ, dưới triều đại Almohade, thế kỷ thứ XII và vòng thành Andalous, xây cất hồi thế kỷ XVII.

Biển cả và bờ biển cao trên sông Bou Regreg làm biên giới cho khu vực này, phía bắc và phía đông;

– Khu vườn Oudaias bao quanh do một vách thành có lỗ trí súng và pháo đài, phần cao khu vực được kiến thiết đời Almohade và phần thấp là do trào Alaouite xây nên.

Cửa vườn Oudaias thật là vĩ đại; mời khách vào viếng khu vực đẹp đẽ này, kiến tạo hồi thế kỷ XII. Vườn Andalou chỉ mới lập hồi đầu thế kỷ XX này mà thôi.

– Thánh.đường Méchouar, vách thành bao bọc cung điện nhà vua Hassan II.

– Tháp Hassan màu xám bạc về mặt bắc, màu đỏ sậm các mặt khác. Tháp đứng trên một nền tảng vuông vức 16, 20 thước mỗi phía.

Vách tháp dày 2,50 thước. Người ta

lên tận đỉnh Tháp bằng một cái thang khu ốc trong lòng Tháp; xưa, một kỵ sĩ dắt ngựa lên tận trên sân thượng.

Tháp này là cái thứ ba đồng một kiểu, sau Tháp Koutoubia ở Marrakech và tháp Giralda ở Séville (Tây Ban Nha).

– Cửa Chellah, ở ngoài vòng thành Rabat; cửa này chạm trổ rất khéo do vị vương Abou Said (1310 – 1331) khởi công xây cất và con ngài là Abou El Hassan hoàn tất năm 1339. Một con đàn đờc xuống đến nơi tháp nhứt của khu vườn, nơi đây dòng suối màu nhiệm Moulay Yacoub chảy ra.

Nhà khảo cổ đào bới tìm đặng nơi này một thành phố La Mã xưa với một nghị trường và Khải hoàn môn.

B) BUỔI LỄ CẦU NGUYỆN CỦA QUỐC VƯƠNG

Thường, ngày thứ sáu dương lịch, tức là Ngày thứ sáu trong đạo Hồi, ngày lễ cầu nguyện.

Đúng Ngọ, nhà vua xuất hoàng cung, đi cầu nguyện theo một nghi lễ nhất định, rất là ngoạn mục.

Dàn nhạc lính da đen dẫn đầu theo sau là đoàn kỵ binh và bộ binh, cả đoàn đi đến sân tiền đình, được đoàn phụ nữ mang voan tiếp đón.

Từ mấy thế kỷ, đạo binh da đen này được tuyển chọn kỹ càng, là một trong những hãnh diện của Maroc. Tuy nhiên, từ năm 1956, là năm Độc lập, người Ber-bères và người Á Rập là giống dân da trắng cũng được chọn vào.

Mặc dầu có sự không đồng đều như thế, đoàn hộ vệ binh này vẫn giữ vẻ oai nghiêm, trong bộ sắc phục đẹp đẽ với chiếc quần xếp con khéo léo.

Y phục trắng tinh, vua Maroc tiến ra, trong chiếc xe do Nữ hoàng Victoria biếu cho ông cố của ngài thuở trước.

Ngài chỉ đi có ba trăm thước vào thánh đường Méchouar và nghiêm chỉnh chủ tọa buổi lễ cầu nguyện.

Trước sân, công chúng đứng im lặng, nghiêm trang. Các tín đồ day mặt về hướng thành La Mecque, quì mọp theo nghi lễ và đọc những đoạn kinh Coran.

Nửa giờ sau, cỡi con bạch mã, nhà vua về đền, được công chúng nhiệt liệt hoan nghinh.

Bảo tàng viện. Ở Rabat, du khách nên viếng “Bảo tàng viện mỹ thuật” trong khu vườn Oudaias, và “Bảo tàng viện cổ tích” đường El Brihi.

Và đây là thành phố Salé, một thành phố chị em song sanh của Rabat, nối liền với Kinh thành bằng một chiếc cầu bắc trên sông Bou Regreg.

Tàn tích Andalouse trên đất Maroc, Salé là hình ảnh của một thành phố Hồi-hồi trong xứ Tây ban Nha.

Khu vực thành phố, trong đấy các nhà trưởng giả và lao động kề nhau, còn giữ tất cả sắc thái địa phương của nó: mấy chợ chồm hổm náo nhiệt, các trại thủ công đáng viếng.

Dài theo vàm sông, bãi biển đẹp đẽ, làm cho Salé xứng đáng được kể là nơi tắm biển hữu danh.

Người ta nói Robinson Crusoe, vai chánh trong tiểu thuyết của văn hào Daniel de Foe, sau khi bị bọn cướp bắt sống, có lẽ đã đến đây.

Rừng mamora, một rừng toàn cây sồi diên điển, tám lần rộng hơn rừng Fontainebleau gần kinh thành Ba Lê.

Công viên mệnh mông, mùa xuân tràn ngập những hoa tươi thắm, đẹp đẽ vô cùng.

Chiếc xe của Năm băng ngang hoàng thành, trên con đường rộng lớn, bên tả là phòng việc và trại canh của nhân viên binh sĩ, bên hữu là cung điện nhà vua và văn phòng ngài làm việc cùng Nội các.

Ngoài hoàng thành, một tòa cao ốc, đồ sộ, trên nóc cắm nhiều cờ ngoại quốc, dinh quốc khách là nơi tạm trú của những Thủ tướng, Quốc trưởng, đại diện các nước, v.v...

Năm với Đào đến Sứ quán Việt Nam, Số 2 đường Zankart Ouadi Al Makhazin, cái tên Á Rập dài thườn khó nhớ.

Sứ quán trang hoàng sạch sẽ, lịch sự. Gặp các thân hữu, ông Hoàng, đại sứ sắp về hưu, ông Vũ đệ nhứt tham vụ xử lý thường vụ, mấy ông Nam, Bùi, Nguyễn, bà nữ thư ký Bernadeau, người nào cũng y phục chỉnh tề, vui vẻ, tử tế sốt sắng.

Đào trình bức thư giới thiệu của một ông bạn Bộ Ngoại giao, được các bạn Tòa Đại Sứ tận tâm giúp đỡ. Đào đến Tòa Tổng Lãnh sự Pháp đăng nhận cái giấy Thông hành tạm nhập cảnh xứ Pháp.

Họ hỏi địa chỉ Đào ở Maroc.

Ông chủ sự già run rẩy viết mấy chữ khó khăn, Đào thay ông mà viết địa chỉ, ông bảo về Casa đi, ông sẽ gọi cho Tòa Lãnh sự Pháp, Đào lại đó lãnh.

Trở lại Sứ quán Việt nam. Anh em mời Đào dùng ly Coca, bánh mì với phó mát, còn Năm thì thưởng thức la-ve, củ kiệu, tôm khô, khô mực, bánh phồng tôm.

Về đến Casa gần mười hai giờ rưỡi, Năm ghé tiệm mua mấy kí thịt trầu. Đào ngồi ngoài xe; em bé Maroc lại mời mua râu chuối vỏ ốc, nó nói bằng Pháp ngữ:

– Un dirham, un (một đi ram, một râu)

Đào lắc đầu, nó tiếp:

– Un dirham, deux (một dirham, hai xâu)

Đào tưởng rẻ, mua hai xâu. Lại tiếc, phải chi trả giá chừng 4, 5 cắc, có lẽ nó cũng bán!

* * *

Ngày 22 tháng 6, Đào đến Tòa Lãnh sự Thụy Điển ở Casa, số 3 đường Lieutenant Sylvestre, điện thoại số 446-48 xin cấp thông hành nhập cảnh Thụy Điển.

Ông Lãnh sự, người cao lớn, nói tiếng Pháp trôi chảy, gương mặt hiền lành, trao cho Đào ba mẫu giấy in bảo diên vô, và nạp ba tấm ảnh cỡ lý lịch. Điều cần nhứt là Đào phải có người bảo lãnh ở Thụy Điển.

Người ấy là Bergsingenjor Lars Unneberg, giúp việc Hãng Asea Alom, ở

Vàsterås, điện thoại số 021/106162 địa chỉ nơi nhà là: Lopargatan 70: S.722. 41 Vasteras; điện thoại số 021/125.945.

Lars (đọc Lạc) là Kỹ sư Bách nghệ (Polytechnique) phụ trách nguyên tử lực phụng sự hòa bình, là chồng của Ngọc, trưởng nữ Đào.

Hỏi bao giờ có kết quả, ông Lãnh sự đáp:

– Trong hai tuần lễ.

Và hứa sẽ đánh télex hỏi Thụy Điển cho mau lẹ.

Chiều hôm ấy, ông sẽ đem giấy tờ qua Tổng Lãnh sự ở Rabat.

Trong lúc Đào ngồi viết tại văn phòng Lãnh sự Thụy Điển, Bác sĩ Năm điện đàm cùng ông.

Theo ông, sự cho phép viếng Thụy Điển không thành vấn đề, cở thể được, chỉ có điều là mau hay chậm tùy người bảo đảm trả lời gấp hay huờn mà thôi.

Chiều hôm ấy, 22 6 hồi 19 giờ 15, Ngọc từ Vasteras gọi điện thoại qua nói chuyện với Đào, giọng cảm động, hứa rằng gia đình sẽ đến phi trường Arlanda đón rước Đào không khó khăn gì, mặc dầu Đào không nói được tiếng Anh và tiếng Thụy Điển.

Rằng hồi tháng năm trời còn lạnh, tháng 7 chắc trời sẽ tốt, Đào qua càng sớm càng hay vì chừng ấy, Lạc được nghỉ hàng niên sẽ có ngày giờ đưa Đào đi chơi nơi nầy nơi nọ.

Đào nói mình mới làm thủ tục xin vào Thụy Điển nơi văn phòng ông Lãnh

sự, kể Năm và bà vợ nói chuyện với Ngọc, sau cùng là Lạc nói ít lời cùng Đào.

5. PHONG TỤC, TẬP QUÁN

Đến một xứ mà không biết phong tục tập quán xứ ấy thật là khiếm khuyết, vậy theo lời truyền khẩu và khảo cứu sách vở, Đào xin lược thuật cống hiến độc giả lãm tường.

Phong tục miền Nam Maroc vô cùng phong phú và có nhiều sắc thái, đến mùa lễ, người ta chứng kiến những cuộc lễ sau đây:

a) **Ahwach**: một điệu vũ bình dân rất là ngoạn mục: một đàn phụ nữ y phục sắc sỡ sắp thành vòng tròn, đứng yên chờ đợi. Giữa vòng, một đám nam nhi ngồi chồm hồm, tay cầm chiếc trống; một

tiếng the thé nổi lên, họ vỗ vào cái trống. Đàn ông hát càng lúc càng to, phụ nữ đáp lại vai kề vai, họ múa nghiêm trang, nhịp nhàng, càng lúc càng mau cho đến khi chấm dứt.

b) **Vũ Guedra:** Điệu này nổi danh nhứt miền Nam, gốc tích còn mù mờ; vũ không đòi hỏi kèn sáo gì hết, cũng không có nhạc mở đầu.

Chỉ có một cái hũ trên miệng căng thẳng một mảnh da, dùng làm nhạc khí. Nhạc công vỗ nhịp trên đấy.

Giữa một vòng nam nhi, một phụ nữ quì gối, trùm trong chiếc voan đen, chỉ có hai bàn tay lộ ra thôi.

Dưới ánh lửa, mấy ngón tay dịu dàng biểu diễn những hình, thân trên nàng uốn éo, vận chuyển từ trái sang mặt.

Những tiếng vỗ tay gia tăng mức độ nhịp nhàng. Bức voan rơi xuống, người phụ nữ lộ ra, đôi mắt nhắm nghiền, tiếp tục vận chuyển thân mình cho tới lúc nhịp nhàng cao tột độ thành linh vũ nữ ngã ra, vũ trường hoàn toàn im lặng và vũ nữ được một nàng khác thế vào.

Vũ khúc nổi danh này rất là ngoạn mục.

c) **Hiếu khách.** – Nói về tánh hiếu khách của người Maroc, tánh này thật là đặc sắc. Dầu là tiếp đãi một thân nhân hay một bằng hữu, dầu là việc quan Tổng đốc hay anh lính Kiểm lâm giúp đỡ khách du ngoạn trong núi rừng, sự tiếp đãi ấy luôn luôn diễn ra trong vòng thân mật gia đình, với những lời tâm sự cùng người khách một chiều xen lẫn với những phút đợi chờ im lặng.

Do sự hiếu khách trong xứ mà xảy ra những chuyện buồn cười của anh chàng Jeha, anh hề chọc cười nổi danh từ đầu này đến cuối kia Maroc, song chủ nhân không phải là hạng người luôn luôn bị gạt.

Một hôm, Jeha xách một con thỏ đến. Người bạn nói:

– Này bạn, hãy làm thịt nó, ta cùng đánh chén với nhau.

Chủ khách uống ăn hào hứng, đến đôi con thỏ chỉ còn trơ có mấy khúc xương!

Jeha nói:

– Bạn còn có thể nấu một nồi xúp ngon.

Hôm sau, Jeha từ giã chủ nhân, dạo

chơi gặp một ông bạn đang đói, liền bảo rằng:

– Bạn hãy đến gặp bạn tôi tên Mỗ và nói với anh ấy:

– Tôi là bạn của Jeha, anh có thể cho tôi dùng món thịt thỏ của ông ta được chăng?

Thế là chủ với khách dùng món xúp thỏ.

Ngày thứ ba, chủ nhân tiếp một anh chàng thứ ba, đến nói:

– Tôi là bạn của bạn anh Jeha, ông anh có thể cho tôi thưởng thức món thịt thỏ của Jeha được chăng?

– Được chứ! chủ nhân bình tĩnh đáp.

Anh bung ra một nồi nước sôi, nổi màng màng nói:

– Đó, uống đi, đó là xúp của nồi xúp con thỏ của Jeha.²

D) CÔ BÉ LỌ LEM (CENDRIL-LON)³

Chuyện cô bé Lọ lem của dân quê Maroc không giống cô Lọ lem của văn hào Pháp Charles Perrault, và con Cám trong Truyền kỳ Việt Nam, song cả ba đều thui thủi trong bếp núc và làm việc cực nhọc.

Cô Lọ lem Maroc chẳng có gia sản gì khác hơn là nhan sắc mặn mà, đức hạnh đoan trang và vui tính của cô.

Nữ công nhân này chẳng là gì hết còn vị quốc vương là tất cả. Trước mặt ngài, nàng có dám nói to đầu, song không ai cấm cản nàng thổ lộ tâm tư rằng chỉ

² Lược thuật theo « Maroc enchanté » của Francois Garrigue.

³ như mục 2.

có nhà vua mới xứng đáng sánh duyên cùng nàng thôi, miễn là ngài hạ mình nấu nước cho nàng tắm, trao mảnh khăn cho nàng và nói một lời: “Ước ao sao nhà tắm làm cho nàng thoải mái, nàng yêu quý của ta?”

Có ai khiến cho vị vương không buồn chán trong lâu đài ngài?

Thế nên một đêm, ngài xuất cung, đi vợ vẫn không biết tìm gì trong mấy con đàn nhỏ hẹp.

Tắm vách gian nhà hàn vi không ngăn được những lời ước mơ của thiếu nữ lọt vào tai vương giả. Nghe thế, ngài hết buồn.

Ngài định rằng, mỗi tuần một lần, nàng ấy đến đền ngài lập lại sự ước mơ táo bạo của nàng cho ngài nghe.

Mặc dầu nhà vua muốn thế nào, nàng Lọ lem vẫn bình tĩnh “giữ vững lập trường” và nhà vua phải tuân theo ý muốn nàng.

Mỗi tuần, vài giờ trước lúc hội kiến mà nhà vua dành cho nàng, với sự a tòng của anh làm vườn, nàng đến thỉnh lĩnh cho ngài trông thấy.

Giờ ấy là giờ sau khi cầu nguyện, ngài vào ngự uyển nghỉ ngơi giây lát.

Nàng xuất hiện sau một khúc quanh, như là một nữ thần bông hoa, đẹp dễ phi thường trong bộ y phục hóa trang; không biết nàng là ai, ngài tự hỏi có phải đó là Thần hoa không, vì sau khi xuất hiện, nàng làm cho ngài mê mẩn với giọng hát và sắc đẹp mê hồn rồi “biến mất”.

Lần thứ ba, nhà vua nhứt định không để cho sự xuất hiện ấy tan biến đi. Thiếu

nữ biết thế; nàng ăn mặc trắng tinh ngồi chờ trên một chiếc chiếu rải đầy những hoa lài.

Ngài không thể cầm lòng... Nàng đưa tay ngăn, nói:

– Thưa ngài, ngài là vương giả, miếu duệ Đức Giáo Tổ và là người cầm quyền cai trị tín đồ; chúng ta không làm gì được nếu chưa thi hành những điều Luật buộc.

Mà Luật dạy rằng, những cặp vợ chồng tương lai phải dọn mình tinh khiết bằng cách tắm một lần.

Nhà vua, vì sợ nàng tiên biến mất, vội vàng tay cầm tay, dắt nàng vào một tiểu đình giữa ngự uyển. Nàng thiếu nữ bình dân mừng thầm song không biểu lộ. Vị vương trao chiếc khăn cho nàng, bảo:

– Ước sao nhà tắm làm cho nàng thoải mái nàng yêu quý của ta!

Bấy giờ, đến phiên ngài. Khi ngài một mình vào trong tiểu đình, nàng ôm y phục ngài rồi đi mất lần chót.

Giây phút sau, đến giờ nhà vua tiếp nàng, thiếu nữ hiện ra, mặc y phục nhà vua, trong khung cửa lộng lẫy hoàng cung.

Và chiều ấy, vị vương thành hôn cùng nàng, ngài hưởng mọi điều sung sướng, vật chất lẫn tinh thần.

E) RAMADAN, MÙA CHAY TRONG HỒI GIÁO.

Theo Phật giáo chúng ta, ta có trai kỳ, một số ngày chay trong mỗi tháng,

bán nguyệt trai, mỗi tháng ăn chay nửa tháng và trường chay, không ăn thịt loài cầm thú cá tôm, không uống rượu.

Ngày chay, chúng ta dùng rau trái mà thôi.

Tháng Ramadan là tháng ăn chay trong đạo Hồi; lịch Hồi giáo chi phối cuộc tuần hoàn đời sống tôn giáo và các lễ. Lịch này hoàn toàn tùy thuộc nơi sự vận chuyển của mặt trăng, đến đổi tháng Ramadan chỉ được khai mạc hay bế mạc là khi một người ngoan đạo tự mắt mình thấy con trăng Ramadan lên bầu trời hoặc con trăng lễ Aid El Seghir (tiểu lễ: tháng Ramadan bế mạc).

Năm Hồi giáo không khác năm âm lịch chút nào và không quan tâm gì đến mấy mùa thay đổi do dương lịch chỉ định.

Ngày đầu năm lịch ấy là ngày Achoura (ngày thứ 10 tháng Moharrem) kỷ niệm ngày Mohammed di tản qua Médine và là lễ nhĩ đồng mà thành Marrakech cử hành long trọng đặc biệt Lễ Tết Moharrem nầy không nhứt định là ngày nào trong dương lịch.

Trên núi, người ta nhảy qua lửa, rưới nước vào mình, có khi người ta lấy roi gai mà quất mình nữa. Tháng chay là tháng 9, tháng Ramadan, chánh thức định từ mặt trời mọc cho tới mặt trời lặn.

Nơi thành thị, một loạt súng đại bác khai mạc và bế mạc ngày chay.

Chốn thôn quê, các bô lão ngồi trước nhà, trông mặt nhứt khuất dưới chân trời.

Theo lệ, thì lối bốn, năm giờ sáng, tín

đồ Hồi giáo ăn một bữa thật no, rồi trọn ngày, cho đến lúc mặt trời lặn, họ không ăn uống, hút thuốc chi cả, và đến măn ngày chay, họ ăn một bữa xúp đậu, gọi là harira, rất là thịnh soạn.

F) FANTASIA

Đó là một cuộc phi ngựa vĩ đại của cả trăm cả ngàn kỵ sĩ trong cánh đồng, tay cầm súng múa may và sau cùng bắn một loạt súng rền trời.

Lễ này có mục đích kỷ niệm vị anh hùng cứu quốc là Idriss 1er và lễ Fantasia quan trọng nhất toàn xứ Maroc mỗi năm được cử hành tại thành Moulay Idriss, vào tháng tám dương lịch.

Tất cả sự cao thượng của cuộc sãi ngựa Fantasia là trong giờ phút huy

hoàng ấy, người và ngựa hợp làm một như là một con “centaure” (quái vật đầu người mình ngựa).

G) VIẾNG MARRAKECH (viết tắt: MARRA)

Trong lúc chờ đợi Bộ Ngoại giao Thụy Điển chấp thuận cho Đào nhập cảnh, ngày 24 tháng 6, 1972, vợ chồng Năm cùng Đào viếng thành phố Marrakech, một trong các thành phố quan trọng Maroc.

Hai đại lộ đất dẫn đến Marra, con đường thứ nhứt đẹp và dài hơn, do phía tây Casa chạy dọc theo bờ biển, trải qua mấy thị trấn Azemmour, kể El Jadida, Oualidia, sau cùng là Safi, rồi trở xuống đông nam đến Marrakech.

Đi như thế phải trải qua trên ba trăm cây số ngàn. Con đường thứ nhì từ Casa xuống tây nam, băng qua cánh đồng, khoảng vài trăm cây số.

Khởi hành hồi sáng sớm, với chiếc xe Fiat mạnh mẽ, tốc lực thường một trăm, trăm hai mươi cây số giờ, Năm theo con đường ngoặt mục chạy dài theo bờ biển.

Tám mươi cây số đến Azemmour là một thành phố thiêng, bãi biển bao la.

Với những chiếc nhà nhỏ trắng xinh xinh, những vách thành cao vọi, xây trên vàm sông Om Er Rebia, trên có trí vài khẩu súng xưa, Azemmour sống trong thanh tịnh.

Một khu rừng cây khuynh diệp chạy dài tới El Jadida, cách đó mười lăm cây số, về phía nam, là một nơi tắm biển đẹp

để, có hồ tắm, trường đua ngựa, lại cũng là một thành phố Bồ Đào Nha xưa, vách thành sừng sững trên bờ biển.

Xe đến Cap Blanc vào lúc mười một giờ. Cánh rừng bóng yêm lá rợp, nhiều xe người ngoại quốc đến cắm trại trong khung cảnh êm đềm.

Nơi đây, Chánh phủ cất một dãy khách sạn đầy đủ tiện nghi, và mỗi quán ăn; mỗi ngày đêm, khách thuê phòng trả 35 DH, được một bữa điểm tâm và tắm trong hồ miễn phí.

Mỗi bữa ăn trưa và ăn tối là 12 DH.

Hai hồ tắm, một lớn một nhỏ, cái nhỏ dành cho trẻ em, có huấn luyện viên dạy lội. Chánh phủ muốn gác dan coi giữ và khách ghé tắm chỉ trả có hai DH mà thôi.

Rời Cap Blanc đến Oualidia, một cái vịnh rất đẹp, nơi tắm biển, nuôi sò huyết, bãi cát là đà, rải rác một đàn hải âu đậu trên cồn cát.

Ngồi trên quán ăn thưởng thức những hải vị, trong khung cảnh trời trong mây bạc biển lam thật là thú vị.

Từ El Jadida đến Oualidia, bờ biển được gọi là “bãi biển xà cừ” vì không khí trong veo và sáng rõ như ốc xà cừ.

Dùng bữa xong, nghỉ ngơi giây lát, lại lên xe nhắm Safi trực chỉ.

Đây là một trong các hải cảng lưới cá mồi lớn nhứt hoàn cầu. Một cái đê dài ngăn sóng, thuyền đánh cá về đều vô vịnh.

Safi lại là một thành phố chế tạo đồ gốm, đồ kiêu, rất công phu. Đào ghé lại

mua một đôi hài nhỏ chỉ trả có hai đồng DH.

Từ đây, chiếc xe băng qua đồng, nhắm hướng Marrakech mà đi.

Dọc đường, gặp nhiều trung tâm chọn lọc cà chua, dừng chờ lên Chợ bán sỉ (Marché de gros) ở Casa. Những trái nào nhỏ và quá chín, họ đổ trên lễ đài, có mấy ngàn mấy muôn trái đỏ ối, không ai buồn lượm làm chi.

Xem thấy thế, trông lại Việt Nam mình, mắc phải cái nạn quái ác nổi da xáo thịt mà muôn vật muôn mắc, nghĩ lại mà buồn!

Nhiều nhà vuông bằng đá cất giữa đồng, góc tường có cái tháp cao vài mươi thước, cò trắng làm ổ trên tháp đứng một chơn dòm trời như một triết gia chiêm nghiệm sự đời.

Lại thỉnh thoảng một vòng thành bằng đá xanh thấp thấp, hoặc hình bốn góc, hoặc là năm góc không đều, chỉ có một cửa vào nho nhỏ, giữa khoảng đất ấy dựng lên một cái mộ hình vuông nóc tròn của một vị hiền nhân trọn đời ở ăn đạo đức, sau khi từ trần hiền thánh cứu độ quần sanh.

Dân sự trong vùng và cả những người ở nơi xa, lâu lâu đến đây cầu nguyện và dường như có sự linh ứng xảy ra.

* * *

“Xúc” (Souk) Đào cũng gặp những “chợ kỳ”, người Pháp gọi là “Souk” tuần nầy nhóm làng nầy, tuần sau nhóm làng khác từ sớm mai đến năm, sáu giờ chiều, bán thập vật từ bánh trái, những thủ

công, cho đến chim gà, dê, trầu, lửa, bò và cả lạc đà nữa.

Dân quê cũng đến đó mua đường, đậu, gạo, thơm v. v...

Trên đường về nhà, chú lửa mang cái bao đôi vắt hai bên lưng, còn anh chủ cấp tay sau đi theo, không nói, không kêu một tiếng. Có khi, anh ngồi trên lưng lửa, cái chân mặt nhíp trên cổ nó, nó mới đi, bằng chẳng, nó tưởng anh ngủ gật, nó không thèm đi nữa.

Chữ Pháp “Souk” (chợ) có hai nghĩa: “le souk” (số ít) là chợ phiên, chợ kỳ, như Đào đã trình bày trên đây, và “les souks” (số nhiều) là những chợ chồm hổm, mỗi ngày mỗi nhóm trong những khu vực bình dân ở châu thành.

Đến Marrakech hồi hơn năm giờ,

Năm đi ngay đến quán ăn Á Đông (Á Đông, 22. Bd El Mansour Eddahbi) của bác Hải là một bạn thân. Ngoài cửa, treo một tấm bảng viết hàng chữ Pháp “Le restaurant est fermé jusqu’à 19 heures” (quán ăn đóng cửa cho đến 19 giờ).

Ông bà Hải chào mừng, dọn rượu bánh giải lao...

* * *

a) Marakech “hòn ngọc miền Nam” là một thành phố của nền văn minh cổ, được thành lập vào năm 1062 do vị vương thứ nhứt của triều đại Almora-vide, Youssef Ben Tachfine. Con trai ngài là Ali Ben Youssef xây mấy vách thành đầu tiên, di tích tồn tại đến ngày nay.

Nhưng mấy Tòa kiến trúc mà hiện

thời người ta còn chiêm ngưỡng trầm trồ là do công trình các triều đại Almo-hades và Saâdiens.

Mấy vị trước kiến thiết Thánh đường Koutoubia, đẹp nhứt hoàn cầu. Sự xây cất thánh đường này có vẻ huyền bí lạ thường. Một tòa thứ nhứt có lẽ kiến thiết vào năm 1146, được dỡ phá cất lại vài năm sau, vì dường như thánh đường không được kiến tạo ngay hướng thành La Mecque.

Rộng lớn và trang nghiêm, Thánh đường Koutoubia bề ngoài trông tôn kính hơn các thánh đường khác, với cái tháp trứ danh cao 67, 50 thước, đột khởi trên châu thành.

Thánh đường này đồng thời với Tháp Giralda ở thành Séville (Tây ban Nha) và Tháp Hassan ở Rabat. Trên đỉnh, một

thanh sắt chịu ba trái cầu bằng đồng đỏ, trục kính hai thước, một thước và 0,50 thước.

Ở Marrakech, du khách sẽ hài lòng mà viếng mấy nơi:

– Tòa Dar Si Said là một đền đài sửa đổi làm “Bảo tàng viện mỹ thuật Maroc” và trường Tiểu Công nghệ.

– Cung điện và công viên Bahia, xây cất từ năm 1894 tới 1900, đền đài chạm trổ tinh vi. Một khu vườn đẹp cây cối được tưới do nước một hồ 80 thước rộng vuông.

– Lăng tẩm vua triều đại Saâdiens được kiến thiết dưới triều vua Saâdiens Ahmed El Mansour El Dehbi (1578 1603), nơi đây an táng hài cốt mấy vị vương Saâdiens trừ năm vị.

– Công viên Aguedal rất đẹp, kiến tạo dưới triều Almohades, thế kỷ thứ XII, dài ba cây số, rộng 1, 5 cây số ngàn.

– Công viên Menara trồng những cây ô liu, bao bọc trong vòng thành dài 1.200 thước, rộng 800.

– Một tòa đền do Moulay Abd Er Rahman xây cất, soi bóng xuống mặt hồ thanh tịnh.

* * *

Vợ chồng Năm với Đào mượn hai phòng trong khách sạn HAOVZ, rồi ra chợ trời dạo chơi, gọi là “place Djemaa El Fna”, Đào sẽ nói sau.

Dùng cơm tại quán ăn bác Hải xong, về phòng ngơi nghỉ.

Phòng của Đào mang số 23, tầng lầu 1, trước cửa có ba cây kè to, cao trên hai mươi thước, dây chùm gởi quần đầy chim én kêu ríu rít cho đến mười giờ đêm mới êm, bốn giờ sáng lại kêu, đánh thức du khách dậy.

Tám giờ điểm tâm trong phòng: bánh mì, bơ, cà phê sữa.

Trả phòng, lại nhà bác Hải, bác đã sẵn sàng, chở gia đình Năm với Đào trong xe bác, ngoạn cảnh đập nước Cavaignac, cách châu thành ba mươi cây số ngàn.

Cavaignac là một vị cựu Thống đốc Algérie, nhà vua mượn tên ông đặt tên cho cái đập này. Đập có bốn cửa, lúc bấy giờ cửa thứ nhì được mở chút ít thôi, để giữ nước trên núi chảy xuống.

Mùa nắng, mở đập cho nước vô ruộng hầu nông dân trồng lúa.

Hai vị kỹ sư người Pháp cư ngụ trong hai biệt thự đủ tiện nghi, huấn luyện chuyên viên để rồi giao phó cho họ trách nhiệm điều hành cái đập.

Nước mưa chứa trong một hồ rộng mênh mông, trong vắt, hồ không sâu, du khách lội tắm, đi xe đạp nước pédalot, hoặc chơi trượt nước (ski nautique).

Rừng núi êm đềm, gió thổi vi vu, thảnh thơi vài tiếng chim sơn dã.

Cảnh thiên nhiên tuy đẹp, hồ thông tuy có hấp dẫn khách nhàn du, song vô tư nhận xét thì phong cảnh ấy còn kém nước non này: thông hồ Đà Lạt, đất Việt trời Nam.

Đào chụp vài tấm ảnh trên bờ hồ cùng gia đình Năm và bác Hải, làm kỷ niệm.

Trên đường về, bác Hải lái xe đi lạc vào một con đường nhỏ hẹp gồ ghề.

Vài ba ông Rốc vai vác túi đầy thực phẩm, miệng kêu ơ ơ tay khoát ra dấu bảo “de” vì nút đường là mấy tảng đá lớn, không có lối ra; phía bên kia là chợ phiên (Souk).

Bác khó khăn lắm mới trở ra được.

Ghé Souk viếng chơi một vòng, mua mấy cái bánh như bánh tiêu bên mình, nhưng không ngon bằng, một diram bốn bánh, thành thử tính theo bạc Việt nam là 25 đồng một cái. Mặc ghê!

Xe đi ngang qua Vườn Aguedal, rồi Vườn Menara, kể tới “Circuit des Palmeraies”, con đường bao quanh một khoảng đất rộng, trồng toàn những cây kè không có trái.

Dân bản xứ dắt lạc đà đứng bên vệ đường, mời du khách cỡi.

Đào hiếu kỳ muốn cỡi thử, bác Hải cẩn thận dặn dò, nắm cái thanh sắt trên vai con thú cho thật chặt vì lạc đà có tánh đứng hai chơn sau lên trước, nếu mình sơ ý ắt là nhúi tới đằng đầu.

Đào ngồi vững vàng trên lưng lạc đà, anh chần dặt đi một vòng, Năm chụp cho tấm ảnh, thú nằm, Đào xuống đất trả hai đồng diram.

Về đến quán là mười ba giờ, ăn uống, nghỉ lưng.

Mười lăm giờ, một đám ma đi qua trước nhà, đoàn người đưa ma đi đầu đọc kinh cầu nguyện, kế đó là cái quan tài nhỏ nhẹ, chỉ có bốn người khiêng, theo sau là thân nhơn, rồi đoàn xe, lơ thơ vài cái tràng hoa.

Tục lệ xứ Maroc hề người chết rồi là chôn liền, không để lâu vài ba bữa như ở Việt Nam ta.

Lại ra chợ trời xem quang cảnh ban ngày. Nắng quá, mồ hôi ướt đầm mình. Dân bản xứ thối sáo, mãi võ, bán thập vật, cho rần quẩn lên mình, lên cổ...

Đào mua một xâu chuối lần 100 hột, mấy bó nhang thơm rồi cùng vợ chồng Năm già từ Marrakech.

Mặt trời đã ngã về tây, châu thành nhuộm một màu đỏ sậm, thành thủ Marra được mạng danh là “Thành phố đỏ”.

Trời nóng nực. Cởi áo ngoài, chỉ còn chiếc áo sơ mi, xe chạy vùn vụt, thế mà còn nóng bức.

Lần đầu tiên, Đào thấy ảo ảnh (mirage) xa xa, trên đường cái quan, dưới cánh đồng, Đào tưởng chừng như là thấy một vùng nước mênh mông, nhưng khi chiếc xe đến gần, thì chẳng có chi cả, chỉ là con đàng trắng nhụa láng o, chỉ là cánh đồng những cỏ, chẳng qua là trời nắng quá, đôi mắt mình bị ảo tượng (illusion d'optique) đó thôi.

Bận về, Năm chạy băng qua cánh đồng bao la, nơi đây lúc trước, cựu Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ tập lái phi cơ nơi thị trấn Benguerir.

Năm lại chỉ cho Đào xem con đàng nhỏ vô đồn điền nhà đại phú Prioux. Ông từ trần, con trai ông bán hết sản nghiệp, từ giã Maroc về Anh.

B) CÁ NHÂN CỦA NĂM

Kể về tài nghệ thì Năm đứng vào hàng Y sĩ khá, lại có “tay phục dục” nên trị bệnh nặng nhiều người đăng lảnh.

Lại được cái tâm đạo đức nên lấy tiền mạch nhẹ hơn các bác sĩ khác, thường thì mấy ông « đòi » 20 hoặc 25 DH một bệnh nhơn, tính theo bạc Việt Nam 100 đồng một quan (hay một DH) là 2000\$ hay 2.500 đồng, quá mắc.

Còn Năm chỉ lấy có 15 DH thôi, lại đối với bệnh nhơn nghèo, có khi Năm không lấy tiền mạch và người bệnh hôm trước đã đến rồi, hôm sau trở lại để được tái khám, Năm cũng không lấy tiền mạch nữa.

Vì chỉ có Năm là bác sĩ người Việt nên các ông các bà Maroc gọi Năm là

“bác sĩ Sinoa” (chinois, Hoa kiều) và mấy bác tài tắc xi, hể bảo họ chở tới “bác sĩ sinoa” là họ biết liền,

Bởi thế cho nên dường như Năm được nhiều thân chủ hơn đa số bác sĩ khác, và trong lúc chiều thứ bảy sớm mai chúa nhật, nhiều bác sĩ Pháp và “Rốc” cặm cùi làm việc thì bác sĩ Năm đóng cửa phòng mạch đi chơi.

Đôi khi, vì có nhiều bệnh nhân chờ đợi, nên Năm làm tới bảy tám giờ đêm; Năm tặng hai cô nữ y tá của mình mỗi cô 5 DH để đi tắc xi về nhà.

Trên đường từ Marra tới Casa, dọc đường, năm bảy đứa chăn chiên ngựa tay xin tiền, trong xe Năm còn bảy tám trái cam, Năm bảo vợ lấy ra cho hết, vợ Năm cũng vui lòng ...

Một điều mà Đào ước mong sao Năm sẽ thực hành là, khi đi đâu xa, Năm nên đem theo một hộp dụng cụ y khoa, ngõ hầu băng bó cứu người trong khi dọc đường gặp những tai nạn xe, nạn nhân cần được săn sóc cấp thời ...

Mấy lời khuyên nhủ của Đào chắc Năm suy nghĩ và nếu cho là hữu lý, chắc Năm nghe theo chớ chẳng không.

Bà Năm là một thiếu phụ đẹp đẽ, mạnh dạn, tánh tình cương quyết, giúp việc hành chánh trong Nha Y tế Casa đặc lực, ông Y sĩ trưởng nào cũng hài lòng.

Bộ Y Tế cấp cho bà một cái nhà số 16 đường Dalton, năm phòng: phòng khách, phòng ngủ, phòng ăn, nhà bếp, phòng tắm, sân trước, sân sau, đèn nước xài “líp”, khỏi trả tiền.

Bà tháo vát trong mọi việc, lại xử sự đứng đắn, đa số Việt kiều ở Maroc đều kính mến. Chính một việc cón con là việc sắp cái va-li giùm Đào mà bà sắp một cách khéo léo gọn gàng.

Bà rất tiết độ, sớm mai chỉ uống một tách cà phê sữa rồi đi làm; dùng bữa cơm trưa như thường lệ. Cơm chiều, bà chỉ ăn một trái cam, miếng dưa hấu, vài trái nho thôi.

* * *

Cô người làm Rkia rất mến bà, tuyên bố ở với bà hoài, cho tới khi nào bà không dùng nó nữa.

Bà Năm cười nói:

– Mấy ở với tao, tao rất hài lòng,

song mây ở hoài đâu có được, khi nào mây gặp chỗ tử tế, mây nên lập gia đình, đàn bà con gái như cái hoa, qua thời kỳ xuân sắc thì khó tìm hạnh phúc.

Vì nó giỏi việc bếp núc nên có một quán ăn muốn mượn nó với lương bổng cao hơn; sau vài ngày suy nghĩ, nó khước từ.

Khi nào làm công việc nhà một mình, nó hát giọng trầm trầm: “... Xai xê ê a a, rỉ e e ả a, ô xời, ở ơ ờ...” Hỏi nó hát bài gì thế, nó cười, nhả hàm răng trắng toát, nói: “Hát chơi, không có bài bản gì”.

* * *

Đứa con gái của vợ chồng Năm là Trúc Chi, mới bốn tuổi mà cao lớn mạnh mẽ, Năm định tập luyện cho nó lớn lên làm một nữ thể thao gia.

Học trường Bà, Trúc chi nói tiếng Pháp giỏi hơn tiếng Việt. Một giờ rưỡi trưa và tám giờ tối, nó đón ba nó ngoài cửa, hỏi:

– Ba làm việc về có mệt hôn?

Đào giải thích cho nó hiểu rằng: Trúc Chi có nghĩa là cành trúc, nhánh trúc (branche de bambou) và dạy nó hát:

Gió đưa cành trúc là đà,

*Tiếng chuông Thiên mục, canh gà Thọ
xương.*

Thấy nó mập mạnh, hai cánh tay no tròn, Đào gheo nó, bảo Rkia “chặt” hai tay nó, rô ti cho Đào nhậu rượu. Trúc Chi sợ quá, tái mặt, ôm hai tay nói:

– On ne mange pas les bras des enfants! (người ta không ăn cánh tay con nít).

Vợ chồng Năm cười ngất.

Khen Trúc Chi, Đào nói:

– Elle mange bien, joue bien, travaille bien. (Nó ăn giỏi, chơi giỏi, học giỏi).

Rkia trợn mắt, thêm vô:

– Méchant bien aussi! (mà cũng dữ lắm!)

D) XÂU CHUỖI XÀ CỪ

Ngày 26 tháng 6, ngày sanh nhựt của Đào, ngẫu nhiên vợ chồng Franko (Phan-cô), chồng Pháp vợ Nam, bạn của vợ chồng Năm, đến chơi, biểu một ổ bánh, gia chủ mời dùng cơm. Đang ăn, bỗng có tiếng chuông reo: thì ra, bác sĩ Ben Kezig, người Phi, cũng đến và nhân tiện, Năm mời dùng bữa luôn.

Cơm xong, Năm bưng ra một ổ bánh to của anh ta mua hồi chiều, trên mặt có bắt mấy chữ: “Joyeux anniversaire” (sinh nhật vui vẻ).

Vợ Năm đem ra một xâu chuỗi ba mươi ba hạt, tượng trưng ba mươi ba tầng trời, do một bà bạn thân đi Palestine đem về tặng.

Mà hể xâu chuỗi ở Palestine đến là đã được ban phép lành rồi. Vợ Năm thưa rằng biếu cho chú để niệm Phật.

Đào rất hài lòng vì là một xâu chuỗi hiếm có, mỗi hạt dài một phân tây, hình vuông dài, màu sáng rỡ. Công phu là cắt và mài từ hạt rồi lại khoét lỗ xỏ xâu, không khéo lại bể đi rất uống.

Về chuỗi quý, Đào đã được thấy chuỗi hổ, chuỗi bồ đề, chuỗi trầm hương, chuỗi

ngà voi v. v... bây giờ mới được thấy chuỗi xà cừ là lần thứ nhứt.

E) VIỆT PHÁP TÌNH DUYÊN

Nhắc đến cuộc tình duyên ban sơ của cặp vợ chồng Pháp Việt Phan-cô (Franko) cũng có phần lý thú. Nàng gốc gác ở Sa Đéc, Nam phần Việt nam, cựu nữ cán bộ kháng chiến chống Pháp năm 1946.

Chàng là cựu Trung sĩ trong quân đội viễn chinh.

Một hôm, toán binh do Phan-cô chỉ huy lọt vào ổ phục kích, lớp chết, lớp bị thương chạy trốn, phần còn lại bị bắt làm tù binh.

Cô nữ cán bộ Nguyễn Thị bảo các đồng chí nam nữ:

– Mấy đồng chí dẫn bọn này đi, thi hành phận sự, còn để tên thực dân này (chỉ Phan-cô) tôi ‘khai thác’ nó cho.

Vì Phan-cô trắng đỏ, đẹp trai, nên cô cậu “khai thác” nhau thế nào mà, sáng hôm sau, trong hàng ngũ kháng chiến, vắng bóng nữ cán bộ Nguyễn Thị. Kể đó, Phan-cô về Pháp, được thuyền chuyển đi Nouméa, sau cùng hôm nay Chuẩn úy Phan-cô là Trưởng Sở tu bổ súng ống của nhà vua Maroc tại Casa.

Ban đầu, song thân Phan-cô không chịu cưới Nguyễn Thị cho chàng, song quý công tử, quý tiểu thư lần lượt ra đời đến nay đã năm mặt con, thành thử ông bà đành bóp bụng, vui lòng chịu, vì bà Phan-cô tỏ ra là một vợ giỏi mẹ hiền, đan áo đã hay mà làm bánh ngon đặc biệt.

Vì Đào là chú của Năm và Phan-cô

là bạn Năm nên Phan-cô cũng gọi Đào là chú (ton ton).

Tên của Chuẩn úy Franko lại trùng âm với tên ông Franco, nguyên thủ nước Tây ban Nha (Espagne) Đào nói cà rồn với Phan-cô (Franko):

– Ngày nào cháu kế vị cho ông Franco, thì cháu phong chú làm Tổng Giám đốc thơ viện, nghe!

Phan-cô cười, chịu. Cả nhà đều vui vẻ.

F) BỂ CẠN NUÔI CÁ (AQUARIUM)

Chiều ngày 28 tháng 6, Đào với Lữ viếng nơi nuôi cá thành phố Casa, như hải học viện ở Nha Trang ta vậy.

Nơi này day mặt ra biển, vô cửa phải trả một DH. Qua khỏi cổng, Đào thấy trước nhứt một cái hồ cạn, sáu bảy con đôi mỗi, ba bốn con hải âu lội qua lội lại.

Bước vào trong, Đào để ý đến những vỏ tôm cua ở bờ biển Đại tây dương sâu từ 250 đến 600 thước. Lối 60 thứ cá, mỗi thứ sống trong lồng kiếng chứa chừng một thước khối nước.

Trong mỗi lồng, máy thổi hơi vào thay đổi không khí.

Nhiều loại cá, từ trước đến nay, Đào chỉ nghe tên hoặc thấy hình mà thôi, nay được thấy tận mắt, lấy làm lạ lùng. Một bông đá to hơn một thước, ở dưới đáy biển sâu từ 800 đến 1.500 thước.

Lại có bộ xương hải cẩu, hai cái răng hàm dưới con cá voi to dài ba thước rưỡi.

Nhiều thứ cá, như cá nhám, giống như cá mập, cá điêu cá đuối, cá vược, con thuồng luồng, loài hải quỳ bám vào đá như rong rêu.

Con cá hồng, con lươn bễ, con mực ma (bạch tuộc) với mấy cái tay có miệng hút, thấy mà ghê! Con nầy hình vóc nhỏ, nếu gặp phải mấy con khổng lồ tay dài cả mấy mươi thước ắt nguy hiểm luôn cho cả chiếc tàu.

Con cua biển, cá quyết, cá đuối, tôm hùm, con cá trống, mình mẩy có rắn, ở dưới nước tiếng kêu như tiếng trống.

Lại có một con cá, tên Việt không rõ tên gọi, tên Pháp gọi là “bennie”, vảy vi sắc sỡ như mặc đồ hát bộ, ló cái mỏ nơi mặt kiếng.

Mấy con sấu của xứ Cameroun (Phi

châu) và cửa Sông Nil. Một con qui, dài hai thước rưỡi, cân nặng 500 kí lô.

* * *

Nhắc lại, khi Đào xin với Tòa Tổng Lãnh sự Pháp tại Sài Gòn, giấy thông hành tạm vô Pháp, họ bảo Đào khi nào đến Rabat thì hỏi nơi Tòa Tổng Lãnh sự.

Nơi đây, ông chủ sự già lại bảo về Casa, ông sẽ gửi đến cho.

Ngày 28, nhằm thứ tư, Đào tới Tòa Lãnh sự Pháp ở Casa thì cô đầm lại mời Đào sớm mai thứ bảy, ngày 1 tháng 7, trở lại.

Đóng hết 1850 quan cũ tức là 18, 50 DH mới được cái chiếu khán trên giấy Thông hành.

Thế là xong xuôi việc giấy phép nhập cảnh vào Pháp, còn chiếu khán vào Thụy Điển nữa là xong, tạm giã từ Casa, bay sang Thụy Điển.

7) MOHAMMEDIA

Chiều thứ bảy nói trên, gia đình Năm cùng Đào viếng Mohammedia là một thị trấn cách Casa chừng ba mươi cây số. Đây là một hải cảng đánh cá, mỗi con nước lớn là có cá tươi về. Bãi biển rất đẹp, nơi tắm sạch sẽ.

Vườn cây mát mẻ, quán ăn sang trọng, hải vị ngon lành.

Trông xa, mấy cái biệt thự lâu ló dạng trong những chòm lá xanh tươi; đó là

sòng đồ bác dành cho khách sang, khách giàu mỗi tối thứ bảy đến đó cùng nhau sát phạt.

Lại có sân golf, hồ tắm.

Dường như mấy năm trước, nơi đây cũng chứa những kỹ nữ hạng sang, nhưng hiện nay không còn nữa.

Xuống hải cảng; một cái đê dài chặn sóng. Thuyền đánh cá mới về, có tôm hùm, cá biển tươi, họ thả chúng vào hồ kiếng, mặc tình khách lựa mua.

Mùi cá tôm tanh quá, Đào ra ngoài đứng coi người ta chơi trượt nước.

Trên sân, người nọ bày bán mấy cục đá lượm dưới biển, nhiều cục có gân xanh đỏ rất đẹp, nhưng quá mắc những năm DH một cục, nên thôi!

ĐỢI CHỜ

Đến ngày 4-7, được thơ của Ngọc bảo phụ thân trước khi qua Thụy Điển, đánh điện cho hay, phi cơ Công ty nào, số mấy, đến Arlanda là phi trường hồi mấy giờ, ngày nào.

Chờ đợi giấy phép mà đi cũng cực lòng. Nào ai có muốn ở lâu làm chi cho người người cung phụng sung sướng đâu.

Lễ thì thượng tuần tháng bảy, Đào có thể qua Thụy Điển ở với con rể một tháng vì Lạc nghỉ thường niên tháng bảy, hướng dẫn Đào đi nơi nầy nơi nọ, song gia đình Ngọc đi nghỉ hè nơi bờ biển Baltique ở trọ nơi nhà một người quen từ ngày 2 tới 9 tháng 7, thành thử

Tòa Lãnh sự Thụy Điển ở Rabat đánh Télex qua Vasteras, hãng Asea Atom là nơi Lạc giúp việc, hỏi về sự bảo đảm cho Đào nhập cảnh, song nhà Lạc không có ai trả lời. Ngày 7-7, Năm gọi điện thoại qua Tòa Đại sứ Việt nam ở Rabat, cậy hỏi giùm nơi Tòa Tổng Lãnh sự Thụy Điển, nơi đây họ trả lời đã đánh Télex lên Thụy Điển hai ngày rồi, tức là ngày 5-7, song chưa được trả lời, bao giờ có họ sẽ cho hay.

Đêm đêm, xem V.T. Truyền hình chương trình Maroc, xướng ngôn viên nói tiếng Ả Rập mà cũng nói tiếng Pháp.

Sáu giờ rưỡi, mở máy nghe tiếng đọc kinh Coran cầu nguyện một hồi mới đến “variétés”, những mục tạp nhạp, như tin trong xứ, thể thao, câu chuyện khoa học, vệ sinh v.v...

Đúng hai mươi giờ, điểm báo, gọi là “Téléjournal” Đào chờ nghe tin tức chiến sự ở Việt Nam, thời sự quốc tế, thời sự Maroc, nhạc và giọng ca của ca sĩ Maroc cũng thâm trầm hay hay vì lạ tai.

Có cô hát bài tiếng Pháp hoặc tiếng Maroc mà xang qua xang lại, múa tay, lắc đầu in hệt Mai Lệ Huyền trên đài V.T.T.H Việt nam. Chẳng biết cô ấy bắt chước M.L.H hay nữ ca sĩ V.N nhái theo bạn đồng nghiệp Rốc!

Nhắc lại, lúc ở Sài Gòn, đến trụ sở Pháp quốc Hàng không (Air France) góc đường Tự Do và Công trường Lam Sơn nhận vé máy bay, vì nơi đây không có cơ quan đại diện cho Chánh phủ Maroc nên Air France đánh điện về Rabat xin cho Đào nhập cảnh và ở nơi nhà bác sĩ Năm ba tháng để trị bệnh.

Nhà chức trách Maroc chấp thuận trên nguyên tắc, nhưng chỉ cho cư trú có mười lăm ngày, yêu cầu điều chỉnh sau ở Nha Cảnh sát tại Casablanca.

Nơi phi trường Nouasser, họ chiếu khán trong Sổ Thông hành và cho cư trú một tháng.

Vậy cuối tháng sáu, Năm với Đào đến Nha Cảnh sát xin gia hạn hai tháng cho đúng với kỳ hạn ba tháng Bộ Nội Vụ cho Đào xuất ngoại.

Lại cũng điền vô ba mẫu giấy in, nạp ba tấm ảnh, rồi chờ.

Đến ngày 13 tháng 7, đem Sổ Thông hành đến, họ đóng dấu cho Đào cư ngụ tới ngày 10 tháng 9, đúng với kỳ hạn của Chánh phủ Việt Nam cho.

3. HAI TUẦN Ở THỤY ĐIỂN SVERIGE – SUÈDE – SWEDEN

1) ĐƯỢC PHÉP NHẬP CẢNH

Ngày thứ sáu 14-7, vào lúc 10 giờ, Tòa Đại sứ Việt Nam cho Đào hay rằng nhà chức trách Thụy Điển cho phép Đào nhập cảnh, song ngày thứ bảy trong tuần, nhân viên Tòa Tổng Lãnh sự Thụy Điển tại Rabat không làm việc, vậy Đào nên đến ngày thứ ba 18-7 là hơn.

Ngày ấy, bảy giờ rưỡi, Năm chở Đào với Lũ (em bà con của bác sĩ Năm) ra ga xe lửa

tốc hành Casa – Tanger để đi Rabat lãnh “chiếu khán”.

Chiếc xe Micheline rộng rãi, đẹp dễ, có hai hạng, nhút và nhì, ghế bành rộng lớn lót nệm da ngồi êm ru.

Đào với Lữ mua hai vé hạng nhì, 13 DH. Xe khởi hành hồi 8 giờ 15, giờ đến định là 9 giờ rưỡi, tức chiếc xe đi một giờ 15 phút, ngót 91 cây số, trung bình gần 80 cây số giờ.

Toa hạng nhì, hai dãy ghế bọc da, mỗi dãy 15 hàng, mỗi hàng hai ghế, thế là toa xe có 60 ghế. Mút toa, phòng vệ sinh để khách dùng.

Xe chạy dọc theo bờ biển, hai lần chun vô đường hầm tối om, trong xe bật đèn néon, máy điều hòa không khí, làm cho xe mát lạnh.

Xe ghé mỗi ga nhỏ không đầy một phút đồng hồ. Đến Rabat, hành khách lật đật xách va li ra; xe đậu sát bậc thạch, lên máy cấp thang ra cửa.

Đào với Lữ kêu chiếc taxi đến Sứ quán Việt Nam, trong lúc ấy ông Bùi nhận được cú điện thoại của Năm, đem xe ra ga không gặp, trở về văn phòng thì Đào đã đến rồi.

Sứ quán cậy bà thơ ký Bernadeau, phụ trách việc giấy thông hành, đi với Đào lại Tòa Tổng Lãnh sự Thụy Điển.

Nơi đây, họ buộc Đào ký một tờ cam kết bằng Pháp văn rằng mình chỉ cư trú trên đất Thụy Điển hai tuần lễ thôi.

Rồi yêu cầu Đào đóng lệ phí là 51 DH, tính ra như sau:

– Hai lần đánh Telex: 26. DH.

– Chiếu khán: 24. 20.

– Lặt vặt: 0. 80.

Tổng cộng = 51 DH

Trở về Sứ quán, Đào trình cho ông Đặc trách Sứ quán Sự vụ tờ Sinh mệnh ủy quyền nhờ ông chứng thực đăng bà Đào ở Sài Gòn có thể lãnh sổ hưu bổng ngày 21 tháng 8 tới đây.

Mọi việc xong xuôi, ra bến xe đò thì chuyển 11 giờ đã chạy về Casa rồi, chỉ còn mấy chuyến 12 giờ và 13 giờ 15.

Vậy Đào với Lữ lên ngôi chiếc “tắc xi lớn”, tức xe lô (location) bên Việt Nam, xe chở sáu người, hai trước, bốn sau, sáu DH mỗi người. Khởi hành 11 giờ 15, xe chạy êm ru mát mẻ, không ngừng đâu, anh tài xế cầm tay lái vững vàng.

Về tới bến C.T.M (Compagnie Transports Maroc: Công ty chuyên chở Maroc) hồi 12 giờ rưỡi.

Chiều ấy, Năm đưa cho Đào 2.300 DH, chở Đào với Lữ đến trụ sở Air France, để mua vé Casa – Stockholm – Paris – Lyon và Lyon Casa. Giá vé là 2.120 DH.

Theo giờ ghi trong vé thì phi cơ cất cánh tại Casa hồi 2 giờ 50 ngày 21 tháng 7, tới Paris 6 giờ 30, suốt buổi mai ở phi cảng Orly chờ cho đến 14 giờ 15 mới bay đi Stockholm và đến đấy vào 16 giờ 55.

Y lời dặn bảo của con, Đào đánh cho Ngọc cái điện tín: Ngọc Unneberg... Arriverai Arlanda vol 790 AF vingt un Juillet seize heures cinquante. DAO. (Sẽ đến Arlanda ngày 21-7 hồi 16 giờ 50...)

Lúc này là lúc hên nho nhỏ của Đào.

Ở Maroc, số Quốc gia được xổ mỗi tuần hai lần, ngày thứ hai và ngày thứ năm.

Xổ ngày thứ hai là 10 DH mỗi số, có loại 1/10, tức là một DH, xổ ngày thứ năm 25 DH, loại 1/10 là 2,50 DH.

Đào mua 5 số 5 DH, trúng dạng ba, một vé có số tận cùng là 5 được trả vốn một DH, một vé có số tận cùng 73, trúng 2 DH và một vé có số tận cùng 861, trúng 5 DH, tất cả là 8 DH, lời được 3 DH.

ĐIỀM CHIỀM BAO QUÁI DỊ

Ngày 15 tháng 7, ngủ trưa, Đào mộng thấy một điềm rất lạ.

Vía Đào ở trong một cái nhà không phải là nhà mình; Đào đi đâu về, có một Cổ đạo sai một Cha đem đến biếu mình hai món đồ gói trong giấy nylon, ngoài bọc dán miếng giấy đề mấy chữ: “để tỏ cảm tình tri ngộ”.

Đào du ngoạn trong rừng thông, bỗng một cảnh thông giờ cảnh dài ra nắm lấy bàn tay mình, Đào giựt không sút, niệm “Nam mô A Di Đà Phật” mấy tiếng, nó cũng không buông, sau định thần niệm luôn bảy lần “Nam mô Tây Phương Giáo chủ Tiếp Dẫn Đạo sư A Di Đà Phật”, đứt một khúc thông trong tay mình.

Điềm chiêm bao quái dị về việc càn thông, sau này mới ứng nghiệm, còn việc ông Cố đạo tặng quà, chưa hiểu ra sao. Mình là Phật tử, ông Cố Đạo là con Chúa lại tặng quà mình, à phải, hay là Hòa đồng Tôn giáo đây chăng?

HÀNH TRÌNH QUA THỤY ĐIỂN

Thật là sung sướng khi ngoài trời lạnh lạnh, mà trong vòng nệm ấm chăn êm, ngủ một giấc ngon lành, chẳng tưởng nghĩ điều chi cả.

Song có việc thì phải chịu cực chớ sao, nửa đêm 20 rạng mặt 21 tháng 7, Đào thức dậy rửa mặt, thay y phục, soát va-li lại lần cuối cùng, Năm nghe lục đục cũng dậy sửa soạn, lại ga-ra lấy chiếc xe về. Hai em bà con của Năm là Lữ và Đệ

phụ xách va-li Đào ra xe, Năm nhắm phi trường Nouasser trực chỉ.

Đêm nay là đêm 11 tháng 6 âm lịch, một đêm yên tĩnh đồng không, trăng mờ mờ, không một tiếng chó sủa, không một tiếng chim kêu.

Đến phi trường là một giờ rưỡi, gió thổi nhiều, mặc dầu Đào mặc bộ đồ nỉ, cũng cảm thấy lạnh vì gió biển thổi vô.

Với một va-li lớn đầy và một giỏ trái hạnh và dưa giây, vợ Năm gửi biểu Ngọc, cân không tới 18 kí lô.

Trình giấy tờ; Cảnh sát đóng dấu vào Thông hành tạm đi Thụy Điển.

Ngày giờ còn nhiều, Đào đi tới đi lui, làm quen với anh Pháp tên Carré, nhân viên A.F, 35 tuổi, nói năm thứ tiếng, cư ngụ ở Ba Lê, đi Maroc chơi một tuần,

thăm người em gái vừa mới sanh con.

Anh ta nói ở Ba Lê, anh có quen với cậu Đỗ Văn Kia, cũng nhân viên A.F. Đào không biết cậu ấy có thân thuộc với ông Đỗ Văn Kia, một công chức hành chánh hồi hưu ở Sài Gòn chẳng.

Hai giờ rưỡi, Đào từ già Năm, Lữ và Đề, vào phòng khách ngồi chờ. Hai giờ 45 lên phi cơ, hai giờ 50 bay.

Ông Carré qua hàng ghế sau, hạ tay hai chiếc ghế xuống, nằm ngủ. Ngồi một hồi buồn ý, Đào cũng bắt chước, nằm nghiêng song không ngủ được.

Bốn giờ, trời đã sáng rõ; năm giờ mặt trời mọc, giọt bên hữu chiếc phi cơ, vì phi cơ bay về Pháp, đông bắc Casa, và mặt nhứt mọc hướng đông.

Chiếc Boeing 727 bay thẳng thét đến

6 giờ 30 là đáp xuống phi trường Orly. ông Carré già từ ra cửa. Đào đã quen được phần nào, đến ghi-sê A.F trình vé, đi thang thường chớ không dùng thang tự động.

Theo giờ định thì phi cơ sẽ rời Orly mà bay qua Stockholm vào lúc 14 giờ 15, mà bây giờ mới có sáu giờ rưỡi, phải chờ suốt một buổi mai.

Còn ngày giờ quá nhiều, hết lên lầu lại xuống đất, xách chiếc xách tay đi hoài cũng mỏi, nên Đào gửi trong học tử “Consigne” tốn một quan, người đầm Pháp giao cho một cái chìa khóa nhỏ, song chỉ mở học tử một lần thôi nếu muốn khóa lại phải bỏ vào cái kẻ một đồng quan nữa.

Trước cửa vào khu vệ sinh, họ đặt một cái bàn nhỏ, trên để cái đĩa con,

trong có mấy cái bạc. Khách đi đại tiện, tiểu tiện, rửa mặt, rửa tay ra bỏ vào đó một đồng. Muốn coi cho được, thỉnh thoảng Đào cũng làm như ai.

Nơi nao, cũng tiền và tiền.

Người ta nói rằng Orly bán đồ nhiều thứ và rẻ tiền vì được miễn thuế thương chánh. Sự thật thì không có gì đặc biệt: những ngoạn vật, cổ vật, bánh, sô cô la, bonbon, búp bê, đồng hồ, cà vạt, dầu thơm, v.v...

Cà-vạt bằng tơ, rờ mát tay, song theo Đào thì quá mắc, giá từ 21 đến 45 quan một cái, tức là từ 5 đến 10 US\$, tính theo bạc Việt nam thì từ $450\$ \times 5 = 2.250\$$ đến 4.500 đồng!

Thôi đành vậy.

Trước khi đi, Năm có cậy Đào mua

giùm anh ta một chiếc đồng hồ đeo tay tự động, hiệu Tissot. Săn thấy một người Pháp mua một cái 160 quan, Đào cũng mua một, tính theo hối suất 4,65 quan một Mỹ kim, nên trả hết 34 Mỹ kim.

Lấy hóa đơn, giấy bảo đảm, bỏ cái hộp, dùng giấy gói kỹ cái đồng hồ, bỏ vào túi trong cẩn thận.

Đào cảm thấy mệt, vì đêm hôm qua Đào mải lo lắng lên đường mà có ngủ ghê gì được.

Công ty không cung cấp điểm tâm cho khách – họ cho rằng hành trình Casa – Thụy Điển là hành trình ngắn, trái lại hành trình Sài Gòn Paris – Casa là hành trình dài nên Đào đến quán rượu gọi một tách cà phê sữa, với một bánh sừng bò, trả ba quan rưỡi.

Thấy anh phụ tá chủ quán giống người Việt, Đào hỏi:

– Anh phải là người Việt không?

Đáp: – Phải.

Làm quen. Anh xưng mình là con ông Võ Công Hầu (?); anh sanh sống ở Pháp đã gần hai mươi năm, có vợ Pháp và hai con.

Gần quán ăn, một hàng ghế dài có nệm bọc da đặt dựa vách, vài người Âu nằm ngủ ngáy khò. Còn chỗ trống, Đào nằm xuống nghỉ lưng song lại sợ ngủ quên như buổi chiều ngày 9 tháng 6 qua, khi nằm trong phòng ngủ quên mất bữa cơm chiều, nên chỉ ngồi dựa lưng vào ghế, nhắm mắt “dưỡng thần”.

Thăm nghĩ, nếu không mong muốn thăm cháu thăm con thì đi xa làm chi

cho khổ tấm thân già! Phật nói nào sai:
“Nhứt thiết do tâm tạo” – Sự phiền não
do tâm mình tạo ra.

Gần mười hai giờ, đặt một bữa “cơm
chay”, anh phụ tá dọn cho hai đĩa rau,
một ổ bánh mì nhỏ, phở mát, một chai
Soda tí hon, một trái bom tráng miệng.

Vì mệt mỏi nên ăn không được nhiều,
Đào chỉ dùng phân nửa thực phẩm ấy
thôi, thế mà cũng trả hết 12,50 quan.

Giờ chờ đợi lâu bao nhiêu rồi cũng
chấm dứt.

Mười ba giờ, rồi mười ba giờ rưỡi;
ghi-sê A.F phát cho vé lên phi cơ, có ghi
cửa số 30 E và F. Ra cửa, hành khách
được hai anh lính dò xét bằng máy điện
tử, ai có súng là biết ngay.

Hành khách lên xe ca, ra ngồi nơi phòng đợi. Cô tiếp đãi viên cho hay rằng phi cơ có chút trục trặc, cần phải kiểm soát lại máy móc, nên giờ khởi hành trễ đôi chút, xin hành khách vui lòng chờ.

Trước định 14 giờ 15 bay, nhưng nay “vì lý do kỹ thuật” nên đến 14 giờ rưỡi mới lên phi cơ; rô máy, chạy vòng vòng một hồi, 14 giờ 45 bay.

Tiếp đãi viên đem cho mỗi hành khách một mâm: một ly nước cam, một ổ bánh mì tròn, pho mát, bơ, một bao sữa bột, miếng giấy chanh để chùi tay.

Ông trưởng ca bin, tên Garnier, đi ngang qua, Đào nói mình muốn ngã cái lưng ghế ra sau một chút cho mình dựa nghỉ.

Ông ì ạch sửa không xong, bảo sau

bữa ăn, ông sẽ tìm cho Đào một ghế khác.

Đào làm quen, ông vui vẻ trả lời mấy điều Đào muốn biết, Đào tỏ ý kiến có lẽ tới phi trường Arlanda phải trễ, ông đáp:

– Chắc không trễ đâu, phi cơ chỉ phải tăng tốc lực thêm một chút.

Đào e ngại tới Arlanda không biết con rổ có ra đón hay không, và mình không biết tiếng Thụy Điển lại không nói được tiếng Anh.

Ông hứa sẽ giúp Đào, cầu chúc Đào may mắn, không trục trặc điều chi.

Nhân nghe Đào đi thăm ba đứa cháu ngoại, một trai hai gái, ông chạy tìm đâu được một anh lính bằng ngón tay và hai con búp bê nhỏ, rằng đó là quà (tặng ba cháu).

Phi cơ đến Arlanda đúng 17 giờ.

Đi ngang qua sân, ngó lên sân thượng, Đào thấy gia đình Ngọc vẫy tay ngoắt mình, Đào ngoắt lại.

Đào vào trong, ông Garnier theo bén gót.

Nơi ghi-sê, một nhân viên đàn ông và một phụ nữ chiếu khán thông hành tạm của Đào mà không hỏi han gì hết.

Tìm hành lý; chiếc va-li của Đào do đường rầy tự động bắc dài theo vách chạy vô, Đào xách xuống đứng chờ, cái giỏ trái cây cũng vừa chạy tới. Ông Garnier lấy một chiếc xe tay, chất hành lý lên đầy đủ, cùng Đào ra cửa bên hông phi cảng thì gia đình Lạc đã đón đó rồi.

Đào giới thiệu cùng Garnier con rể và cháu ngoại, không quên nói rằng ông

có tặng cho ba cháu một thằng lính và hai con búp bê. Cả mấy người đều cười.

Lạc tiếp lấy chiếc xe, Garnier trở vô trong, Lạc đẩy xe lại chiếc ô-tô của anh ta, chiếc Volsvagen, chất hành lý vào thùng xe rồi lại đem trả chiếc xe tay.

Đoạn cả gia đình lên xe trực chỉ về Vasteras (đọc Ouesteros), một thành phố nhỏ cách phi trường 115 cây số ngàn là nơi cư ngụ của gia đình Ngọc Lạc.

Đường quanh co chạy dài bên chiếc hồ Malar (Malaren) rộng mênh mông. Rừng thông xanh mịt.

Lạc đi cẩn thận lối tám mươi cây số giờ, đến nhà hơn 19 giờ, song lúc bấy giờ Thụy Điển còn mùa hè nên trời còn sáng.

Nhà cách thành phố Vasteras chừng sáu, bảy cây số.

Đào thay y phục, rửa mình, mở va-li tặng cho rể, con và cháu mấy món đồ, ai nấy đều hân hoan, nhất là chiếc áo dài Maroc của vợ Năm tặng Ngọc, làm cho mấy trẻ trầm trồ vui vẻ.

GIA ĐÌNH NGỌC LẠC

Lạc là kỹ sư bách khoa (polytechnique), chuyên môn nguyên tử lực phụng sự hòa bình, giúp việc ở hãng Asea là một trong các hãng lớn nhất hoàn cầu, cung cấp máy móc dụng cụ về điện tử cho nhiều xứ trên thế giới và có nhiều chi nhánh khắp nơi.

Để giúp nhân viên có một ngôi nhà xứng đáng, khang trang, Hãng thương lượng cùng thành phố Vasteras, thành phố mua của một nghiệp chủ một sở đất

to, rộng mấy trăm mẫu, cách châu thành sáu cây số ngàn, cho xe ủi đất ban bằng phẳng.

Hãng vẽ một bông đồ nhà một kiểu, mỗi nhân viên bắt thăm chiếm một lô đất bằng nhau, độ chín trăm thước vuông.

Mỗi người vay tiền một ngân hàng nào đó, mười sáu ngàn “couronnes” (Kr), mượn thầu khoán cất nhà, mỗi tháng trả góp một ngàn đồng.

Đồng couronne là đơn vị tiền tệ của Thụy Điển, giá thị trường tương đương với đồng quan Pháp (franc Fr), đồng dirham Maroc (DH). Từ đây, xin gọi là đồng quan Thụy Điển cho tiện.

Mỗi năm, chủ gia đóng cho thành phố khoảng 250 quan tiền mượn đất.

Cái nhà của Lạc hình chữ nhật, bề ngang trên tám thước, dài gần hai mươi chia làm hai dãy phòng, cách nhau bằng một cái hành lang.

Đứng trong nhà mà trông ra đường bên mặt là phòng ngủ lớn của vợ chồng Lạc, kế bên là phòng khách rộng, trong đấy có bộ xa lông nệm nỉ, tủ sách, bốn nhỏ nuôi cá.

Dựa vách để cây dương cầm (piano) vì trưởng nam của Lạc, là Anders (Được) mới học đàn này.

Lạc khoe rằng mua cây đàn rất rẻ, chỉ có sáu trăm quan. Tuy phím đàn không được đúng, song đàn còn dùng được. Khi nào Được đàn đã khá, Lạc sẽ bán cây này mà mua cây khác tốt hơn. Gần bên cây đàn là cái máy vô tuyến truyền hình màu.

Bên trái phòng Lạc là phòng tắm, phòng vệ sinh, rồi một hành lang nhỏ thông ra ngoài.

Lại tới phòng ăn, cạnh bên để cái máy V.T.T.H thường, trong lúc dùng bữa, nhứt là ăn chiều, mở máy truyền hình ấy mà xem.

Cơm chiều xong, gia đình quây quần trên bộ xa lông, thưởng thức truyền hình màu cho đến mười giờ đêm mới tắt.

Bên tả phòng ăn là nhà bếp, phòng để máy rửa chén, tủ lạnh (frigidaire), tủ đông đặc (congélateur), lạnh 20 độ dưới số không, máy giặt 12 kí lô y phục, máy phơi đồ cho mau khô, lại một lối ra ngoài, kế đó là một phòng vệ sinh nữa, bồn tắm, sau cùng là nhà xe, chất những bánh xe hơi, bốn cái xe đạp, một cửa Lạc và ba cái cửa ba đứa con, một trai An-

ders (Được), hai gái: Ann Sofi (Phi) và út là Monica (Ca).

Dãy bên trong, ngó ra vườn, là cái phòng lớn vợ chồng Lạc dành cho Đào, một giường nhỏ, tủ để quần áo, bàn viết, ghế bành, đèn điện trên trần nhà, đèn đứng, chiếc đồng hồ con cu treo trên vách, máy điện thoại để trên bàn.

Cũng có một máy điện thoại khác nơi phòng ăn.

Cạnh phòng Đào là phòng của Ca, rồi Phi, kế đó là Được. Chót hết là một phòng trống để đồ chơi cho ba trẻ.

Giữa hai dãy phòng là một hành lang dài, hẹp, trải thảm, đi cho êm chơn.

Vách nhà làm bằng ván ép cho đỡ lạnh. Mỗi phòng đều có ống dẫn nước nóng, sưởi ấm lúc mùa đông.

Ban đêm, một chiếc đèn điện lu soi đường cho hành lang được sáng. Mặc dầu là tháng bảy còn mùa hè, song khí hậu ở Thụy Điển ban đêm vẫn lạnh và thỉnh thoảng có mưa, song mưa không lớn.

Và tuy nằm trên nệm dày và đắp hai cái mền, Đào cảm thấy lạnh, ban đêm thức giấc đi tiểu, phát run.

Lương bổng của Lạc cao, bảy ngàn bảy trăm quan (tính theo bạc Việt Nam với hối suất 100 đồng một quan thì trên bảy trăm ngàn đồng). Song ở vào một nước chủ nghĩa xã hội, thuế lợi tức cao, lại đóng thêm món tiền về an ninh xã hội (Sécurité Sociale) cho nên số lương không còn bao nhiêu, chỉ còn có 4.400 quan. Ngọc tiêu xài rất là gói ghém.

Ngọc đậu bằng được sĩ ở Lyon (Pháp)

nhưng nay đã kết hôn cùng người Thụy Điển, nhập quốc tịch Thụy Điển, muốn hành nghề phải học lại chương trình Được khoa bản xứ nên thôi, đành ở nhà đi chợ, nuôi con.

Ngày làm việc, Lạc dùng xe đạp rời nhà lúc bảy giờ, đứng ngó về ăn trưa, rồi 13 giờ lại đi, 17 giờ về nghỉ. Được và Phi cũng cỡi xe đạp đi học, chỉ có Ca mới lên năm tuổi còn ở nhà chơi, ngày chí tối hát như khuờ; chuyện nào nó không bằng lòng, nó nói: “Ney her!” (không đâu!)

Lạc cũng nói Monica:

– Nó có tư cách lắm.

Vì ông ngoại chỉ nói được có tiếng Pháp và Việt ngữ, nên ba đứa nhỏ, nhứt là Phi và Ca, chạy ngang ông, ngó mà cười rồi chạy luôn.

Đào nói chuyện với Lạc bằng tiếng Pháp; Lạc nói được sáu thứ tiếng: Thụy Điển, NaU, Anh, Đức, Nga, Pháp.

Mỗi tháng, Lạc dịch những bài bằng chữ Nga được lãnh thêm năm trăm quan nữa. Đào nói với Lạc:

– Nếu Lạc không nói được tiếng Pháp, chắc là tôi không đến!

Ông Mai Thế Truyền – Quốc vụ khanh, có người con trai kết hôn cùng một thiếu nữ Thụy Điển. Trong cuộc hành trình sang Thụy Điển thăm gia đình con, ông nhờ con làm thông ngôn để trò chuyện với ông suôi.

* * *

Sớm mai hôm sau, 22-7, Ngọc lái xe

đi với mấy con đến hiệu buôn cách nhà vài cây số, mua nấm hộp, mì căn hộp, đậu tươi v. v... để nấu cơm chay cho thân phụ.

Chiều, cả gia đình viếng khu vực cũ của thành phố, gồm có nhà thờ, thư viện, thảo cầm viên với mấy ngôi nhà cũ.

Trong thánh đường, có ngôi mộ của vua Ericko XIV, chết điên, người ta nói rằng ngài bị mấy anh em thuốc chết.

Một chỉ dụ cấm dân chúng nhắc đến ngài!

Khí hậu mát mẻ, cổ thụ tàng cao, thánh đường được kiến thiết và khánh thành hồi thế kỷ thứ 13 (1271).

Gần đây, nằm im lìm một nhóm nhà nhỏ, cũ kỹ, Lạc bảo rằng nơi đó cư ngụ những nghệ sĩ nghèo, những nhà văn,

họa sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, sống nhờ trợ cấp của thành phố, họ có nhiệm vụ duy trì nghệ thuật nước nhà, bảo tồn cổ tích, đồn trong thánh đường ngày lễ v. v...

Cũng có một số người khác đến mượn mấy nhà đó ở dạng gần gũi những người nhỏ nhả.

Đứng trên cầu mà nhìn xuống rạch, nước chảy trong veo, hàng cây hai bên bờ soi hình dưới nước. Cảnh đẹp và thanh tịnh biết bao!

Vì là ngày thứ bảy, nên hôm ấy, thư viện không mở cửa, song mấy hôm sau, Đào với Lạc trở lại xem.

Thảo cầm viên nghèo quá, chỉ lơ thơ năm ba con chim, mấy con chồn, và bông hoa, nhứt là vạn thọ, bông rất to, và nhiều hoa khác.

Thật bông vạn thọ có thể nói là một loại bông quốc tế; thời tiết nào, dưới trời nào, bông ấy cũng nở được, tươi tốt luôn.

Ta tưởng rằng vạn thọ là một loại bông miền nhiệt đới, chẳng hạn như xứ Việt Nam ta, Dalat là miền cao nguyên, khí hậu mát lạnh, vạn thọ nhà, vạn thọ rừng đều tốt.

Đào qua Maroc, ở Casablanca, nơi nhà cháu là bác sĩ Năm, trước sân trồng mấy cây vạn thọ bông to, đẹp mắt.

Bây giờ ở Thụy Điển, nơi nhà thờ, xung quanh nhà Ngọc, vạn thọ mọc đầy. Sau này, xuống Bourgoin-jallieu, đất Pháp, Đào nhận thấy nhà nào cũng trồng hoa hồng và vạn thọ.

Hoan nghinh cây vạn thọ!

VIẾNG STOCKHOLM

Sáng chúa nhật, 23 tháng 7, tám giờ, điểm tâm xong, cả gia đình lên đường, viếng kinh đô Thụy Điển Stockholm, một thành phố đồ sộ bậc nhất nhì Âu châu với nhiều cổ tích.

Hôm ấy, đa số hiệu buôn đóng cửa nghỉ bán.

Lạc tìm chỗ đậu xe, rồi gia đình cùng đi bộ, trước viếng Hoàng cung là nơi ngự của đức vua Gustave VI Adolf, sanh năm 1882, đã 91 tuổi rồi, nối ngôi cha từ năm 1950, rất được lòng dân.⁴

Mùa hè, ngài nghỉ mát trong một tòa lâu đài riêng, còn thường thì ngài ở cánh trái hoàng cung với gia đình và mỗi tuần nhóm Nội các một lần.

⁴ Theo tin báo “Đại dân tộc”, loan báo ngày 21 9 73, vua Gustave VI Adolf vừa thăng hà, cháu nội ngài Carl Gustaf 27 tuổi, lên kế vị

Hoàng cung cũ bị cháy năm 1697 và tòa đền mới, kiến thiết theo hoành đồ của Tessin, mất sáu mươi năm mới hoàn thành.

Dài hai trăm thước, rộng một trăm, cao bốn mươi lăm thước, thật là một tòa lâu đài vĩ đại.

Du khách vô cửa nam, lên tầng thứ nhứt: đứng trên hiên lầu phía bắc mà trông xuống hồ Malar, mục kiến mấy chiếc thuyền nhỏ sắp đi Phần Lan (Finlande).

Một anh lính gác vác súng đi tới đi lui rồi đứng lại trong thế “nghiêm”, bắt súng lên chào, rồi đi nữa. Lạc nói rằng thuở anh ta làm quân dịch, anh có gác tại đây sáu tháng.

Nhiều du khách Âu Mỹ đến xem đền

vua, đi ngoài chợ không vào đền. Gia đình Lạc qua hướng tây rồi xuống đất.

Gần bên hoàng cung, nhiều tòa nhà cũ kỹ, kiểu xưa, hiện nay dùng làm hiệu buôn, cao vọi vọi, cách nhau bằng những con đường lát đá, rộng từ cỡ một chiếc ô-tô nhỏ vô lọt mà không chỗ trở đầu, cho đến một đường nhỏ hẹp chừng 1,20 thước, hẹp hơn mấy đường hẻm ở Chợ Lớn ta.

Được bắt chạy từ đầu đường hẻm tới mút đường hẻm lối năm mươi thước rồi chạy trở lại.

Đào mua mấy tấm ảnh làm kỷ niệm.

Lạc dắt gia đình xuống bến tàu xem mấy chiếc thuyền đồ sắp đi Phần Lan (Finlande) rồi lại bến xe đường hầm (métro), mua vé xuống ngồi. Xe rộng rãi,

bằng lót nệm, nhằm ngày chúa nhật ít ai đi; mỗi người trả hết 1, 25 quan một đoạn đường, ba đứa nhỏ miễn phí; đi hết khúc đường, sang qua chiếc xe khác, đi nữa khỏi phải trả tiền. Nhưng nếu ra khỏi cái khu vực đó mà trở lại đi nữa lại phải mua vé khác.

Trong một góc hầm, một ông già mù ngồi đàn phong cầm (accordéon) trông chờ hành khách động mỗi từ tâm.

Lạc nói rằng ông không có quyền xin “bố thí” công khai như vậy, nếu cảnh sát gặp thấy,ắt họ bắt ông.

Đúng ngộ, gia đình Lạc đến chỗ đậu lấy xe, tìm một nơi thanh vắng như Thảo cầm viên ở Sài Gòn, lên ngọn đồi nhỏ, lá rợp bóng yêm, ăn bánh mì bơ, pho mát, thịt jam-bông, uống la-ve, nước cam, soda.

Xong, nghỉ một chặp, tới 14 giờ viếng “Bảo tàng viện Bắc Âu và phong tục” (Musée Nordique, folklorique), bảo tồn những món đồ từ thượng cổ đến ngày nay.

BẢO TÀNG VIỆN BẮC ÂU

Một tòa nhà đồ sộ, cất trên đồi, bốn phía là thảm cỏ xanh.

Thoạt tiên vào trong Đào thấy pho tượng bằng gỗ của vua Gustave Vase, ngồi chễm chệ trên ngai, do nhà điêu khắc Carl Milles tạc.

Bảo tàng viện rộng mênh mông, gồm ba tầng, một tầng trệt, một tầng lầu và một tầng hầm. Nơi tầng trệt, bên trái, trưng bày một hiệp sĩ ngồi trên ngựa, mang giáp sắt, cầm cây thương.

Trong tủ kiếng, tạc hình con tuấn mã của vua Gustave II Adolphe (1594 1632) chết trong “Trận chiến Ba mươi năm” (Guerre de Trente Ans); lúc tử trận, ngài ngồi trên ngựa đó.

Một chiếc xe song mã chạm trổ tinh vi, kiến tạo do kiểu vẽ của J. Berain “Le vieux”. Chiếc xe này được dùng ở Thụy Điển lần thứ nhứt năm 1699. Sau khi sửa đổi, xe dùng, lúc tấn tôn vua Adolf Frédérik, năm 1751.

Một chiếc áo Ba Tư (Perse) bằng nhung, dệt bằng chỉ vàng dưới triều vương Abbas Le Grand (1586 1628). Chiếc áo vô giá này do ông Grand duc (Đại quận công) Nga Alexej Michailovitz hiến dâng cho nữ hoàng Kristina.

Tầng này còn chứa nhiều đồ vật quý giá khác không xiết.

Tầng thượng, Đào để ý những dụng cụ nấu bếp xưa, những thực phẩm, bánh Noel, v. v... toàn bằng gỗ, sơn màu...

Dựa vách, mấy con nai chà kéo chiếc xe chở người Lapons.

Trong tầng hầm trưng bày những đồ chài lưới, nhiều cái giống những thứ dùng ở Việt Nam ta, cái vợt, cái vỏ, cái trum, đăng, v. v... búa bằng đá, bằng đồng, bằng sắt.

– Cảnh câu cá trong giá băng.

– Cảnh cô dâu đội mào hoa, thanh niên, thiếu nữ, mặc lễ phục đứng quanh.

Đào mua mấy tấm ảnh: bảo tàng viện; tượng vua Gustave Vasa; chiếc ngọc lộ (xe vua); cảnh vườn Tòa Đô chánh; Chiếc áo Ba tư.

Nơi kinh đô Stockholm, những tòa nhà quan trọng đáng quan tâm là: Bảo tàng viện lịch sử; Bảo tàng viện Bắc Âu; Bảo tàng viện quân đội; Bảo tàng viện quốc gia; Hí viện ca kịch Hoàng gia; Hoàng cung; Tòa nhà quý phái Quốc hội; Ca vũ trường Hoàng gia; Thư viện Đô thành; Hoàng gia; Phòng hòa nhạc; Phòng thể thao; Pháp đình; Tòa Đô chánh, v. v...

Kinh thành dường như không chấm dứt, nó hợp hòa làm một với ngoại ô, như là cùng một gia đình.

Không có sự sai biệt rõ rệt giữa những tòa nhà đồ sộ với đa số thành phố lao động và trưởng giả nằm rải rác trong những lùm cây.

G. GIA HẠN CƯ TRÚ

Nghe Đào cho biết là mình chỉ ở với rể con có hai tuần thôi, Lạc kêu quá ít ngày, muốn cho Đào ở thêm chơi vài tuần nữa, đến cuối tháng tám sẽ qua Bourgoin-jallieu mà thăm gia đình Ba là con trai kế.

Vậy ngày thứ hai, 24 tháng 7 hồi tám giờ, Lạc điện thoại đến Ty Cảnh sát, trình bày việc xin gia hạn cho Đào ở lại Thụy Điển thêm vài tuần, tức là đến ngày 21-8 sẽ đi. Họ mời đến nói chuyện...

Lạc chở Đào đến Cảnh sát cuộc Vasteras lúc chín giờ, một bà đầm già tiếp, bà nói sơ qua rằng sự xin gia hạn có thể được; bà diễn mấy lời khai của Đào vào mẫu giấy in và bảo sẽ gửi lên Bộ ngoại giao ở Stockholm quyết định.

Bà vui vẻ, cười hoài, nói tiếng Pháp được chút ít, rằng Đào là người Việt Nam thứ nhứt đến xin gia hạn cư trú nơi Ty Cảnh sát của bà.

Bà nói mà cười rằng có lẽ khi Đào rời khỏi nơi đây (với thời gian xin gia hạn) mà giấy phép Bộ cho cũng chưa xuống tới.

Bà cấp cho Đào một cái biên nhận để ghim vào giấy thông hành.

Một phụ nữ khác trẻ tuổi hơn, mập mạp, trắng đỏ, ngồi đánh máy, ngó Lạc mà mỉm cười . . .

VASTERAS

Mấy hôm sau, gia đình Lạc cùng Đào viếng châu thành Vasteras, một thành

phố, bậc trung, cách nhà sáu ngàn thước và cách kinh đô lối 115 cây số.

Thành phố sạch sẽ, tân thời, mấy hiệu buôn bán thập vật rộng lớn, nhiều đồ, có chỗ đậu ô tô trên sân thượng hăng.

Do một con đường khu ốc, xe lên sân thượng rộng mênh mông, đứng trên đấy nhìn quanh thấy tất cả châu thành.

Năm sáu cái thang máy giúp khách xuống tầng nào tùy ý. Dạo chơi, mua hàng xong, do thang máy mà lên, đem hàng vào xe mình rồi cũng do con đàng khu ốc mà xuống, một chiều; đi ngang người đầu tiên, Lạc trao mấy quan.

Cửa hiệu buôn tự động, Đào bước đến trước cửa là hai cánh cửa mở rộng ra, như hai cánh tay dang đón, khách vào rồi, hai cánh khép lại.

Sau này, Đào cũng thấy cửa máy ấy ở thành phố lớn của Pháp, như Lion, Grenoble chẳng hạn...

Trước nhà Lạc là cái sân rộng, con đường nhỏ lát gạch dẫn tới hàng ba, bên hữu, một cái vườn nhỏ cỏ mọc xanh tươi, Ngọc trồng khoai tây, dâu tây (fraise) vài thứ hoa, vạn thọ, hường, v. v...; sau nhà là miếng đất trống, cũng một thảm cỏ xanh, mấy trẻ đi xe đạp, đá banh.

Vách bên trái, làm ranh giới cho nhà kế cận.

Khu nhà mới tạo ấy được ba bốn mươi cái, họ còn đang cất thêm, những con đường thẳng tắp chia xóm ra từng lô và đa số các đường ấy đã được tráng nhựa, chỉ mang vồn vện có một tên: “Lo-pargatan” có nghĩa là “con đường những người chạy bộ”, và nhà Lạc mang số 70.

Một chiều, Lạc mời Đào và bảo vợ con ăn mặc tử tế, rồi mượn một ông bạn láng giềng đến chụp chung cho gia đình vài tấm ảnh.

Kể đó, Đào, Lạc với Được viếng ngôi mộ Anundshogen ở Badelunda, cách nhà vài cây số.

Theo một thuyết thì đây là một ngôi mộ vua chúa, đắp từ thế kỷ thứ VII và quan trọng nhứt Thụy Điển. Những tảng đá sắp hình chiếc thuyền đặc biệt oai nghiêm, dài năm mươi thước, rộng hai mươi.

Những thuyết khác cho rằng năm mộ Anund có thể sánh với các ngôi mộ cổ Upsal, không cho ta biết quá khứ nó như thế nào. Không ai biết rõ Anund là ai và mấy nhà bác học còn đang nghiên cứu xem mấy hòn đá sắp theo hình chiếc

thuyền nơi đó đã có tự thuở nào.

Mỗi chiều, Đào cùng rẽ tản bộ trong mấy con đàng nhỏ trong khu xóm. Nhiều nhà đã hoàn tất như nhà Lạc, trồng bông, trồng rau quanh nhà, nhứt là bãi cỏ xanh tươi mát mắt.

Trước mỗi nhà gắn một cái thùng thơ một kiểu với nhau; mỗi ngày anh phát thơ đến trong chiếc xe hơi nhỏ, vào khoảng chín giờ, giờ nắp thùng bỏ thơ và báo vào.

Nhiều nhà khác đang xây cất, đất gạch ngổn ngang và nhân viên hãng ASEA dự trù đến đây cất cả trăm cái nữa, thành thử xóm nầy trong vài năm, sẽ biến thành một làng khang trang, trù phú, vì hiện lúc ấy, tháng 7, năm 1972, thành phố đang tạo một sân quần vợt và một sân túc cầu.

Năm 1973, sẽ cất một cái chợ và một thánh đường.

Tự trường 1972, vào tháng mười, trường tiểu học mới cất tại Vasteras sẽ bắt đầu khai giảng.

(Ngày 20-01-73, Đào ở Sài Gòn, được thơ Lạc cho hay rằng khu xóm đã đổi nhiều: trường học hoàn tất đã mở cửa, một hiệu buôn bắt đầu hoạt động, trong vài tháng sẽ có một nhà bưu điện và một thánh đường).

Nếu thêm được một bệnh viện và một hí viện nữa là hoàn toàn!

Đào với Lạc đi quanh quần trong làng từ 17 đến 18 giờ, gió thổi mát lạnh, phải mặc ngoài một cái áo mưa, dạo chơi thích thú về dùng bữa rất ngon.

Phía đông bắc nhà Lạc, một cái đồi

con nằm im lìm mát mẻ, mấy đứa trẻ chạy lên chạy xuống cút bắt trên đồi; Lạc tiếc rằng phải chi nhà anh được ở cạnh đồi ấy thì thích biết bao, đã tặng vẽ đẹp cái nhà lại có chỗ cho mấy đứa con chơi giỡn.

Trên đàng dốc, chiều nắng tốt, năm ba đứa trẻ cỡi xe đạp chạy rong, hoặc là đánh banh vợt trên sân, mặc dầu sân chưa hoàn thành.

Thấy Đào đội cái nón nỉ cũ (vì nó đã 14 tuổi đầu rồi) chiều thứ hai 31-7, vợ chồng Lạc đi với Đào đến một hiệu buôn lớn, vào một gian hàng bán nón.

Hiện nay, cái mốt nón là nón vành nhỏ, hạp cho thanh niên, mà Đào tuổi đã quá lục tuần, tối kỵ nón vành nhỏ, nên lựa nón cả chồng mà không cái nào vừa ý.

Sau cùng, bà bán hàng trình hai cái nón nỉ xám, một cái 44 quan, cái kia 69 quan. Cái trước nỉ hơi thô, Ngọc biểu Đào lấy cái ấy, Lạc cãi lại, bảo Ngọc trả tiền cái mắc hơn.

NGUỒN GỐC XỨ THỤY ĐIỂN

Sự hiện diện của Thụy Điển trên thế giới là nhờ nước, cây và sắt.

Thuở tạo thiên lập địa, một lớp giá băng dày một ngàn thước bao trùm khắp xứ. Lần lần, lớp ấy tan rã và mấy người dân đến ở trước nhứt là những người thợ săn và chài lưới.

Ba ngàn năm trước Chúa giáng sanh, những nông dân khởi sự trồng tủa. Một ngàn năm trăm năm sau, dân sự bắt đầu dùng đồ đồng.

Năm trăm năm trước kỷ nguyên

Gia-tô, họ chế tạo khí cụ bằng sắt.

Nhân dân cư ngụ quanh hồ Malar, gọi là người “Swear” hay “Suiones”, năm 98 trước Dương lịch, là những chiến sĩ đại tài, có những chiến thuyền cường thịnh, thường đến chinh phục những xứ ven biển đối diện với biển Baltique.

Những người ấy được gọi là “vikings”, vào khoảng giữa năm 800 và 1050, kiểm soát những liên lạc thương mại giữa miền Á Đông và Tây Âu.

Cũng trong thời kỳ ấy, các miền xứ Thụy Điển hiệp làm một nước, gọi là “Sverige” nghĩa là nước của người Sveal, “Svearnasrike”.

Trung cổ thời đại (1050–1520) Thiên Chúa giáo thâm nhập Thụy Điển do Thánh Anschaire truyền vào, lối thế kỷ thứ chín và đâm chồi mọc rễ nơi đây, sau

khi những cuộc chinh chiến của người Vikings chấm dứt.

Mấy bộ lạc xưa lần hồi có những triều đại trị nước và triều đại quan trọng nhất là những vua dòng Ynglingar xứ Upsal.

Năm 1060, dòng Upsal tiêu diệt.

Thế kỷ thứ XII, nhiều dòng quý tộc dân sự và tôn giáo được thành lập và tranh chấp cùng nhau, gây rối loạn trong xứ, chế độ quân chủ thời bấy giờ, do sự bầu cử mà có, không đủ quyền hành can ngăn họ được.

Năm 1397, do Hội hiệp Colmar, Thụy Điển gia nhập vào đại dân tộc Bắc Âu song vì quân chủ Đan Mạch khắc nghiệt nên dưới triều đại vua Christian II, nước Thụy Điển lại ly khai.

Phải chờ tới năm 1523, mới có một vị anh hùng đứng lên lãnh đạo cuộc kháng chiến. Vị ấy là Gustave Ericksson Vasa và lịch sử cầm quyền của ngài đẹp như là một chuyện truyền kỳ.

Một thanh niên “vốn dòng hào kiệt”, nhiều phen và trong nhiều nơi khác nhau trong xứ, hô hào dân chúng nổi lên chống lại ách đô hộ Đan Mạch.

Lần cuối cùng, tại Rattvik, gần Mora, tỉnh Dalécarlie, ngài kêu gọi thôn dân, song dân chúng không thích chinh chiến nữa. Họ để cho vị diễn giả hùng hồn ôm mộng tưởng của mình.

Một mỗi, cô độc, chán nản, ngài đi về hướng biên giới Na Uy. Một đêm, ngài đang đi, bỗng nghe những tiếng người đuổi theo.

Mấy người ấy là thôn dân ở Mora; đã nhiều hôm họ chống những cây trượt tuyết dài mà chạy theo ngài, chúng dân đã suy nghĩ, họ sẽ võ trang và cái xứ bị trị, đàn áp, mang thương tích mà người ta cống hiến cho ngài, Gustave Vasa sẽ biến đổi nó thành một trong các nước hùng cường Âu châu.

Hiện nay, mỗi năm, một cuộc đua trượt tuyết vĩ đại được tổ chức tại Thụy Điển và đóng vai trò cuộc đua xe đạp vòng quanh nước Pháp.

Thụy Điển là một nước sung sướng, biết phối hợp thể thao với một hành vi quân chủ trọng đại như thế.

Ngài Vasa đã hoàn tất công cuộc cứu quốc và bắt đầu kiến quốc; các vị vua sau tiếp tục công trình vĩ đại của Ngài.

Hiện nay, trong mấy thành phố lớn Thụy Điển, nên kể:

- Stockholm 1.300.000 dân
- Goteborg 650.000
- Malmo 450.000

Chánh thể nước này là chánh thể đại nghị, nguồn gốc Nghị viện có tên là “Riksdag” là những hội đồng xử kiện thời xưa và bầu cử nhà vua, thời kỳ người Vikings.

Căn bản chánh thể đại nghị là hệ thống những đảng chính trị. Đảng xã hội dân chủ cầm quyền từ năm 1932, trên thực tế không gián đoạn.

Thụy Điển sống dưới chế độ quân chủ lập hiến, và quyền hành nhà vua chỉ là tượng trưng thôi.

Nhưng vua Gustave VI Adolf hiện thời rất được lòng dân, ngài quan tâm đến công kỹ nghệ, người ta thấy ngài hỏi chuyện một nữ công nhân trong xưởng Volvo ráp xe hơi trong thành phố Goteborg.

Nhà vua chọn tiêu ngữ: “Le devoir avant tout” (nhiệm vụ trước hết) nồng nhiệt chăm lo các vấn đề văn hóa và đặc biệt môn khảo cổ.

Nhân ngày lễ sinh nhật năm ngài lên bảy mươi tuổi, rồi tám mươi, những cuộc lạc quyền công cộng được tổ chức, mang tên ngài, để bảo trợ những hoạt động văn hóa.

Nơi nhà ông Hjalmar Branting, sáng lập chủ nghĩa xã hội ở Thụy Điển, người ta còn thấy bức ảnh của cựu hoàng Gustave V với một lời thân tặng: “A mon

chen Branting, son dévoué Guslave”...

Tạm dịch: “Guslave chân thành tặng ông bạn Branting thân mến”. Và bức ảnh này treo kế ảnh Marx và Engels.

Nhà vua Thụy Điển đồng thời là vị chỉ huy tôn giáo, chỉ huy chánh trị, thể thao, vua lãnh huy chương, giản dị, vua thân dân, vua được dân yêu mến.

Vua Gustave VI Adolf thăng hà ngày 15 9 1973 thọ 91 tuổi. Cháu nội ngài là Karl XVI Gustaf, 27 tuổi, nối ngôi. Lễ tấn tôn cử hành ngày 19 tháng 9 năm 1973.

XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Kể từ năm 1918, song song với sự kỹ nghệ hóa trong nước, nhiều phong trào bình dân được thành công: “Tôn giáo

hồi sinh” (Réveil religieux); “Hội tiết độ” (Ligue de tempérance), “Đảng Lao động dân chủ xã hội”.

Cũng năm này, phổ thông đầu phiếu được ban hành, phụ nữ cũng được hưởng quyền này năm 1921.

Chế độ đại nghị được tổ chức vĩnh viễn vào năm 1920, Nội các xã hội dân chủ lần đầu tiên nắm chánh quyền. Và chánh đảng này cũng tái cầm quyền năm 1936 cho đến ngày nay.

Hành pháp và lập pháp lần hồi thực hành một số cải cách biến nước Thụy Điển thành một xứ chủ nghĩa xã hội.

Tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, không người nào bị ép buộc phải tòng một giáo hội nào, muốn thờ tôn giáo nào tùy ý. Đa số dân Thụy Điển theo đạo

Tin Lành và đạo này được dạy trong học đường.

Mấy cuốn sổ khai sanh, khai tử, hứa hôn, giá thú đều do các nhà thờ đảm trách.

Như vậy, mặc dầu ta tôn thờ đạo nào cũng vậy, về mấy trường hợp kể trên, đều phải nhờ đến mục sư.

Đời sống nơi đây cao hơn nhiều xứ khác và thợ thuyền hưởng lương bổng khá cao.

Đối lại, thuế lợi tức nặng và trong trường hợp người thợ thuế độc thân, thuế lên đến 45%.

Sau đây, Đào cống hiến độc giả một bảng đối chiếu năm 1968 về số huê lợi, số thuế phải đóng và số bách phân

Huê lợi hàng niên – Thuế lợi tức –
Bách phân – Thuế Bách phân

Người có vợ con
Độc thân

10.000 quan	1.159 quan	11.5%
2.403 quan	24%	
50.000	19.047	28.1%
22.557	45.1%	

Là một xứ bảo tồn phong tục cổ truyền, cá tính quốc gia, Thụy Điển hùng cường, sẵn sàng hiệp tác với các nước dân sự trung thành, tuân kỷ luật, Chánh phủ hạn chế dùng rượu, giúp đỡ bằng mọi cách các môn thể thao, nhứt là điền kinh.

Tham nhũng bị trừng trị nặng nề.
Mãi dâm bị cấm hẳn.

Mỗi khi các nước trên hoàn cầu cần đến. Thụy Điển mở rộng từ tâm, tổ chức những cuộc lạc quyên sâu rộng, và gửi đến bất cứ nơi nào những thực phẩm, y phục, tiền bạc, thuốc men ... để phụ giúp những nạn tai, bão lụt, động đất v. v...

Vì lý do e ngại dân mình thất nghiệp nên Chánh phủ thực hành, trong lãnh vực kinh tế, một chánh sách: “Thụy Điển của người Thụy Điển”.

Sự nhập cảnh của người ngoại quốc bị hạn chế đến mức tối đa.

Chánh phủ bảo đảm một mức sinh hoạt tối thiểu cho dân chúng, nhưng phụ cấp gia đình không cao bằng một vài xứ khác Âu châu.

Nhiều nhà chuyên môn trong nhiều ngành khác nhau thân ái lo lắng cho

số phận đồng bào mình và những phát minh tối tân nhất đều hướng về sự giúp đỡ nhà nghèo.

Tôn trọng nhân vị. Chánh phủ bãi bỏ án tử hình và phạm nhân thường được phân phối giam trong những ngục đường nhỏ. Trong vài nhà lao, phạm nhân được ở trong những phòng nhỏ đẹp có hoa, cửa treo màn và thỉnh thoảng họ được thân nhân đến viếng.

* * *

Thụy Điển dành ưu tiên trong ngân sách cho những kinh phí xã hội, hàng thứ nhì là giáo dục còn quốc phòng chiếm phần hạng ba.

Quân cụ, khí giới tối tân, song những sự đổi gác nơi Hoàng cung vẫn còn thi

hành với tất cả huy hoàng khi xưa.

Mỗi người dân được hưởng hoặc phân hưu bổng do ngân sách quốc gia đài thọ với một trợ cấp phụ do người chủ bắt buộc phải đóng góp vào, hoặc một trợ cấp văn niên. Người già từ 67 tuổi trở lên lãnh trợ cấp hàng tháng là 488 quan và cả hai ông bà 766 quan.

Họ lại được lãnh thêm phụ cấp cư trú và ở kinh thành Stockholm, một món phụ cấp của Đô thành.

Mỗi sản phụ, khi sinh nở lãnh một trợ cấp là 1.080 quan. Số trẻ con yếu vong hàng niên được sắp vào hạng thấp nhất hoàn cầu; từ sơ sanh đến hai tuổi, mức độ ấy là 13%o (mười ba phần ngàn).

Thụy Điển có 4.500 Y sĩ, tức là 6 y sĩ cho 10.000 dân, chỉ có 700 vị mở phòng

mạch, kỳ dư đều là công chức.

Mặc dầu thuế vụ cao, song nhờ vậy mà ngân sách được dồi dào, vả lại kinh tế phát triển mạnh mẽ, nên người dân được hưởng nhiều tiện lợi như sau:

- Trợ cấp khi đau yếu;
- Trợ cấp cho góa phụ, 600 quan mỗi năm.
- Phụ cấp về nhà ở.
- Phụ cấp cho người nội trợ.
- Phụ cấp cho người mù (700 quan mỗi năm cho người mù trước 60 tuổi).
- Trợ cấp quốc gia và trợ cấp tàn phế được đương nhiên thọ hưởng, chánh phủ không cần xét hỏi đến huê lợi và tài sản đương sự.

Sự biến đổi Thụy Điển từ một xứ nông nghiệp thành một xứ kỹ nghệ được thực hành không xáo trộn. Năm 1900, 90% người Thụy Điển cư ngụ chốn thôn quê rải rác những nhà nhỏ đỏ và trắng.

Thời bấy giờ, Thụy Điển chậm tiến về mặt kinh tế nên một triệu dân xuất ngoại sang Mỹ quốc.

Nhưng xứ lại giàu nguồn lợi thiên nhiên; khoáng sản, lâm sản và thủy năng; thêm vào đó, Thụy Điển hưởng cảnh thái bình từ năm 1815, trên thị trường quốc tế, nhiều khách hàng đòi hỏi nguyên liệu và sản phẩm Thụy Điển, lại không có những vấn đề xã hội nghiêm trọng, nên ta có thể nói người dân Thụy Điển sống một cách đầy đủ.

Chính phủ lo cho mỗi gia đình lao động có một gian nhà với tối thiểu một

phòng ngủ, một nhà bếp, phòng tắm và một phòng trước rộng. Hiện nay, mỗi nhà đều có hai phòng với nhà bếp và phòng tắm.

Lại có những nhà tiền chế bằng cây ván.

Chánh phủ cho mượn tiền, cấp vật liệu không hạn chế, và trong một thời gian không lâu, ngôi nhà hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của chủ nhân.

Mỗi khi xảy ra một tai nạn làm cho người lao công bất lực tạm thời hay dài hạn, họ được một phụ cấp hay trợ cấp tính rộng rãi.

Người lao động không mất thời giờ chờ đợi một phụ cấp họ đương nhiên được hưởng, hoặc bị nhân viên chánh phủ làm khó, hoặc bị những thủ tục

phiên phức v. v..., mỗi sự mỗi việc được điều hành đúng lúc, nghiêm chỉnh như một chiếc máy in hoàn hảo.

An ninh xã hội, một gian nhà có máy điều hòa không khí và mảnh bằng sơ học cho tất cả, thay vì giải quyết vấn đề, trái lại đặt vấn đề thêm phần nghiêm trọng.

Chữa trị lúc ốm đau, giáo dục các cấp, người già được săn sóc, v. v... tất cả theo nguyên tắc được miễn phí và mọi người được hưởng đồng đều.

KỸ NGHỆ HÓA

Hiện nay, thép, cây và giấy thành lập cơ sở một kỷ nguyên kỹ nghệ.

Ngoại thương càng ngày càng bành trướng, đem sự phồn thịnh cho nền kinh

tế Thụy Điển. Những cơ xưởng kỹ nghệ, khoáng sản và lâm sản phát triển song song với kỹ nghệ cơ khí hợp lý hóa rõ rệt hơn nhiều xứ khác.

Trong lãnh vực kỹ nghệ, vấn đề nghiên cứu chiếm phần quan trọng.

Hãng Asea Atm lập ở Ludvika một phòng thí nghiệm điện cao độ, nơi đó người ta nghiên cứu ngoại trừ những vấn đề khác, phương pháp đo quang điện tối tân.

Canh nông mất phần quan trọng, nông dân đổ xô về chốn thị thành.

Mặc dầu là chánh thể dân chủ xã hội, song sanh hoạt kinh tế không vì thế mà bị xã hội hóa.

Chánh phủ khai thác công ty hầm mỏ lớn nhứt và một xưởng đúc thép, là

sở hữu chủ những khu rừng mênh mông và một số cổ phần trong kỹ nghệ sâm lâm, và giữ độc quyền thuốc hút.

Chánh phủ cũng làm chủ một số cơ xưởng liên hệ đến viễn thông, đường hỏa xa quốc gia và quốc phòng, một ngân hàng kinh doanh và một quỹ Tiết kiệm quốc gia hóa.

Ngoại trừ mấy cơ sở kể trên, tất cả thương mại và kỹ nghệ thuộc về tư nhân hoặc hợp tác xã. Nhưng thể chế nào tốt đẹp cũng có mặt trái: cả mấy trăm ngàn người chưa có nhà ở.

Mấy trường đại học không đủ chỗ thu nhận sinh viên. Sinh hoạt càng ngày càng mắc mớ, mỗi năm lôi cuốn sự sụt giá tiền tệ.

Thụy Điển là một trong mấy xứ mắc

mở nhứt Âu Châu; mức sống và mãi lực cao hơn đa số mấy xứ khác châu Âu.

MUA VỎ RUỘT XE

Trong khi Đào còn ở Casa, một hôm nhận được thư của rể, giáo sư ở viện đại học Cần Thơ, xin mua giùm một cặp vỏ ruột cho chiếc xe Puch của Th. vỏ ruột cũ đã mòn lắm rồi, không còn dùng nữa được, mà kiếm khắp Sài Gòn mỗi mắt tìm không ra.

Đào mượn cháu là Năm tìm ở Casa có bán không, song Năm mãi bận việc nên ngày 21-7, Đào tạm giã từ Maroc...

Vậy nay ở Vasteras, Đào cậy Lạc hỏi giùm, Lạc hỏi giá cả xong là 112 quan Thụy Điển một cặp vỏ ruột.

Đào viết thư cho Ba, trưởng nam ở Bourgoin-jallieu bảo hỏi giá cả của một cặp như vậy, luôn tiện hỏi bao giờ Đào có thể đến thăm gia đình Ba đang.

Ba trả lời rằng một cặp vỏ xe Scooter giá 150 quan pháp và hãng có thể giảm cho Ba lỗi 20%, Đào muốn đến Ba ngày nào cũng được, trong tháng tám, vì hãng thuốc mà Ba đang giúp việc mỗi năm đóng cửa vào tháng này cho nhân viên nghỉ thường niên.

Rằng có vợ chồng người Pháp, bạn thân, cho Ba mượn một cái nhà ở làng Foucherolles, cách Ba Lê một trăm cây số khi nào Đào qua thì Ba sẽ đem Đào lên ở đó để ngắm Ba Lê.

Ngày nào Đào qua Lyon thì đánh điện cho Ba hay để Ba lên phi trường

Lyon Bron rước Đào. Vậy Đào mới xét hai giải pháp:

– Một là, dầu Ba mua được giảm 20%, thì giá cặp vỏ xe ở Bourgoin jallieu cũng còn là 120 quan mắc hơn mua ở Vasteras, 112 quan mà có luôn cặp ruột. Ba sơ ý không nói rõ trong thư rằng 150 quan cả vỏ lẫn ruột, sau này gặp Đào mới nói thì đã muộn rồi!

Cho nên Đào với Lạc đi mua một cặp vỏ ruột xe Scooter giá 112 quan, tức 26 mỹ kim. Còn việc gửi về, sau này sẽ tính.

– Điều thứ hai, Đào nghĩ, thay vì xuống phi trường Lyon Bron, rồi về Bourgoin-jallieu, kể lên Foucherolles, hoặc lên Ba Lê rồi về Foucherolles nghỉ, lại viếng Ba Lê, chót hết là về Bourgo-in-jallieu, lên xuống mấy phen như vậy, mệt nhọc lại hao xăng.

Phần Ngọc bảo Đào rằng tháng tám, Lạc sẽ bắt đầu làm việc lại mà tháng tám là tháng nghỉ của Ba, vậy

Đào có thể thu xếp mà qua Ba cho sớm đăng Ba hướng dẫn Đào đi viếng nước Pháp.

Thế là Đào gọi thơ và đánh điện cho Ba rõ rằng ngày 7 tháng 8, Đào sẽ đến Ba Lê hồi mười một giờ rưỡi, Ba lên đó đón cha.

Lạc gọi điện thoại cho Sở Điện tín, bảo đánh một cái điện tín cho Ba với bốn thảo như thế, như thế ..., cuối tháng, Lạc thanh toán phí tổn điện tín và điện thoại một lần.

Thật là tiện lợi, khỏi mang bản thảo đến Nha Bưu điện, chờ đợi mất công.

PHONG TỤC, TẬP QUÁN

Thụy Điển từ đầu năm đến cuối có nhiều cuộc lễ vui làm cho toàn dân sung sướng:

– Ngày 13 tháng giêng, ngày thứ 20 sau lễ Noel, người ta ném cây thông qua cửa sổ, trẻ con trá hình làm những kẻ lang thang, đi quanh nhà và hát;

– Ngày 25 tháng 3, lễ Báo tin (Annonciation) bánh kẹp người ta ăn ngày đó là lý do duy nhất của một kỷ niệm như thế trong nước Thụy Điển thờ đạo Tin lành.

– Ngày 30 tháng 4, ngày mùa đông chấm dứt, tất cả sinh viên đều đội nón trắng ở Lund lúc nửa đêm và ở Upsal hồi 15 giờ.

– Ngày 23 tháng 6, lễ Thánh Jean. Trên đồng cỏ xanh tươi khắp nơi người ta trồng cột và khiêu vũ quanh cây ấy. Đêm đó, không ai ngủ vì đêm không tối. Thôn dân nhảy múa và uống rượu khá nhiều.

– ngày 8 tháng 8, là ngày khởi đầu “tháng ăn tôm” (tên Thụy Điển là Krafkalas); dài hai bên bờ rạch, người ta treo đèn, câu tôm rồi ăn nhậu tại chỗ.

– Ngày 11 tháng 11, lễ kỷ niệm Martin Luther là người sáng lập Đạo Tin lành, người ta ăn thịt ngỗng no nê.

– Ngày 13 tháng 12, lễ nữ Thánh Lucie. Theo cổ truyền thì năm 1.200, nạn đói hoành hành trong xứ; một thiếu nữ người Ý, bị giết thác năm 300, xuất hiện trên hồ Vinar và bốn thân phát bánh mì cho những người đói khát.

Từ lúc đó, để kỷ niệm ngày Thánh nữ cứu dân, người ta mua hoa lá kết tràng hoa rồi cắm đèn cây trên đó.

– Lễ Chúa Giáng sanh. Sau cùng lễ Noel là lý do một tuần lễ ăn chơi sau một thời gian chuẩn bị.

Người phụ nữ Thụy Điển cảm thấy hèn kém nếu mười lăm hôm trước lễ, mình không chuẩn bị những jam-bông bánh trái, bít qui và kẹo.

Lễ Noel ở Thụy Điển huy hoàng, nồng nhiệt không kém Christmas ở Anh, thêm vào đó cái tánh hăng say của người bốn xứ.

Phải chuẩn bị cuộc lễ trước nhiều ngày nhưng có điều đặc biệt là không nên sẵn sàng ngày 23, song đêm chót phải là một đêm cực nhọc, rộn ràng, làm

không hờ tay, để rồi ngày 24 mới được tăng phần sung sướng.

Một câu chuyện tức cười, Đào xin cống hiến độc giả như sau:

Người Lapons nuôi nhiều nai chà, mỗi lần chiếc xe lửa miền bắc chạy qua, có khi con nai nhảy ra giữa đường rầy, anh cầm máy biết trước song anh không kịp hãm máy và con nai chết không kịp trở. Chánh phủ bồi thường cho chủ nhân con nai tử nạn.

Rồi người Lapons làm thế nào? Một số người tự ý ném con nai mình vào đầu xe lửa. Vì số tiền chẳng có là bao nên phải “hy sinh” nhiều con như vậy.

Và nhiều anh Lapons sống nhờ cái chết của bầy nai mình, Chánh phủ cũng biết thế, song Chánh phủ xã hội thương

mến loài vật, tôn trọng tập quán thôn quê.

Trong quyển “Merveilleux Voyage de Nils Holgersson” (cuộc hành trình ly kỳ của Nils Holgersson), tác giả, nữ văn hào Selma Lagerlof, thuật rằng:

“ ... Trong một hòn đảo nhỏ nằm nơi biên giới hồ Malar và biển Baltique, một anh ngư phủ trộm được tấm lột hải cẩu của một nữ thủy thần.

Không thể theo các bạn về biển khơi, tội nghiệp nữ thần đành phải ở cùng ngư phủ và kết duyên cùng chàng.

Buổi sáng ngày chính thức thành hôn, trong khi đôi nam nữ trên đường đi đến thánh đường, hôn phu bỗng có ý nghĩ kỳ lạ, là dắt dẫn nữ thần đến tiểu đảo, đưa nàng xem tấm da hải cẩu của nàng. Tức thì nữ thần chụp lấy, nhanh

như chớp, tròng vào mình rồi lặn xuống biển.

Anh ngư phủ phóng theo một ngọn lao trúng nhằm nàng. Giây phút, nước biển sôi động lên và đổi màu: mặt nước óng ánh, nhuộm màu hương và bạch chẳng khác màu sắc bên trong vỏ sò, vỏ hến.

Và bờ biển ấy, khi thủy triều đến vỗ bờ, trở thành đẹp đẽ.

Vì chưng máu huyết của một nữ thủy thần, tuyệt thế giai nhân, hòa lẫn cùng làn sóng biển, nên phong cảnh đẹp lạ lùng.

Từ đó, bờ biển kia hưởng phép nhiệm mầu là ban tình ái cho những ai đến đây thưởng ngoạn và khiến họ phải tưởng nhớ luôn mà trở lại ...

CHUYỆN THẦN NACKEN

Truyền kỳ thuật rằng đó là một thanh niên, nhiều nông dân bảo là một lão ông.

Thần chơi vĩ cầm, chơ đứng trong dòng nước, lưng dựa vào thác nước, giữa đám rừng già.

Ngày lễ Thánh Jean, bắt đầu những đêm trong sáng, anh đàn vĩ cầm trong thôn xã đến tìm thần xin chỉ dạy cho vài bản.

Thần chấp thuận, song đổi lại, thần đoạt mất linh hồn của anh.

Anh trở về làng, đàn như khùng như điên, tất cả thôn dân đều nhảy múa, dường như ngọn lửa hăng say của vị hung thần đã truyền vào tâm hồn, vào cơ thể họ.

Đôi khi những người tắm suối tắm sông bắt gặp ông giữa hai làn sóng, dưới hình thức một con thần mã. Và nếu một thiếu nữ bị thần bắt cóc đi, vị hôn phu của nàng, nếu muốn gặp lại người yêu, tất phải đồn dương cầm (harpe) nhiều ngày liên tiếp và đồn hằng say, mặt day ra cảnh ba đào...

VIẾNG CỔ TÍCH

Rảnh rang, ngày 27 tháng 7, Lạc hướng dẫn Đào viếng ba cổ tích cách nhà Lạc từ 25 đến 30 cây số.

Lâu đài Tido Slott xây cất từ năm 1625 đến 1641 do Axel Oxenstierna, Tế tướng vua Gustave Adolphe. Mặc dầu đã mấy trăm năm tuổi thọ, lâu đài vẫn giữ phong độ xưa, sạch sẽ, đồ sộ, trang nghiêm.

Lạc cho biết khi xưa ông Tể tướng thi hành chức vụ ở Stockholm và thỉnh thoảng về đây nghỉ mát. Viếng lâu đài này xong, Đào với Lạc đến tàn tích Thánh đường Lilla Ryttern, kiến thiết hồi thế kỷ thứ XII và Thánh đường Stora Kyttern, thế kỷ thứ XI. Năm 1915, cả hai được thay thế bằng một tân thánh đường và hai cổ tích nầy hiện nay chỉ là những hòn đá chồng chất lên nhau.

Trên một phiến đá dưới nhà thờ Stora, Lạc đọc được mấy hàng chữ như sau: “Gudlev dựng phiến đá nầy và gạch xéo tàn tích để tưởng niệm con là Slagvi, chết ở Gardarike (Nga)”.

VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

Đề cập đến vấn đề giáo dục, Lạc cho Đào biết ba đứa con anh ta:

- Anders (Được) 11 tuổi, học lớp 5.
- Sofi (Phi) 8 tuổi, lớp 2.
- và Monica (Ca) mới lên 5 tuổi, chưa đi học. Khi Ca lên 6 tuổi, Ngọc sẽ cho vào lớp mẫu giáo.

Được với Phi bắt đầu học Anh văn chút đỉnh. Lạc sơ tả nền giáo dục ở Thụy Điển như sau:

Giáo dục cưỡng bách khởi sự hồi năm 7 tuổi. Học vấn căn bản gồm ba cấp, mỗi cấp là ba năm: Sơ đẳng, trung và cao đẳng.

Hai cấp đầu tương đương với các lớp Sơ học nước khác và học sinh được

những giáo viên dạy dỗ.

Cấp cao đẳng gồm năm thứ 7, 8 và 9. Trong cấp này, học sinh được quyền chọn lựa môn học:

năm thứ 7: thủ công hoặc đánh máy chữ

năm thứ 8: chín ban, chọn ban nào tùy ý

năm thứ 9: học sinh cũng được phân phối làm 9 ban: 5 lý thuyết, 4 thực hành.

Phụ huynh và học sinh chọn con đường thích ứng với khả năng con em, học đường chỉ đóng vai trò cố vấn.

Sự hướng nghiệp chiếm một phần quan trọng trong cấp cao đẳng. Cấp này do những giáo sư có văn bằng đại học đảm nhiệm.

Ban Trung học được dạy trong những trường trung học, gọi là “gymnasium”. 5 ban: Cổ điển

: Xã hội chánh trị

: Thương mại

: Khoa học

mỗi ban trong 4 ban này, học trong 3 năm, ban thứ 5 là Kỹ thuật, học 4 năm.

Để được vào Trung học, học sinh phải có theo học một trong các ban lý thuyết lớp cao đẳng, nền học vấn cưỡng bách căn bản.

Trong trường Trung học, giáo sư cho điểm từ 1 đến 5 và không có kỳ thi nào hết. Ngoại trừ những ban Trung học, lại còn có những chuyên môn như sau:

Trường chuyên khoa (école Spécial-

isée) gọi là “facks Kola”, lập trong các thị trấn có trường trung học.

Ba ban học: xã hội

thương mại và kỹ thuật.

Mỗi ban học hai năm.

Trường thực nghiệm (éc.professionnelle), hay “yrkess kola”.

Trong những trường tiểu học ở các xã thôn, học sinh học ban ngày và buổi tối nữa.

Các trường thực nghiệm đặc biệt được Hội đồng tỉnh quản trị và điều hành dưới thể thức nội trú. Nhiều xí nghiệp kỹ nghệ có những trường thực nghiệm riêng mình để huấn luyện nhân viên.

* * *

Về phần ngoại ngữ, Anh văn được bắt buộc phải học từ lớp 4 đến lớp 7.

Từ lớp 7, học sinh học thêm một ngoại ngữ thứ hai: Pháp ngữ hay Đức ngữ.

Mấy ngoại ngữ này được tiếp tục học nơi trường Trung học và học sinh có thể chọn học thêm, tiếng Nga, Tây ban nha hay tiếng Ý.

Chánh phủ cũng quan tâm đến học vấn của tráng niên. Trong nhiều thành phố, có những “lớp trung học buổi tối và miễn phí”.

Hai trường Trung học của Chánh phủ tổ chức những lớp hàm thụ.

Bình dân đại học

Hiện nay, Thụy Điển có 110 trường đại học bình dân, cho sinh viên quá 18 tuổi, thời gian học là 2 hay 3 năm. Môn học liên quan đến xã hội, văn hóa và mỹ thuật.

Đại học nầy do những phong trào bình dân, hoặc Hội đồng tỉnh quản trị.

Bình dân giáo dục

Có những hiệp hội ban học vấn bổ túc cho tráng niên đảm nhiệm do 13 tổ chức giáo dục bình dân được Chánh phủ thừa nhận, chi phí do những phong trào bình dân đài thọ.

Học sinh học buổi tối, trong sáu tuần lễ, nghe giảng những đề tài xã hội, chánh

trị và mỹ thuật. Những bài giảng được truyền thanh hoặc truyền hình.

Đại học và các trường lớn

Năm trường đại học:

Ở Uppsala, lập năm 1477

Umea (năm 1965)

Trường Uppsala dạy khoa thần học, luật khoa, y khoa, văn khoa, chính trị học, kinh tế học và khoa học.

Đại học Lund: thần học, luật khoa, y khoa, văn khoa, chánh trị học và kinh tế học, khoa học, nha khoa.

Đại học Goteborg: Y khoa, văn khoa, khoa học, chánh trị học và kinh tế học.

Đại học Stockholm: luật khoa, văn

khoa, khoa học, chánh trị học và kinh tế học.

Đại học Umea: văn khoa, y khoa, nha khoa.

Thêm vào đó, đại học Karolinska ở Stockholm dạy y khoa và nha khoa.

Kể về trường lớn thì có:

Ở Stockholm, trường cao đẳng bách khoa, phát bằng kỹ sư công tác thường (génie civile).

Göteborg, trường Cao đẳng bách khoa Chalmers,

Lund, trường Cao đẳng bách khoa Lund

Ở Uppsala, trường Đại học vật lý thực hành.

Trường Cao đẳng Thương mại, ở Goteborg và Stockholm.

Trường Thú y, Stockholm

Trường Thủy lâm, Stockholm

Trường Canh nông, Uppsala

Trường Mỹ thuật và Cao đẳng âm nhạc, Stockholm.

Lại có những Cao đẳng Học viện và Xã hội học ở Stockholm, Goteborg, Lund, Umea và Orebro.

Cao đẳng Học viện dạy nghề làm báo ở Stockholm và Goteborg.

* * *

Trong các trường Sơ cấp và trung học, chẳng những học sinh được miễn

phí về sách vở và dụng cụ học đường lại còn được một bữa ăn trưa, và chữa rằng không tốn tiền nơi trường học nữa.

HÁI TRÁI FRAMBOISE (phúc bồn tử?)

Chiều thứ sáu, 28-7 Đào với vợ chồng Lạc và mấy cháu vào rừng hái trái phúc bồn tử (framboise) cách nhà vài mươi cây số.

Gần đường, mấy hòn đá cao thấp lô nhô, cây framboise cao cỡ đầu người lớn, trái dính chùm đỏ cây, ăn chua chua ngọt ngọt.

Ngọc phát cho mỗi trẻ một cái lon rồi ba đứa Được, Phi và Ca leo lên gộp đá, càn bụi mà hái trái. Khi nào chiếc lon đầy thì đổ vào cái túi to.

Hai vợ chồng và ba con ra công tìm hái, Ngọc bảo có khi hái trên mười ký. Đào không quen càn rừng lứt bụi nên ngồi trên gộp đá trông mây hoặc đi bách bộ ven rừng.

Một hồi buồn ý, Đào mượn Lạc đưa về nhà tắm rửa, Ngọc bảo Lạc pha nước ấm cho Đào, chờ ông tắm rồi sẽ trở lại rừng vì ngại Đào già yếu, trượt té trong nhà tắm.

Cuộc hái framboise hoàn tất, Ngọc lật rửa, bỏ vào đĩa, chế sữa tươi vào, ăn cũng khá ngon.

GUSTAVE VASA MÔNG TRẦN

Đêm đến, cơm nước xong, cả nhà quây quần trên bộ salon nghe nhạc, thưởng thức những phim thể thao, và Đào lấy làm thích mà xem chiếu phim đoạn vị anh hùng dân tộc Gustave Vasa hiệu triệu đồng bào nổi lên chống ách đô hộ của người Đan Mạch.

Ngài chạy trốn một bọn kỵ sĩ Đan Mạch đuổi bắt, ngài vào nhà một nông dân, người nhà đang đập lúa, ngài cũng lấy cây đập lúa như họ; kỵ sĩ vào nhà tìm không gặp, lại ra; ngài liếp tục đào tẩu, vào một nhà xay bột, làm bánh, trốn trong chiếc thùng, kể đến thánh đường, nhờ mục sư là bạn thân ngài giúp đỡ.

Thật là hấp dẫn, thật là hồi hộp!

Một nông dân chở rơm, trên chiếc xe trượt tuyết, ngài nằm ẩn dưới đồng rơm. Kỵ sĩ dùng giáo đâm vào rơm, trúng bắp vế ngài, máu rơi xuống tuyết. Bác nông dân liền dùng dao chém vào chơn con ngựa cho bọn người đuổi bắt lầm tưởng đó là máu ngựa trên mặt tuyết.

Truyện vua Gustave Vasa gian nan nguy hiểm tương tự truyện Bình Định vương Lê Lợi khởi nghĩa năm 1418, chống quân Minh giành độc lập cho nước Việt Nam...

Giữa tiết đông thiên, ngài lội trong tuyết, đói quá, ngài đốt lửa nướng cá ăn; chợt thấy xa xa bọn kỵ sĩ Đan Mạch phi ngựa đến, tức thì ngài tắt lửa, cào tuyết làm một lỗ nằm xuống trốn.

Bọn họ bàn tán cùng nhau đình chỉ cuộc săn người, vì trong cảnh đông

hoang vắng, lạnh lẽo, Gustave Vasa ắt sẽ chết đói và chết lạnh.

Trên bước bôn đào, ngài dùng chân nơi làng nầy xóm nọ kêu gọi lòng ái quốc chúng dân, song nông dân phản đối rằng họ đã chán chiến tranh lắm rồi, họ muốn sống yên ổn làm ăn thôi.

Bây giờ đây, họ hồi tâm, bàn luận cùng nhau và trong lúc ngài chán nản mệt nhọc đi về hướng biên giới Na Uy (Norvège), họ phái hai người chống cây trượt tuyết chạy tìm ngài, kêu tên ngài vang dội trên cánh đồng bao la phủ đầy những tuyết.

Ngài lắm tưởng quân thù lại tìm bắt ngài, ngài càng chạy.

Nhưng rồi hai người ấy cũng theo kịp ngài và mời ngài trở lại. Dân chúng

hoan hô ngài nhiệt liệt và nông dân miền Dalécarlie đồng tâm ủng hộ ngài.

Sau mấy năm chiến đấu gay go (1520–1523), người Thụy Điển dưới sự lãnh đạo của Gustave Vasa thành công đánh đuổi người Đan Mạch.

Hiện nay, dân Dalécarlie hãnh diện mà tưởng niệm đến những kỳ công tổ tiên mình, thế kỷ thứ XVI, đã tận tâm hiệp lực cùng Gustave Vasa chiến đấu giành độc lập và hàng năm, ngày chúa nhật thứ nhứt trong tháng 6, chúng dân tổ chức một cuộc tranh vô địch trượt tuyết vĩ đại, gọi là “Vasa loppet”, lớn nhứt Thụy Điển, lộ trình dài 85 cây số ngàn, là con đường mà cách đây bốn thế kỷ, mấy người trượt tuyết ở Mora chạy đi tìm Gustave Vasa rước ngài về.

THỤY ĐIỂN DANH NHÂN

Đến Thụy Điển mà không tìm biết để thuật lại cho độc giả lãm tường tiểu sử hai danh nhân Carl von Linné và Alfred Nobel là một điều thiếu sót.

Carl von Linné (1707–1778) là một nhà vạn vật học, sanh ở Raashult, nổi danh nhờ công trình về thực vật học.

Năm 24 tuổi, người nghĩ cách phân loại thảo mộc, căn cứ vào đặc tính của nhị đực (étamine) và nhị cái (pistil). Công trình ấy làm người nổi danh khắp Âu châu, người cư trú một thời gian ở Ba Lê và kết bạn với Jussieu cũng một nhà vạn vật học.

Một con đường ở Ba Lê gần vườn Thảo mộc (Jardin des plantes) được mang tên người.

Buổi văn niên, người về cư ngụ một cái nhà đồng gần Upsal, tại Linnés Hammarby.

Nơi đó, sống như một tu sĩ xa lánh việc đời, ngoại trừ những cuộc hành trình và mấy buổi giảng ở Đại học, người dưỡng tánh tu tâm và bạn cùng thảo mộc.

Không đa ngôn, cũng không làm việc quá sức, phu nhơn và ái nữ người sống bên cạnh chồng và cha, chơi đàn, chuyện văn, âu yếm...

* * *

Alfred Nobel (1833–1896) nổi danh nhờ phát minh chất nổ (cốt mìn) và lập giải thưởng mà khắp hoàn cầu đều biết: giải thưởng vật lý, hóa học, sinh lý học

hay y khoa, văn chương và giải thưởng hòa bình.

Khi ông lập chúc thư tại Ba Lê năm 1896, mục đích ông là tưởng thưởng những nhân vật trong mấy địa hạt đó, phụng sự nhân loại một cách hữu hiệu hơn hết, bằng cách ban những giải thưởng trích ra trong số vốn để lại lúc ông mất phần năm 1896 và giao việc quản trị cho quỹ Nobel thành lập năm 1900 vì mục đích ấy. Số vốn sơ khởi là 21 triệu quan Thụy Điển.

Lúc bấy giờ Thụy Điển và Na Uy hiệp làm một nên Alfred Nobel giao sự tặng giải cho ba viện Thụy Điển và một viện Na uy kể ra như sau:

Hàn lâm viện khoa học về vật lý và hóa học.

– Viện « Karolinska Institutet » cho sinh lý học hay y khoa.

– Hàn lâm viện Thụy Điển về văn chương.

– và ủy ban Nobel của Nghị viện Na Uy – tức Storting cho phần thưởng hòa bình (ủy ban này có năm hội viên được bầu cử).

Giải thưởng Nobel tặng năm 1901, lên đến 150.000 quan Thụy Điển mỗi giải. Hiện thời, giải ấy là 400.000 quan Thụy Điển (?)

Những sự ứng cử, ở bất cứ nơi nào trên thế giới, được đề nghị do những nhân vật quy chế ban cho tư cách ấy, phải gửi đến trước ngày 1 tháng 2, mới có thể được cứu xét.

Tên những ứng viên được trúng giải thường được công bố trong tháng 10 hay đầu tháng 11, do sự quyết định của mấy ủy ban Nobel và ở Na Uy thì mấy viên tham nghị được đặc biệt chỉ định về việc ấy. Những cuộc bàn cãi và bỏ thăm đều mật.

Chính Alfred Nobel có định rằng mỗi giải thưởng được tặng cho những ứng viên xứng đáng hơn hết, bất chấp họ thuộc quốc tịch nào. Quyết định của mấy ủy ban Nobel không ai được khiếu nại.

Những cơ quan tặng giải hoàn toàn độc lập. Mấy giải ở Stockholm chỉ có thể trao cho những thể nhân còn giải hòa bình khả dĩ tặng cho pháp nhân.

Sự ứng cử của những người quá cố không thể cứu xét, song từ khi ứng cử

cho đến ngày trao giải mà ứng viên được giải từ trần thì thân nhân được lãnh.

Mỗi giải có thể chia cho hai ứng viên đã thực hành những công tác giá trị ngang nhau, trường hợp này cũng áp dụng cho một nhóm người có những công trình xứng đáng.

Giải thưởng Nobel bằng chi phiếu, huy chương vàng và bằng tưởng lệ, được trao cho người trúng giải ở Stockholm và ở Oslo ngày kỷ niệm từ trần của Alfred Nobel, ngày 10 tháng 12.

Từ đây, có tục lệ là nhà vua Thụy Điển trao những giải thưởng tặng ở Stockholm và nhà vua Na uy hiện diện trong buổi lễ trao giải hòa bình ở Oslo.

(Lược thuật theo “Connaissance de la Suède Forum Institut Suédois”).

LẠC VỚI PHẬT GIÁO

Sớm mai 29 7, Đào dạo trong cù lao Bjornon, công viên cùng một tên, cách nhà độ 15 cây số; thành phố dọn những tiểu lộ cho công chúng đến dạo chơi chạy bộ. Đi một vòng xuống tới mé hồ Malar, đến miếng đất trống nhiều người cắm trại rồi trở về làng khác.

Đi và về độ 4 cây số.

Dọc đường, Đào nói cho Lạc nghe về đạo Phật và đạo Cao đài. Có lần, hương linh Victor Hugo nhập cơ bút, đồng tử là một đứa trẻ lên 10, “viết” một bài thi bằng Pháp văn, câu thi mười hai vế, bình lên, khán thính giả lạnh mình!

Đào giải thích sơ lược rằng Đạo Phật là đạo cứu khổ, vì Phật Thích ca nhận

thấy trên thế gian này, chúng sanh (tất cả những loài vật có sự sống, không kể thảo mộc) đều thọ khổ, khổ về vật chất lẫn tinh thần.

Đạo Phật rộng lớn, có nhiều pháp môn, Phật tùy căn cơ chúng sanh, thấp kém hay thông minh, mà thuyết pháp dạy đạo.

Đạo Phật bao la như thế, mà tóm tắt có bốn câu:

Chư ác mạc tác: Các điều dữ không làm.

Chúng thiện phụng hành: Làm tất cả điều lành.

Tự tịnh kỳ ý: Tịnh cái tâm mình.

Thị chư Phật giáo: Đó là giáo lý các vị Phật.

Vì Lạc hiểu Pháp ngữ, nên Đào đọc bài kệ bằng Pháp văn như sau:

S'abstenir de tout mal,

Pratiquer tout le bien,

Purifier son cœur,

Tel est l'enseignement des Bouddhas.

Đào nói đại khái về “ngũ giới cấm, thập thiện đạo” v. v... Lạc chăm chú nghe, xin Đào, sau khi về Việt Nam, gửi cho Lạc một cuốn sách bằng Pháp văn về giáo lý nhà Phật.

BẢO TÀNG VIỆN TỈNH

Đào tiếc vì chưa được viếng bảo tàng viện Julita tỉnh Sodermanland nên chiều ngày 29 ấy, hồi 14 giờ, Đào với Lạc đến đó.

Một tòa lầu có ba tầng:

Tầng trệt trưng bày những:

- Tòa lầu đài thế kỷ thứ XVII;
- Bình và đĩa xưa trên 100 năm;
- Đồ cổ tìm được trong mấy ngôi mộ cách đây vài ngàn năm.
- Khí giới thời đại thạch khí. Dao bằng đá.
- Đồ vật bằng đồng. Trên một phiến đồng to, người ta chạm một mặt trái núi để bảo tồn hình ảnh.
- Một chiếc ghe lường bằng gỗ tìm được gần ngôi mộ Anundshog, trong chiếc thuyền nầy, có một cái bình đã vỡ.
- Một bình rửa mặt trên một ngàn năm;

– Một xâu chuỗi bằng đá;

– Mấy cây lao, gươm, lưỡi giáo, một cây kiếm gãy làm nhiều khúc. Những mảnh đá tìm được gần mộ Anundshog.

...

Trên tầng nhứt, du khách thấy:

– Đồng tiền người Vikings chiến thắng đem về, những tiền nước Anh, Hung gia lợi và Đức quốc. Có một đồng tiền lớn phi thường, mỗi phía dài 30 phân, cân nặng 19,700 kí.

– Một cái địa bàn năm 1726;

– Một cái cân, một bình rửa mặt, một cây thước chia làm những tắc dài 0,025 thước tây.

– Tấm lịch in năm 1885,

– Những tấm giấy bạc của thành phố Vasteras, năm 1894, 1875, và 1847.

– Những đồng tiền, đồng bạc, tìm thấy ở Vasteras từ năm 1275 đến 1641.

– Những tờ giấy bạc hiện thời.

– Những đồng bạc từ 1950 đến 1972.

– Những cây quạt thế kỷ XIX.

– Áo dài phụ nữ thế kỷ XVIII. Tấm thảm 1771.

...

Tặng nhì trưng bày:

– Bức họa tỉnh Westmanland, do họa sĩ Erick Dahberg (1625 1703) vẽ ra. Nhờ vậy mà người ta được biết những thành phố, lâu đài của Westmanland và tất cả Thụy Điển.

– Rương xưa bằng gỗ, chiếc thùng bằng đồng.

– Cây súng thô sơ năm 1740;

– Những dụng cụ chài lưới, nhiều thứ giống hết những đồ dùng ở Việt Nam!

– Quặng sắt được khởi sự nấu trong lò.

– Một chiếc thuyền trên hồ Malar (1750);

– Chiếc cân khổng lồ để cân sắt.

– Cây gươm mẻ năm 1520.

– Chiếc rương của nghiệp đoàn Kỹ nghệ ngày nay.

...

Trên tầng lầu này, có phòng hòa nhạc

và hội họp. Nơi trần nhà, treo những chiếc đèn to và dựa vách những pho tượng võ sĩ cầm kích.

TÌM HƯỚNG (ORIENTERING)

Chúa nhật 30-7, dạo công viên Bock-lunda.

Thành phố cũng dọn những đường nhỏ cho người chạy bộ, đường rải những cát, hoặc mặt cửa, lên đồi, xuống dốc, dài bảy hay mười cây số, mỗi khoảng 500 thước, dựng một tấm bảng chỉ đoạn đường đã chạy qua: 500 – 1000 – 1500 thước v. v...

Đào gặp nhiều ông già, đàn bà, trẻ con đến chạy.

Lạc nói ngày thường anh ta chạy mười cây số trong mấy công viên.

Nhân những cuộc đi dạo trong rừng, Lạc tỏ bày cho Đào biết một lối thể thao đang thịnh hành trong xứ, ấy là cuộc chơi “tìm hướng” (Orienteering) người bản xứ và người Na Uy rất thích chơi.

Vào những tháng 4 sắp đến tháng 8 tháng 9, mỗi khi có cuộc chơi này, ban tổ chức đăng trong báo một cái tin rằng ngày đó tháng đó, những ai muốn dự phải đến một điểm giữa làng A với làng B, trình diện cùng ban tổ chức.

Nam, phụ, lão, ấu đều có thể dự.

Phải đem theo một cái địa bàn để mà gióng hướng, theo tấm địa đồ mình, không có thì không làm sao dự được. Đến vị trí của ban tổ chức, thí sinh phải mua một tấm địa đồ, trong đó có chấm

những điểm, thường từ 5 tới 10 trong một khu rừng rộng tám cây số vuông, bên bờ suối trên một hòn đá, một nhánh cây, có treo một lá cờ và một dấu hiệu (poinçon).

Lá cờ màu đỏ, mỗi cạnh chừng ba bốn tấc, vẽ một đường chéo trắng.

Mình phải tìm mấy cái điểm có treo cờ cho mau lệ, lấy dấu hiệu bấm trong địa đồ mình rồi dò địa bàn chạy đi tìm cái điểm khác.

Hồi khởi hành, ban tổ chức ghi giờ mình đi, các thí sinh không cần đi một lượt, và khi đã tìm xong mấy điểm rồi thì ban tổ chức sẽ ghi giờ mình đến trình tẩm địa đồ đã được bấm đủ mấy điểm trong đấy. Xong cuộc chơi thì sắp hạng theo thời gian, bắt đầu từ người dùng thời gian ngắn nhất.

Khi nào mình bỏ cuộc cũng cho ban tổ chức hay, kéo họ sợ mình đi lạc trong rừng hoặc bị tai nạn thì họ lại đi tìm, đôi khi tai nạn cũng xảy ra. Cách đây vài năm, có một sợi dây điện cao độ đứt rớt nhằm anh nọ, mấy thí sinh kia áp đến giúp đỡ anh, chở anh đến bệnh viện cứu cấp.

Cuộc tranh tài này, ban tổ chức vài ba ngày sau mới công bố kết quả lên mặt báo mà không có phần thưởng, chỉ trừ khi tranh vô địch toàn quốc mà thôi.

Cuối tháng 7, năm 1972, có cuộc thi tài ấy ở Vasteras, của con Lạc dự, tìm được 2/3 điểm trời mưa nên bỏ cuộc.

Djakneberget (hòn núi của anh Djakna, một sinh viên thế kỷ thứ XVI) cách thành phố ba cây số ngàn.

Chiều thứ hai 31-7, Đào đi chơi trong công viên này, cũng có tên là “công viên của anh sinh viên” (Parc de l'étudiant) có lẽ do lời đề nghị của anh Djakna mà thành phố kiến tạo cái công viên này chẳng, Lạc cũng không rõ lắm.

Công viên nằm trên đồi cao năm mươi thước, trèo ba cấp nấc thang đến đỉnh đồi, một khoảnh đất trống có lan can, có băng gỗ để khách ngồi chơi.

Nơi đây, thấy được một phần thành phố, như Tòa hành chánh.

Đào chúng kiến một “lối chơi gôn nhỏ” (minigolf) vui mắt. Khách xuất ra một quan “mua” 10 trái banh đen bằng gỗ nặng, do con đàn dặc lên thả vào lỗ, banh chun qua bên kia lại do một cái máng mà lăn xuống.

Khó là con đàn đốc xa, cái lỗ nhỏ vừa sít cho trái banh lăn qua, nếu không khéo tay thì banh không vô lỗ, lại lăn trở xuống.

Xuống đôi, Đào với Lạc gặp một cái bầu bông súng, rộng vài mẫu tây, hình không đều, một lưới sắt bao quanh.

Trên bầu, một đàn chim lội, ngông, le le, nhiều chim khác đi chậm chậm, rút rĩa tìm mồi trong đám cỏ. Nước trong veo, gió thổi lạnh lạnh. Thành phố đổ cá cho chim ăn vì dưới bầu không có cá.

Mùa đông, nước bầu đặc thành giá, dày từ vài tấc đến một thước, nhân viên phụ trách đem chim vào một nơi ấm áp mà nuôi, qua xuân mát mẻ, giá tan mời thả chúng xuống bầu.

Vua Gustve ký tên trên một hòn đá

xanh, tức thì người ta đọc chữ ký của ngài rồi lấy nước sơn sơn vào.

BẢO TÀNG VIỆN LỘ THIÊN

Đào viếng bảo tàng viện này ngày 2 tháng tám.

Trên chiếc cổng chánh, Đào thấy đề tên bảo tàng viện:

“Folketspark” (bình dân công viên).

Qua cổng, vào trong, bên tả là một cái sân khấu, bên hữu, cái nhà của thợ rèn, cất năm 1700. Lại thấy một cột trụ chỉ cây số của Vua Gustave III.

Nơi đây cũng có một phòng điện thoại đã xưa song máy điện thoại còn dùng được.

Đào vô một ngôi nhà toàn bằng gỗ, ngoài cửa mang tấm bảng “Silversmide”, bên trong trưng bày những đồ thủ công bằng bạc, những áo phụ nữ tân thời.

BÌNH ĐẲNG TRƯỚC TỬ THẦN

Viếng nơi này xong, Đào với Lạc đến viếng nghĩa địa Vasteras...

... Hồi tưởng, vào năm 1920-21, nơi trường Trung học Mỹ Tho, ông giáo sư Pháp văn cho Đào cùng chúng bạn học thuộc lòng bài thi “La mort d’une jeune fille” (Một thiếu nữ tử trần) của thi sĩ Jean Brizeux, Đào còn nhớ mấy câu như vậy:

Lorsque Louise mourut, à la quinzième année,

Fleur des bois par la pluie et le vent moissonnée,

Un cortège nombreux ne suivit pas son deuil.

Un seul prêtre, en priant, conduisit le cercueil;

Puis venait, un enfant qui, d'espace en espace,

Aux saintes oraisons répondait à voix basse.

Car Louise était pauvre. Et jusqu'en son trépas,

Le riche a des honneurs que le pauvre n'a pas!

...

Đào xin tạm dịch:

Tuổi tròn trăng tách mình âm cảnh,
Hoa rừng, vì, bất hạnh, giông mưa.
Đông người, chẳng thấy ai đưa.
Nguyện cầu, một Cố, chỉ vừa đấy thôi;
Rồi một trẻ theo sau, từng lúc,
Chấm câu kinh bằng chút thì thầm,
Liên nghèo, đến buổi từ trần,
Giàu sang còn được hưởng phần vinh
quang!
...

Hỡi ôi, cho đến giờ phút cuối cùng,
những người phú quý còn giành những
vinh quang về phần mình nữa sao?

Vậy đâu là công bình? Đâu là bình
đẳng?

Thế là câu châm ngôn Pháp: “On est égal devant la mort” (mọi người đều bình đẳng trước tử thần) chẳng hóa ra vô nghĩa hay sao?

Cho đến ngày 2 tháng 8 nói trên, buổi sớm mai, trời quang mây tạnh, cảm giác đầu tiên của Đào khi bước qua ngưỡng cửa nghĩa địa là hòa mình trong một bầu không khí êm đềm, trong sạch, mát mẻ.

Một khoảnh đất rộng độ năm mẫu tây, bốn mặt bao bọc bằng một hàng rào tươi thấp thấp.

– Đâu? Mồ mả đâu?

– Đó, mả mồ nằm đó.

Lạc nói mà chỉ mấy hàng mộ bia cùng nhau một cỡ, bằng đá mài, cao năm tấc, rộng bốn, dưới chơn trồng vài ba cây

hoa vàng, đỏ, tím. Mấy mộ bia cách nhau độ thước rưỡi tây, và hàng này xa hàng kia chừng ba thước. Trên mộ bia khắc tên và ngày người từ giã cõi đời.

Một tấm nọ khắc tên ông chồng; dưới tên, ngày chết còn chưa trống; phần dưới là tên và ngày từ trần của bà vợ và năm tro tàn đã nằm yên dưới đấy rồi, chờ ông xuống...

Cách nghĩa địa vài trăm thước, thành phố cất một cái lò thiêu hài cốt với luồng điện cao độ. Lạc không nói tử thi đem đến bằng cách nào, có đựng trong quan tài hay không, Đào cũng vô ý quên hỏi.

Thiêu xong, hài cốt cháy thành than tro nguội, thân nhân hốt vô một cái bình bằng gang, bằng đồng, đậy nắp kỹ, chôn trong nghĩa địa, dưới mặt đất, kể liên cái

“mả” cũ, trông cỏ lên, dựng tấm mộ bia. Dưới chơn bia, trông vài cây hoa. Thế là xong.

Tóm tắt, nghĩa địa là một thảm cỏ xanh tươi, bằng phẳng, cắm những mộ bia thẳng lối ngay hàng, những con đàng nhỏ trải cát trắng, cắt nhau thẳng góc, chia nghĩa địa làm nhiều lô.

Nam phụ lão ấu, ông tổng trưởng, anh lao công, nhà triệu phú, bác cùng đình nằm gần nhau và đều nằm dưới mặt đất. Thế mới là bình đẳng cho!

Vua Ngô ba mươi sáu tàng vàng,
Chết xuống âm phủ có mang được nào!

Đào khâm phục một dân tộc chứng minh trên thực tế:

“Mọi người bình đẳng trước Tử thần”.

THÁNH ĐƯỜNG ROMFORTU- NA. MỎ BẠC SALA

Ngày 5-8, viếng Thánh đường cách nhà mười lăm cây số, xây cất hồi thế kỷ thứ XII, tháp chuông cao bốn mươi thước.

Trong thánh đường, nằm một ngôi mộ, trên mộ khắc năm 1670.

Trong khi trùng tu thánh đường, người ta tìm thấy dưới lớp vôi trên vách một bức họa, nét bút thần tình.

Lại một ngôi mộ khác nơi cửa nhà thờ ghi năm 1756; Đào cùng gia đình Lạc ký tên vào quyển sổ những khách viếng nhà thờ. Đào viết: Đ.V.H Saigon Sud Việt Nam (Nam phần) ký tên, đề ngày 5-8-1972.

Kể đó, cả gia đình lên xe đến giếng mở bạc. Đây là một cái mỏ cũ, Chánh phủ đã khai thác hết bạc rồi, bây giờ chỉ còn mấy cái giếng sâu, có cái đầy những nước.

Quanh giếng những là đá xanh đá cuội, chất thành đồng như gò, và du khách đã tìm lượm hết những hòn đá có tia bạc.

Năm 1687, vua Charles XI ngồi trong chiếc thùng mà xuống hầm mỏ.

Trong một gian nhà nhỏ, dùng làm bảo tàng viện, trưng bày những mẫu đá, dưới giếng lấy lên; nhiều cục đá lạ mắt, có những đốm bạc lấp lánh.

Mỗi hòn, nhân viên coi giữ bán từ 2 tới 5 quan Thụy Điển. Đào muốn mua một cục để làm kỷ niệm, Lạc cũng sẵn lòng trả tiền, song Đào ngại làm hao tổn

cho con rể, nên thôi.

Du khách đến xem mỏ bạc cũng đông, toàn là người ngoại quốc, Mỹ, Na Uy v. v...

CHẾ ĐỘ TIỂU GIA ĐÌNH

Thụy Điển, mức sống rất cao, lương bổng hậu, nên không nhà nào có “người ở”, giúp việc nhà, chính bà chủ nhà đảm đương tất cả nội trợ.

Chỉ trừ khi nào bà đau yếu, sinh nở, yêu cầu Nha xã hội cho một người đàn bà đến giúp thì người ấy tới lo sóc việc sạch sẽ, giặt giũ, làm bếp núc, và được tính thù lao theo số giờ làm.

Cho nên khi Lạc nghe Đào nói nơi nhà mình có một đứa tớ gái 14 tuổi, Lạc

hơi ngạc nhiên, không rõ anh ta nghĩ sao.

Đào giải thích rằng bà Đào đã già yếu, sáu mươi lăm tuổi, đảm đương việc chợ búa, nấu ăn và chỉ huy guồng máy trong nhà, thì công việc nặng nhọc, như lau nhà, chùi bàn ghế, giặt quần áo, đi chợ mua đồ lặt vặt... phải nhờ một đứa tớ gái phụ.

Vả lại nó ăn uống đầy đủ, y phục sạch sẽ, đau có thuốc uống, tiền công cũng khá cao, làm xong công việc thì nghỉ, tối coi vô tuyến truyền hình như chủ, mỗi tháng được về thăm nhà một vài ngày.

Tóm tắt, nhà Đào đối đãi với nó tử tế, nó tự cho là có phước mà được chỗ làm như vậy.

Vả Việt Nam là một xứ trên đà phát

triển, dân sự còn nghèo, nhiều người thất nghiệp, trong mười nhà đã hết sáu bảy nhà muốn người giúp việc.

Lạc hiểu và không còn lấy làm lạ nữa.

Chế độ gia đình nơi đây là “tiểu gia đình”; cha mẹ nuôi con cho ăn học, con đỗ đạt thành danh lập gia đình thì “ra riêng”, không ở chung với cha mẹ nữa. Thỉnh thoảng cha mẹ đến thăm con, hay con viếng cha mẹ mà thôi.

Trong trường hợp ông bà già không làm việc đặng nữa thì Chánh phủ trợ cấp, hoặc vô “nhà dưỡng lão” mà an dưỡng cho tới ngày cùng.

Sinh hoạt mắc mớ, nhà ai nấy ở, không ai mời rước ai ăn uống bao giờ.

TRUNG LẬP

Như trên đã nói, chế độ xã hội ở Thụy Điển là xã hội chủ nghĩa (socialisme) và chế độ chân trị là Trung lập (neutralisme), không thân cộng sản, mà cũng không theo tư bản.

Tuy nhiên, cũng mang tiếng mang tai: Nga sô gọi Thụy Điển là tư bản, còn Huê Kỳ thì bảo Thụy Điển là một nước cộng sản.

Về việc quốc phòng, mỗi công dân từ 18 đến 47 tuổi đều phải thi hành quân dịch và mặc dầu trong nước chỉ có tám triệu dân, song Thụy Điển lại có một đạo quân hùng hậu, 600.000 bộ binh sẵn sàng tác chiến.

Đang đi chơi trong rừng với Lạc, bỗng Đào nghe vù vù trên đầu, ngược

mắt trông lên, mấy chiếc phản lực cơ xẹt như tên bắn.

Lạc giải thích rằng đó là những chiếc khu trục cơ (chasseurs) đang thực tập vì mặc dầu Thụy Điển trung lập, không gây sự cùng ai song cũng phải đề phòng những tấn công bất ngờ, vậy cần phải có một quân đội mạnh mẽ và một số phi cơ đủ để phòng vệ nước nhà...

* * *

4. BỐN TUẦN Ở PHÁP FRANCE FRENCH

HÀNH TRÌNH QUA BA LÊ

Lật bật ngày 7 tháng 8 đã tới, là ngày giả từ gia đình Lạc Ngọc mà bay qua Ba Lê.

Chiều ngày 6, Ngọc sắp sửa hành trang cho cha, Lạc yêu cầu Sở Bưu điện Vasteras sớm mai hôm sau, đúng bốn giờ, gọi điện thoại nơi nhà đánh thức Lạc dậy.

Lạc nói cật chuyện đó, trả cho họ một quan, cứ tính vào tiền thuê bao và số điện đàm cuối tháng sẽ trả. Thật là tiện lợi, mình không sợ ngu quên.

Chùng nào ở Sài Gòn ta có một sự tiện lợi như thế?

Lạc tính bốn giờ dậy, sửa soạn, ăn điểm tâm rồi năm giờ khởi hành ra phi trường Arlanda cách nhà hơn một trăm cây số, xe chạy cẩn thận không quá mau, sáu giờ rưỡi tới, cân hành lý, trình giấy tờ, bảy giờ 15 lên phi cơ, bảy giờ rưỡi bay, đến tám giờ rưỡi ghé phi trường Copenhagen, kinh đô Đan Mạch (Danemark), chín giờ rưỡi tiếp tục bay, mười một giờ rưỡi là đến Ba Lê.

Tối đêm 6, vào lúc 21 giờ, Ngọc dắt ba đứa con là Được, Phi và Ca đến phòng giã từ ông ngoại, Đào chúc con rể và ba

cháu ở lại mạnh giỏi và ba trẻ học hành tấn phát.

Ba đứa ôm ông hôn rồi đi ngủ.

Ba giờ rưỡi sáng, Đào đã dậy, rửa mặt, thay y phục.

Đúng bốn giờ, điện thoại reo, Ngọc tiếp nghe, trả lời rồi gác. Lạc cũng đã dậy rồi, Ngọc pha cà phê, dọn ăn lót lòng.

Năm giờ, Đào, Lạc lên xe.

Đào xa cách con là Ngọc đã mười năm, nay mới gặp, cha con trò chuyện cùng nhau có mấy ngày, giờ lại phải xa nhau, không biết bao giờ gặp lại, có lẽ đến lúc từ trần cũng không thấy mặt con, nghĩ đến đó sao khỏi ngậm ngùi.

Đường từ nhà đến phi trường xa trên một trăm cây số, mà chiếc Volsvagen của

Lạc nó cũ kỹ, lỗ nó hỏng máy dọc đường thì sao? Có phải lỗ dở nhiều thứ không? Đã mất vé máy bay mà Ba đón cha ở Ba Lê cũng mỗi lòng trông đợi!

Đào tỏ ý lo sợ ấy cho Lạc rõ, Lạc trấn an, rằng dầu có thế nào, Lạc cũng tìm cách đưa nhạc gia đến tận phi trường trước giờ phi cơ cất cánh.

Trời tối, gió mát, xe chạy bon bon, lối tám mươi cây số giờ, hai bên đường là những rừng cây phong, tùng, bá.

Đến phi trường đúng sáu giờ rưỡi, Lạc trình hành lý của Đào và vé máy bay. Vì vé này do Hãng Air France cấp mà đường bay từ Thụy Điển qua Ba Lê do hãng S.A.S đảm nhiệm, nên hãng này cấp một vé khác cho Đào, mà vé cũ cũng vẫn được giữ.

Xong xuôi, hành khách sắp hàng vào phòng đợi. Lạc từ giã ôm Đào mà hôn, chúc đi đường bình an, đến nhà Ba rồi cho vợ chồng Lạc rõ.

Phi cơ bay một tiếng đồng hồ đến phi trường Copenhagen, rộng lớn không kém Orly của Ba Lê, Lạc có nói rằng Chánh phủ dự trù mở rộng phi trường này vĩ đại cho xứng đáng với các nước Bắc Âu.

Phi cảng Orly từ dưới đất lên tầng trên chỉ có một thang gác tự động và thang thường còn phi cảng Copenhagen thì có thang rút (ascenseur).

Nơi đây, mọi người dùng tiếng Đan Mạch hoặc dùng Anh ngữ. Đào hỏi thăm vài điều bằng tiếng Pháp, không ai hiểu, Đào lơ lảo. Thật là xuất ngoại mà không am hiểu tiếng ngoại quốc, nhứt là tiếng

Anh thật dở quá; người ta bảo Anh ngữ là một thứ tiếng thông dụng khắp hoàn cầu, còn Pháp ngữ chỉ dùng trong việc thảo văn kiện ngoại giao thôi.

Cho nên trong học đường, về môn ngoại ngữ, học sinh phải học ít nhất là hai thứ tiếng mà sinh ngữ cần thiết là Anh văn.

May thay, một cô tiếp đãi viên biết chút ít Pháp ngữ, chỉ cho Đào cái cửa phải ra đặt lên phi cơ đi Ba Lê.

Nhắc lại, trên phi cơ đi từ Thụy Điển qua Copenhagen, Đào làm quen với một người Thụy Điển nói rành tiếng Pháp như Lạc. Ông là một viên kỹ sư qua Copenhagen vì nghiệp vụ. Trong khi chuyện văn hỏi han, ông khuyên Đào khi đến Ba Lê chờ con là Ba đến đón thì chờ ngoài cửa phi cảng và đứng đâu thì đứng đó,

đừng đi lộn xộn mà lạc nhau.

Ý kiến Lạc cũng như thế. Lại bảo, nếu không gặp, nên nhờ cơ quan Thông tin (Information) tại phi cảng dùng máy thu thanh (micro) kêu rằng: “Ông Ba ở Bourgoin-Jallieu lên, có thân phụ là Đào đang chờ ngoài cửa ra phi cảng...”

* * *

Mười một giờ rưỡi đến Ba Lê.

Đào xách cái vali nhỏ và áo mưa ra cửa, đứng chờ một hồi bỗng thấy bên trái Ba chậm chậm đi tới. Cha con gặp nhau rất đổi vui mừng, ôm nhau.

Mặc dầu ly hương đã trên hai mươi năm, Ba không thay đổi nhiều, chỉ có mặt mày và lời ăn nói già dặn hơn.

Ba lãnh hành lý của Đào rồi xách ra cửa; đi ngang hai nhân viên quan thuế, Đào nói:

– Vali tôi chỉ có y phục mà thôi.

Hai anh lắc đầu, khoát tay bảo đi. Nơi chỗ đổi tiền, Đào đổi 60 mỹ kim ra quan Pháp, được 274 quan, trao cho Ba.

Ba xách đồ ra chiếc Volsvagen, nói rằng hôm chúa nhật, mình cùng gia đình đi chiếc Renault 16 từ Bourgoin-Jallieu theo xa lộ lên, tới khoảng vô thị trấn Courtenay thì bế hộp số.

Jeannelte (Nết) vợ của Ba, đi đến nơi đặt điện thoại công cộng trên lề đường, gọi cảnh sát công lộ nhờ giúp đỡ.

Họ đến hỏi cần dùng việc chi. Ba bảo muốn liên lạc với bà chủ quán cà phê ở đầu đường vô xã Foucherolles là nơi có

cái nhà của bằng hữu Ba là vợ chồng Burel cất trong rừng.

Ba muốn cho Burel hay xe Ba hỏng máy.

Bà chủ quán được tin, lật đặt cỡi xe đạp chạy vô nhà cho vợ chồng Burel hay. Tức thì Burel lấy xe ra xa lộ rước gia đình Ba về nhà, để vợ con Ba ở đó rồi cùng Ba đi Ba Lê nơi đấy có nhà chính thức của gia đình Burel còn nhà ở Foucherolles mới cất để nghỉ mát.

Chiếc Renault của Ba được kéo về, Courtenay đem vô hãng sửa xe Renault, họ hứa sửa đến thứ tư, hoặc thứ năm thì xong.

Sáng thứ hai 7 tháng 8, Ba nhờ Burel hướng dẫn mượn đăng một chiếc Volsvagen dùng đỡ, trong thời gian sửa

chữa chiếc Renault, mỗi ngày 34 quan, và khi trả chiếc xe ấy có thể giao cho hãng ở Sens, cách Courtenay 25 cây số, khỏi cần đem lên Ba Lê.

Lúc Ba gặp phụ thân đã hơn mười hai giờ, cha con lên xe về Foucherolles là hơn hai giờ chiều, mẹ con Nết vừa ăn trưa xong vì chờ Ba không được.

Đào thay y phục, trao cho Nết và ba cháu là Phước (Xavier), Kim Chi (Pascal) và Kim Dung (Virginie) một chiếc nhẫn kim cương, mấy món nữ trang bằng vàng, áo quần con gái bằng hàng mà bà Đào gửi tặng cho dâu và cháu nội.

Vợ chồng Ba lật đặt sửa lại hai cái ghế trường kỷ của Burel biến thành chiếc giường, trải nệm, trải mền lên tử tế cho Đào ngồi nghỉ.

Một con đường làng đi ngang qua xã Foucherolles, nhà chức trách địa phương muốn cho nơi đây trở nên thanh vượng nên dựng cột đèn điện dài theo lộ, đặt ống nước nằm dưới đường, chia khu rừng ra nhiều lô bán cho dân thành thị muốn cất nhà nghỉ mát.

Vợ chồng Burel, tư chức ở Ba Lê, mua được một lô, đốn cây, mướn xe ủi đất dọn dẹp sạch sẽ, cất một nhà nhỏ có gác, điện nước đầy đủ, nhà bếp, phòng ăn, phòng tắm, phòng vệ sinh, lò sưởi, v. v...

Trên gác làm phòng ngủ.

Nhà có sân trước, sân sau, Burel tính trồng cỏ, trồng hoa.

VIẾNG BA LÊ

Hôm sau, Đào với gia đình Ba chụp chung một tấm ảnh trước nhà, rồi cùng nhau đi Ba Lê, trước xem Viện phế binh (Hôtel des Invalides), sau viếng Tháp Eiffel.

Lần thứ nhứt, Đào viếng Ba Lê “kinh đô ánh sáng”.

Ca tụng mấy thành phố to, mấy kinh đô âu châu, như Stockholm, như Ba Lê mà Đào đã viếng, cũng bằng thừa. Kể về bề xinh đẹp, sạch sẽ, nội những thành phố bậc trung như Lyon, Grenoble của Pháp, như Rabat, Casablanca của Maroc cũng ăn đứt Sài Gòn chúng ta rồi.

Chúng ta đã trẻ hơn người những ba mươi năm, chỉ vì mắc phải cái chiến tranh vô lý, huynh đệ tương tàn, hai miền

Bắc Nam đều bị tàn phá bởi những quân cụ giết người của Mỹ, Nga, Hoa.

Đau đớn thay! Xót thương thay mà cũng mĩa mai thay!

Sau khi cuộc chiến tranh vô lý này chấm dứt, Chánh phủ hai miền kiến thiết lại xứ sở, mười năm, hai mươi năm họa chẳng một phần nào có bằng người.

* * *

VIỆN PHẾ BINH (Hôtel des Invalides)

Hôm ấy, 8-8, nhiều đoàn xe ca chở người ngoại quốc đến viếng Ba Lê. Gia đình Đào vừa đến Viện phế binh thì bọn họ cũng ùn ùn kéo đến.

Du khách vừa bước vào trong đã

thấy, nơi gian giữa, trong một hầm tròn, chiếc quan tài đồ sộ của Hoàng đế Nã Phá Luân (Napoléon) đệ nhứt nằm im, chiếc quan tài có sáu lớp: lớp thứ nhứt, bằng sắt trắng, lớp thứ nhì bằng gỗ đào (acajou), hai lớp kế bằng chì, lớp thứ năm bằng cây mun và lớp chót, cây sên.

Thật là một danh dự lớn lao dân tộc Pháp dành cho một bậc kỳ tài, suốt mười lăm năm, đã làm cho các nước Âu châu run sợ.

Viện Phế binh do “Nhà vua Mặt trời” Louis XIV lập ra năm 1670, lổ vào cánh đồng Grenelle (Plaine de Grenelle).

Viện to lớn có thể chứa đến 7.000 phế binh, được khởi công xây cất năm 1671, theo hoành đồ của Libéral Bruant và hoàn tất năm 1676.

Viếng Viện Phế binh xong, mặc dầu là viếng sơ lược, cũng đã quá ngộ, gia đình Ba cùng Đào kéo nhau ra chiếc công viên gần Tháp Eiffel ăn bánh mì, hột gà, bơ, phó mát.

Một số băng cây dài, ngồi tự do, còn mấy chiếc ghế dựa nhỏ, dùng phải trả tiền.

THÁP EIFFEL

Bồ câu bay đến lượn những mẫu bánh mì vụn.

Ăn uống, nghỉ ngơi xong, đi bách bộ, rồi qua Tháp Eiffel tìm phòng vệ sinh để xả hơi, lại phải chi tiền.

Trong những xứ “văn minh”, con

người hể bước ra một bước là phải mở bóp phoir... tiền là vạn năng, tiền là tất cả!

Nhưng ở Maroc, tỉnh thành Casa-blanca, cũng sạch sẽ, cũng rộng lớn, mà Đào dạo chơi, khi cần tiểu giải thì vào một cái ga-ra nào đó, xin đi nhờ một chút, mấy anh “rốc” cũng sẵn lòng chỉ cầu cho. Hoặc nơi đại lộ Mohammed V, khoảng giữa đường cần gạch, trong mấy cây kè, mình băng qua đó, vịn lan can xuống mấy bậc thang, gập chỗ đi tiểu sáng sủa, nước chảy sạch sẽ, suốt ngày. Mà có tốn xu nào đâu!

Ba tìm nơi đậu xe, Nết dắt ba con: Phước, Chi, Dung mua vé lên Tháp, người lớn 7 quan trẻ em nửa phần tiền, còn Đào với Ba ở dưới giữ xe, đi bách bộ trong công viên, trong lúc du khách ngoại quốc sắp hàng nối đuôi chờ đến phiên mình lên Tháp...

Đồ án đầu tiên của Tháp do viên kỹ sư Alexandre Gustave Eiffel (1832–1923) dự trù năm 1884 và bắt đầu thực hiện năm 1887 đến năm 1889 hoàn thành.

Ban sơ, Tháp cao 300 thước; sau này phòng Vô tuyến truyền hình được đặt trên đỉnh, tăng bề cao của Tháp lên 320,75 thước.

Trong một phút bùng bột, Eiffel kêu lên:

– Nước Pháp sẽ là một quốc gia duy nhứt có một lá quốc kỳ mà cột cờ cao ba trăm thước!

Tháp có 1652 bậc thang và có ba tầng, lên bằng thang rút:

- Tầng nhứt, cao 57 thước;
- Tầng nhì, cao 115 thước;

– và tầng ba, cao 274 thước.

Đứng trên tầng ba, người ta trông thấy đến 67 cây số, Ba Lê và ngoại ô hiện ra như trên một bình diện vĩ đại.

Dưới Tháp, đặt pho tượng của Eiffel, là công trình của nhà điêu khắc Bourdelle.

Trời âm u, kể mưa sa pháy pháy; đứng dưới Tháp cũng ướt mình, Đào với Ba đến đụt mưa dưới hiên quán rượu.

Nết cùng ba con xuống Tháp, nói rằng đứng trên tầng nhì thấy cả thành phố Ba Lê, Montmartre, Arc de Triomphe, Sacré Coeur, v. v... nhưng vì mưa nên không trông được rõ.

Ba muốn lái xe đưa gia đình sang sông Seine xem Khải hoàn môn (Arc de Triomphe), Điện Tổng thống (Elysée) và

nhiều thẳng cánh khác.

Nhưng lúc ấy đã năm giờ chiều, mưa tuôn tầm tã, vả Ba không thuộc đường, lại mấy chiếc xe Pháp to lớn chèn ép chiếc xe bé nhỏ của Ba, nên Đào chán ngắt bảo Ba lái xe về Foucherolles.

Về việc sử dụng xa lộ, khi xe vào kinh thành, hay đi ra, chủ chiếc xe phải đóng lộ phí, dường như là ba hay năm quan chi đó.

Khí hậu ẩm ướt, gian nhà trong rừng lạnh lẽo, Nết đốt lò sưởi lên rồi làm cơm chiều.

Ăn xong, Đào lên giường nằm, Phước nằm một bên, Chi nằm một bên còn Dung nằm trên ngực, tình ông cháu đậm đà thấm thiết.

LÂU ĐÀI VERSAILLES (CHÂ- TEAU DE VERSAILLES)

Hôm sau, ngày thứ tư, 9 8, điểm tâm xong vào độ chín giờ, gia đình lại đi Ba Lê, viếng lâu đài Versailles cách Ba Lê ba mươi cây số.

Trước cửa lâu đài, du khách ngoại quốc tấp nập, cũng mua vé vô cửa, Đào mua mấy tấm cạt còn Nết mua vài tập sách chỉ dẫn.

Trước sân sừng sững pho tượng vua Louis XIV cỡi ngựa đứng trên bệ cao, oai vệ. Đào đứng gần cho Nết chụp ảnh kỷ niệm.

Khi xưa, phía tây nam kinh thành Ba Lê, trong một khu rừng rộng lớn rải rác những bầu ao, có một cái trại đi săn mà nhà vua Louis XIV muốn tu sửa làm một lâu đài.

Nhiều chái rộng được thêm vào; mấy nghệ sĩ trứ danh thời ấy trang hoàng phòng khách bằng những bức họa, những ngoạn vật bằng vàng, những pho tượng...

Và triều đình đến ở nơi lâu đài Versailles cuối năm 1680.

Trên lầu, chạm trổ rất khéo; anh hướng đạo viên chỉ mỗi nơi giải thích: phòng chờ tiếp kiến nhà vua, chiếc cửa kín phòng ngài (mấy cô đầm mỉm cười), phòng ăn của Hoàng hậu v. v...

Trên vách, họa hình gần trọn lịch sử Pháp, nhứt là mấy chiến thắng của Nhà vua và Đại tướng, bức họa Hoàng đế Napoléon tấn phong Hoàng hậu Joséphine de Beauharnais.

Đứng trên lầu trông xuống ngự uyển, phong cảnh thật là ngoạn mục, bồn bông hồ nước, mấy hàng nhỏ trái sắn trắng tinh, chính giữa nơi xa là một con kinh im phẳng phắc.

Nhiều pho tượng đứng ngồi dưới tàn cây: hải thần Neptune, thần sức mạnh Hercule, v. v...

Hôm nay, sao khí hậu ở Ba Lê quá nóng, trời nắng gắt, đứng dưới tàn cây mà sức nóng còn rất mặt. Nết và mấy con còn muốn đi chơi song Đào mệt mỏi bảo Ba lái xe về.

* * *

Ngày thứ năm, 10-8, gia đình Ba mời Đào viếng Courtenay, nhân tiện ghé hãng sửa xe, xem đã chữa chiếc Renault chưa. Ông chủ hãng đi Montargis mua

cái hộp sổ, giữa trưa về tối sẽ ráp xong vào khoảng bốn giờ.

Dạo thành phố Courtenay, một quận lỵ thuộc tỉnh Loiret, tỉnh lỵ là Orléans, nhà cửa cổ kính, đường sá nhỏ hẹp; ngày ấy có phiên chợ, bạn hàng đem thịt cá, trái cây, đồ hộp, quần áo ... bày ra bán.

Đào vào một tiệm “Cổ ngoạn và kỷ niệm vật” (Antiquités et souvenirs), nhiều đồ xưa rất đẹp và một đôi chũn đèn xi vàng hấp dẫn, giá tới 38 quan!

Nhìn lại túi tiền, Đào không dám.

Nết mua thịt, trái cây, Đào mua tờ báo rồi lại về.

Cơm trưa xong, Ba đi Sens trả chiếc xe cho ga-ra chớ giữ làm chi mỗi ngày tốn hết 34 quan còn chạy mấy tiếng đồng hồ họ tính thêm tổn phí.

Trả xe xong, Ba sẽ đáp xe ca mà về Courtenay, ghé hãng lấy chiếc Renault về.

Năm giờ, năm giờ rưỡi chiều, không thấy Ba về, Đào và Nết nóng lòng. Chẳng biết có điều gì xảy đến cho Ba không.

Nết lấy áo mưa mặc vào, xách dù, dắt Kim Dung đi đến quán cà phê cách nhà ngàn rưỡi thước, mượn điện thoại gọi ga ra ở Sens thì hay Ba đã trả chiếc xe Volswagen và đã về hồi 14 giờ 30 rồi.

Bây giờ đã biết dạng tin tức Ba rồi hơi yên tâm, song đã quá 19 giờ mà chưa thấy tăm dạng Ba, Đào với Nết đứng nơi ngã ba đường trước nhà chờ, đến hai mươi giờ mới thấy lộ dạng chiếc xe đỏ Renault.

Ba giải thích sự mình trễ nải rằng: hồi

sớm mai đến ga-ra ở Sens đúng mười hai giờ, ga ra đóng cửa, Ba lái xe đến trước Thánh đường mua khúc bánh mì ngồi ăn.

Mười bốn giờ, ga-ra mở cửa, Ba giao hoàn chiếc xe thanh toán tiền mượn xe mấy bữa hết 150 quan. Hỏi xe ca thì 18 giờ rưỡi mới có xe về Courtenay.

Thôi thì đi bộ; dọc đường mấy lần chặn xe du lịch dừng đi nhờ (auto stop) song không ai ngừng lại hết.

Thành thử Ba đến Courtenay vào lúc 19 giờ hơn, ghé hãng viết chi phiếu trả tiền sửa xe hết 1.180 quan, lấy xe về tới nhà là hai mươi giờ.

Hồi sớm mai, viếng Courtenay, Nết có mua một cái bình cắm bông đẹp.

Sáng hôm sau, thứ sáu 10-8, thu xếp

về Bourgoin Jallieu. Nết quét nhà thật sạch, viết ít chữ để trên bàn ăn, gởi cho vợ chồng Burel, rồi đặt cái bình bông lên trên. Chín giờ khởi hành.

Ghé quán cà phê, nhờ bà chủ trao chìa khóa nhà cho Burel, rồi thượng lộ, Ba theo đường quốc lộ mà đi Lyon, khỏi đi xa lộ tốn tiền.

Đường tráng nhựa láng bóng, đẹp như đường Maroc nhưng mát hơn nhờ trên vệ đường, trồng cây dương ngô đồng (platane).

Thỉnh thoảng gặp một tấm bảng đề “110” tức là tốc lực tối đa cho phép là 110 cây số giờ thôi, song lối 14 giờ, có lẽ vì Ba gấp về tới nhà nên đi với tốc lực 120, bị cảnh sát công lộ mời dừng lại, biên giấy tờ.

Vì Ba vi phạm lần thứ nhứt nên có lẽ bị cảnh cáo mà thôi.

Từ Courtenay đến Lyon gần 400 cây số ngàn, Ba đến Lyon, không vô thành phố chỉ đi dọc ngoại ô, đến Bourgoin Jallieu là 15 giờ 30.

Từ đây cho đến ngày về Casa, Đào không còn dịp đi Ba Lê nữa, chỉ có đi Lyon, Grenoble và viếng mấy vùng chung quanh Bourgoin jallieu thôi.

BOURGOIN JALLIEU

Gia đình Ba ở một gian nhà chia ra nhiều phòng, tầng thứ tư cao ốc, H.L.M. do thành phố cất (nhà cho mượn rẻ tiền, habitations à loyer modéré).

Cao ốc này có sáu tầng mỗi tầng 16

gian, tức là tòa nhà có 96 gia đình ở.

Ba trả mỗi tháng 250 quan tiền thuê nhà. Nếu được tăng lương ắt tiền nhà phải tăng theo. Dưới mặt đất có một hầm rộng, Ba được một căn để cuốc xuống, xe đạp v. v...

Thẳng góc với tòa nhà là đại lộ Tổng thống Kennedy, hai bên đường trồng cây kim hợp hoa (acacia) cây bị cắt ngọn, thân cây còn cao chừng bốn thước, chỉ có một chùm lá trên ngọn thôi.

Trước cao ốc, một cái sân rộng tráng xi măng dùng cho trẻ em cỡi xe đạp, đi giày trượt (patins) và là chỗ để đậu xe hơi.

Trước sân là một công viên sơ sài, đặt năm ba cái băng dài, ngõ hầu ông già bà cả chiều ra ngồi hóng mát.

Đào qua Bourgoin Jallieu nhằm ngày 11 tháng 8, mùa thu chưa đến song bước ra khỏi nhà gió ào ào, phát lạnh, đi đâu phải choàng cái áo mưa, người bốn xứ và gia đình Ba xem khí hậu như vậy là mát mẻ, là thường.

Phía sau cao ốc, một sân cỏ để cho mấy bà nội trợ giăng dây phơi y phục. Một con rạch rộng độ tám thước chảy ro re suốt ngày đêm tên là « La Bourbe » bề ngang tuy không bao nhiêu, song dài cả bảy mươi cây số ngàn, bắt nguồn từ trên đồi cao, chảy ngang qua châu thành Bourgoin Jallieu rồi đổ xuống sông Rhône.

Tháng 8 là tháng Hăng thuốc Merrell Toraude, nơi Ba giúp việc với tư cách kế toán viên, đóng cửa cho nhân viên nghỉ hè.

Sớm mai ngày thứ bảy 12 8, Ba cùng thân phụ và con là Phước đi bộ viếng hăng bào chế thuốc.

Hăng rộng lớn, nhiều tòa nhà, văn phòng khác biệt với nơi bào chế, dùng cả ngàn nhân công, còn nhân viên văn phòng cũng vài ba trăm.

Hăng sản xuất thuốc bán khắp hoàn cầu và dường như Công ty Roussel ở Sài Gòn là đại lý của hăng Merrell Toraude.

Hăng trước đây thuộc người Pháp (Toraude) sau bán lại cho người Mỹ (Merrell) nên mới ghép hai tên làm một: Merrell Toraude.

Con rạch La Bourbe chảy trước hăng, một chiếc cầu bê tông cốt sắt bắc ngang qua. Đứng trên cầu trông xuống, tàn cây soi bóng, nước chảy trong veo.

Vào văn phòng, chỉ có một cô thư ký ngồi đánh máy, cô mỉm cười, trao đổi với Ba vài câu thông thường. Cơ sở của hãng choán một khoảnh đất rộng, trước hãng là một công viên giản dị, mát mẻ.

Chiều ấy, gia đình lên ngọn đồi gọi là “Esplanade panoramique Jardin de ville” tạm dịch là “Công viên trông toàn cảnh”, trên ấy có quán rượu, ngó xuống thấy gần khắp châu thành, vui mắt.

Gió mát lạnh. Giấy lát xuống đồi, đậu xe nơi công viên dưới chơn đồi; nhiều cặp vợ chồng mới cưới, đến đó chụp ảnh cùng nhau.

Ban đêm, đứng ở bao lơn trước gian phòng của Ba, tầng lầu tư, trông xuống châu thành, thì một quang cảnh đẹp bày ra trước mắt, nhứt là đêm trăng, vầng trăng bạc đứng chơ vơ giữa trời, nền trời

không gợn chút mây, dưới đất trên châu thành đầy những ngọn đèn, cái xa cái gần, có thấp có cao.

* * *

Sớm mai, bảy giờ, đã nghe tiếng xe ủi đất xình xịch sau nhà. Họ dọn đường làm cái xa lộ, nối liền Bourgoin Jallieu với Grenoble. Nhân công làm việc sốt sắng đến giữa trưa là nghỉ; mười bốn giờ làm việc lại tới mười bảy giờ, thỉnh thoảng, một viên kỹ sư đi chiếc xe nhỏ đến kiểm soát công việc.

Cũng lối mười bảy giờ, đứng trên lầu nhìn ra phía sau, bên kia rạch, trên một khoảng đất hình chữ nhật, năm thanh niên nam nữ dượt ngựa dưới sự chỉ dẫn của một huấn luyện viên mà cũng là chủ

ngựa, nhà ở cạnh sân; mỗi giờ cỡi ngựa như vậy, trả cho ông năm quan.

Ngựa chạy sải, tể, kiệu, v. v... một cô gái bé chừng mười tuổi cỡi ngựa nhiều kiểu, khi thì ngồi một bên, khi thì ngã ngựa ra sau. Lớn lên, chắc cô là một nữ kỵ sĩ có tài.

Ba nói rằng nhân viên trong hãng, ai muốn tập cỡi ngựa, hãng sẵn sàng đài thọ cho, Ba cỡi thử vài lần, dường như không mấy thích, nên thôi.

Mỗi chiều, dùng cơm xong, ra ngồi xa lông xem vô tuyến truyền hình. Hai mươi giờ điểm báo, hai mươi một giờ, kết quả Thế vận hội.

Thấy những lực sĩ ngoại quốc các môn lãnh huy chương vàng mà Đào bắt thềm thuồng cho xứ Việt Nam.

Khi xưa, thanh niên ta giỏi võ nghệ, mảy phen đánh đuổi quân Tàu xâm lăng, chinh phạt Xiêm La, Ai Lao, Cao Man, Chiêm Thành quấy nhiễu nước ta, làm cho chúng khiếp đảm, một thời gian lâu quân Tàu chẳng dám dòm dỏ đến xứ ta, còn các nước kia thì tôn ta là thượng quốc.

Đào hy vọng một ngày kia, dân quân Việt Nam Cộng Hòa đồng tâm nhất trí hiệp lực cùng Chính phủ kiến thiết nước nhà, thì sao ta lại chẳng góp mặt được với năm châu.

Mong vậy thay!

* * *

Từ tầng bảy xuống mặt đất, có cái thang thường với chiếc thang máy.

Mấy đứa nhỏ của Ba chạy lên chạy xuống chiếc thang thường, trừ khi nào đi với ông nội hay với ba má chúng mới dùng thang rút.

Trên vách, tầng dưới, có mấy hàng hộp thơ, hộp của ai mang tên ấy.

VIẾNG LÀNG “MOMENT”

Ngày chúa nhật 13-8, Ba chở thân phụ và gia đình đến một làng trên núi là làng “Moment” (giây lát) vì, khi xưa, nông phu đi làm việc về hay ghé nơi đây nghỉ ngơi giây lát.

Làng này cách Bourgoin Jallieu độ sáu mươi cây số ngàn. Chiếc xe tốt đi không đầy một tiếng đồng hồ là đến.

Lúc trước, ở đây hư sụp, nhiều nhà đồng bỏ hoang, dân sự rời làng mà đi, con đường làng bị xe bò phá hư, cỏ mọc đầy, nhưng từ khi Bà Soeur Jeanne d'arc, Bề Trên dòng Notre Dame de la Mende đến ở, sửa sang cất nhà cửa đảng hoàng, thành phố trùng tu, tráng nhựa con đường dẫn đến cơ sở, lại cấp cho điện nước, điện thoại đủ điều.

Dòng này thuộc cơ quan “Liên hiệp Pháp về các công tác Đông dương” (Fédération Française des oeuvres d'Indochine) chuyên nuôi dưỡng những trẻ mồ côi Pháp lai Việt.

Đây là nơi nghỉ hè của những trẻ mồ côi, đa số là nữ nhi từ 8, 9 tới 16, 17 tuổi, mà nhiều trẻ có cha mẹ cũng được gửi đến nhờ mấy Bà chăm nom trong vài tháng bãi trường.

Đến lúc tựu trường, mấy Bà khóa của nhà để đó, dắt mấy đứa trẻ xuống trường mà dạy học, khi nào nghỉ lễ hay bãi trường lại lên.

Cơ sở nằm dưới chơn non, núi đồi bao quanh ba mặt, sân cỏ rộng mênh mông, lại có một hồ tắm, mỗi chiều trẻ em bơi lội.

Nhiều nhà khá giả ở Lyon, Grenoble, Bourgoin đến mua lại mấy cái nhà bỏ hoang, tu bổ để nghỉ mát cuối tuần hay ngày lễ.

Khi Bà Bế Trên xin tráng nhụa con đường, ông xã trưởng là một người thiên tả đề nghị cho, còn một ông nghị viên quý phái chống lại.

Rốt cuộc, Hội đồng thành phố chấp thuận.

Bà Soeur Jeanne d'arc mừng rỡ tiếp Đào cùng gia đình Ba trong phòng khách với sự hiện diện bà mẹ đỡ đầu của Nết. Mấy bà là những người con Chúa chánh tông, Đào là một Phật tử thuần thành, thế mà hai bên chuyện vẫn có chiều tương đắc.

Nhân nghe Đào trường trai đã mười lăm năm, hai bà tỏ vẻ kính phục. Hai Bà mời dùng cơm, song Nết đã chuẩn bị vật thực đem theo, nên bày đồ ăn trên bàn nơi phòng khách, bánh mì, hột gà chiên bơ, phở mát, chuối v. v...

Đào nằm nghỉ nơi ghế dài còn gia đình Ba tự do đi chơi, chuyện trò cùng bạn, Ba gặp gia đình ông Grall, nguyên là thủy thủ, đến cắm trại dưới chân đồi, cạnh khe suối.

Phong cảnh đẹp, mát mẻ, thanh tịnh biết bao, Đào thầm ước được một cảnh như vậy mà tịnh tâm, yên trí, xa cảnh náo nhiệt phồn hoa, ắt mau thành chánh quả.

Chiều, gia đình Ba bơi lội trong hồ cùng mấy trẻ em, Ba với Đào đi bộ dạo một vòng, rồi mới lên xe trở về Bourgoin jallieu.

XIN CHIẾU KHÁN TRỞ VỀ MA-ROC

Bây giờ đến lúc Đào phải lo việc chiếu khán giấy thông hành đăng trở vô Casablanca, ngõ hầu về Việt Nam.

Vậy nên ngày thứ năm 17 tháng

8, Đào và cả gia đình Ba đến Lyon 6è, đường Vendôme số 123, là trụ sở Tòa Tổng Lãnh sự Maroc.

Nơi đây họ làm việc từ 9 tới 11 giờ, chiều từ 15 tới 17 giờ, ngày thứ bảy nghỉ. Khách hàng toàn là người Maroc, xin chiếu khán Sổ Thông hành đăng về xứ.

Đào tưởng là hễ trình giấy thông hành với bức thư của Năm gửi cho ông Tổng Lãnh sự Maroc, vì Năm quen lớn cùng ông, là sẽ được chiếu khán mau lẹ, nào ngờ, ngày hôm trước, 16 8, vua Hassan II bị ám sát hụt trên trời Rabat, lần này là lần thứ hai, lần trước cách đây một năm, tại Skirat.

Ông phụ tá Lãnh sự tiếp Đào, hỏi nhiều chi tiết, vô Casa ngày nào, ở được bao lâu, và xin trở về ở bao lâu nữa.

Nhút là ông vặn hỏi trước khi Đào ra khỏi Maroc, sao không xin tại Casa chiếu khán trở lại.

Đào giải thích rằng mình vô Casa-blanca ngày 10 tháng 6, ở đến 21 tháng 7, xuất ngoại đi Thụy Điển và sang Pháp.

Trước khi đi có đến Nha Cảnh sát trung ương ở Casa xin chiếu khán trở vào thì nơi đây bảo xin với Tòa Tổng lãnh sự Maroc ở Lyon là được.

Chánh phủ Việt Nam cho Đào xuất ngoại trong ba tháng mà mình đã đi gần hai tháng rồi, vậy mình xin trở vô Casa một tháng nữa thôi.

Ông phụ tá có thái độ dè dặt, bắt Đào ngồi chờ tới 11 giờ, nhân viên ra về hết, ông mới trao cho Đào một bốn thảo điện tín, bảo gửi cho nhà chức trách ở Rabat, trong điện tín ấy, ông tỏ bày trường hợp

của Đào và đề nghị cho phép Đào trở vô Casa một tháng.

Hỏi: – Bao giờ Rabat trả lời?

Đáp: – Trong hai tuần lễ.

Hỏi: – Ông có thể điện thoại cho chúng tôi biết kết quả được không?

Đáp: – Ông cứ gọi điện thoại cho Tòa Tổng Lãnh sự tốt hơn.

Ông phụ tá cho Đào số điện thoại rồi chúc Đào may mắn.

* * *

Lúc ấy đã mười một giờ rưỡi rồi.

Lòng những lo âu, Đào không thích dạo chơi, chỉ mua vài tấm cạt làm kỷ niệm.

Rồi đây, nếu vì tình hình chánh trị ở Maroc mà Đào không trở vô Casa được thì làm thế nào?

Nhiều nỗi bất tiện, vì tiền bạc, y phục, sách vở, tài liệu, Đào còn gửi nơi nhà Năm lại với cái vé máy bay Sài gòn – Paris – Sài Gòn nữa.

Chiều hôm ấy, Đào với Ba ra nhà Bưu điện Bourgoïn Jallieu gửi cái điện tín 63 chữ, hết 27 quan, đồng thời Đào cũng gửi cho Năm một bức thư tỏ tự sự cho Năm rõ, một bức thư khác cho Nguyễn ở Tòa Đại Sứ Việt nam tại Rabat, nhờ Nguyễn “nói giùm” với Bộ Ngoại giao Maroc.

Đã làm gì phải làm, bây giờ Đào chỉ còn có nước chờ.

Hôm sau, 18-8, Ba cùng Đào với gia đình Ba đi Grenoble cho Đào đến ngân

hàng “Société Générale” gửi một cái chi phiếu vào trương mục của thứ nữ là Chín.

Nhân viên Pháp làm việc sốt sắng, mau lẹ, không đầy mười phút là xong.

Kế đó, Đào đến nhà sách mua ít cuốn sách nhi đồng cho mấy đứa cháu ngoại bên nhà. Dạo thành phố một vòng, Đào mua ít tấm ảnh.

Ai mà có dè, ngày kia, một ông già Việt Nam ở Sài Gòn qua, vào tiệm hớt tóc ở Bourgoin Jallieu? Thế mà có thật!

Sớm mai 19-8, hai cha con đi hớt tóc một tiệm quen, anh thợ cao lớn, râu ria, cắt lia lịa, cạo sơ sơ bằng một lưỡi dao bén, nhỏ bằng ngón tay, lỏi mười lăm phút là xong, tiền công là 5, 20 quan mỗi người.

NHỮNG NỖI BỰC MÌNH

Ba muốn chở thân phụ lên miền núi tuyết Chamonix dạo chơi, song Ba đã bị hư xe hôm ngày 6 tháng 8, sửa xe và mướn xe hết 1.500 quan hơi mệt cho bề tài chánh gia đình một tư chức, nên Đào không tán thành, chỉ muốn viếng châu thành và vùng thôn quê ở Bourgoin Jallieu mà thôi.

Tánh Đào lôi thôi, vụng tính chớ không keo kiệt, ngày nay về xứ rồi, mỗi lần nhớ đến còn ân hận phần nào.

Khi ở Casa đi, Đào gởi tiền cho Năm cất giùm, sợ già lắm cảm ôm tiền trong mình nhiều mà mất mát đi chẳng.

Đến khi ở Thụy Điển qua Pháp, Đào có thơ cho Năm hay, Năm gởi cho Đào

một ngàn quan, Đào trao tất cả cho con, song số tiền ấy chưa đủ sửa xe, có đâu đến cung cấp món ăn chay cho Đào và đồ xăng chở Đào đi đó đi đây!

Đào bận lo việc chiếu khán thông hành nên không nghĩ tới việc bảo Năm gửi thêm tiền đăng phụ với con dâu trong tiêu phí hằng ngày.

Có lẽ vì thế mà Nết có khi buồn, quạu quọ với ba đứa con và vợ chồng sanh sự bất hòa.

Đào bực mình, muốn ra khách sạn mà tạm trú, song khổ nỗi, châu thành nhỏ không có xe tắc xi, vì đa số người khá giả thì có ô tô nhà, công nhân đi xe đạp, người đi dạo thì thả bộ mà chơi. Và lại, mỗi ngày phải đến nhà Ba đăng đón tin tức Tòa Tổng Lãnh sự Maroc thì cực lòng thái quá.

Đào mong mọi việc giấy tờ xong mau lẹ đặt đi Casa cho rồi, không muốn ở lâu, mặc dầu mấy đứa nhỏ quẩn quít và Ba tỏ vẻ thương yêu cung kính đối với cha già.

Thử xét lại mà coi, cha mẹ xa cách con, hai mươi năm thương nhớ, không biết bề ăn cách ở nó thế nào, có được no ấm hay không, hay là nợ réo nợ đòi.

Nhờ hoàn cảnh may mắn và chịu lao tâm nhọc trí, vượt hàng mấy mươi ngàn cây số làm cho người nhà ai cũng lo sợ, vái van cho Đào đi đến nơi về đến chốn, mỗi lần đặt thơ nghe Đào thuật “trong mình vẫn khoẻ mạnh” thì mừng.

Mà khi qua đến con, vui vẻ hạnh phúc trong vài ba hôm, vì con mừng cha, cha thấy con đủ ý đủ thực, tuy không là hàng phú hộ, chớ lương bổng cũng khá

cao, mỗi tháng tiện tặn để dành đặn chút đỉnh, thì cha vui.

Song vài ba hôm hạnh phúc trôi qua như mây bay, như gió thoảng, tiếp theo là những ngày “bất như ý”. Mục đích của Đào là xuất ngoại để thăm con mà hy vọng đã đạt thì về cho mau lẹ chớ còn diên trì làm chi cho bận lòng mình mà cực lòng người? Song “Đào nguyện như thử như thử, mà Tổng Lãnh sự dĩ nhiên dĩ nhiên” (Đào muốn như thế như thế, mà Tòa TLS chưa vậy, chưa vậy).

VIẾNG VILLARS LES DOMBES

Thấy phụ thân buồn, một hôm Ba chở Đào với gia đình Ba đi viếng Les Dombes là trung tâm nuôi chim, cách Bourgoin jallieu sáu mươi cây số.

Cơ sở Les Dombes gồm có hai phần:

Phần cấm địa, rộng 210 mẫu tây, bùng bầu choán 110 mẫu, dành để bảo vệ thiên nhiên và nhứt là cấm thú địa phương.

Và Phi cấm viên nuôi những hai trăm giống chim được biết ở Dombes và các giống tương tự khắp hoàn cầu.

Phần này diện tích hai mươi mẫu, phân nửa là hồ ao, du khách vừa qua cửa vào trong đã thấy gần hai ngàn con chim thuộc ba trăm giống, hoặc nuôi trong 45 chiếc lồng lộ thiên, 26 khoảng rào kín, hoặc thả tự do quanh hồ, trong sân cỏ.

Sau cùng, trong “Nhà chim”, trong một khung cảnh đặc sắc ấm áp, phù hợp với chúng, được trưng bày những phi cấm các xứ, màu sắc đẹp đẽ và trên sân

thượng bao quanh tòa nhà, du khách thâm trong tầm mắt tất cả phong cảnh của phi cầm viên.

Mỗi người vô cửa phải trả 4 quan, trẻ em từ 3 tới 16 tuổi 3 quan.

Nhiều giống chim lạ, có tên Pháp mà không có tên trong tự điển Pháp Việt. Như giống đà điểu “nandou” nặng 20 ký, mỗi năm chỉ sanh một trứng, nặng 600 gờ ram, ấp trứng là phần của đức lang quân.

Lại một giống đà điểu khác ở Úc châu, tên là “émeu” nặng 50 kí, trứng 700 gờ ram, cũng ông chồng ấp trứng, bà vợ kêu một tiếng như gấm trong họng.

Con đà điểu “casoar” lông đen như lông gáy ngựa.

Trong phần đất rộng, cỏ mọc um

tùm, bao bọc do hàng rào sắt, ngoài rào treo tấm bảng viết mấy hàng chữ bằng sơn trắng: “Khu vực chim ấp. Đừng phá phách chim. Đừng rờ đến hàng rào. Đừng cho chim ăn gì hết”.

Giống kền kền ở Âu châu và Á châu, hai cánh dang ra đo được từ 2, 3 đến 2, 8 thước, mỗi năm đẻ một hay hai trứng, giam cầm như vậy, sống từ hai mươi đến sáu mươi năm. Ăn toàn thây thú và những đồ dơ bẩn.

Phần chim lớn, nên kể thiên nga cổ đen, ngỗng lùn, ngỗng tuyết.

Nhiều chim ưng, bù cắt, chim ụt, cú mèo, chim trĩ, bồ câu, chín giống anh vũ, có con lông đỏ như lửa. Chim nhỏ thì có quạ, cu cuờm, ác là, sơn ca, họa mi, hồng tước, chim mai hoa, sáo đen...

Trong nhà chim, trên vách, treo một tấm bảng nhỏ với câu: “Nếu quý vị có những ảnh đẹp, chúng tôi sẽ hân hạnh trưng bày”.

Giữa nhà một cái máy ấp: hai chú gà con vừa mới nở, mổ tấm ăn.

Đào cùng con cháu ngồi ăn qua loa trong vườn, chỗ đậu xe, gió thổi lạnh, phong cảnh thiên nhiên đẹp đẽ, êm đềm, thảnh thơi mấy tiếng chim kêu.

BẠN CỦA BA

Ngày thứ sáu, tức mười ngày sau khi Đào đến Tòa Tổng Lãnh sự Maroc ở Lyon, Đào nhờ Nết mượn điện thoại của ông bà Perrin, bạn của Ba, ở tầng lầu

trên, kêu hỏi Tòa Tổng Lãnh sự đã nhận được phúc đáp của nhà chức trách ở Rabat chưa.

Trả lời: chưa có chi cả. Vậy còn phải chờ.

Trong hoàn cảnh rắc rối, Đào quay về Tôn giáo, cầu nguyện những đấng Thiêng liêng gia hộ cho gặp điều may mắn.

Đào cầu nguyện cùng Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, cả lành cả thương. cứu khổ cứu nạn, từng phò độ chúng sanh mà riêng Đào nhiều phen nhờ ngài thoát nạn. Bồ Tát cảm ứng hiển linh, sớm mai thứ bảy ngày 26 tháng 8, mười giờ, anh Tây phát thơ đến, Phước chạy xuống lầu, mở hộp thơ đem lên một cái thư của Năm, trong đấy Năm nhờ Đào mua vài món đồ, nhứt là ít chai Maggy cỡ lớn, có

lẽ Casa không có thứ đó hay sao.

Năm lại kèm theo một bức thư gửi cho ông Tổng Lãnh sự nồng nhiệt thỉnh cầu ông giúp Đào được trở vào Maroc, cho Năm săn sóc sức khỏe một thời gian và chỉ dẫn những điều cần thiết cho Đào về Việt Nam tiếp tục trị bệnh.

Vậy Đào mới viết tay cho ông Tổng Lãnh sự một cái thư, kèm bức thư của Năm theo gửi liền nội chiều thứ bảy ấy.

* * *

Sớm mai Chúa nhật 27, vợ chồng kỹ sư Di là bạn vợ chồng Ba đến chơi, ở dùng cơm.

Di họ Đỗ, bà con chú bác với cố Đại tướng Đỗ Cao Tri, ông bác là cựu bạn học

của Đào nơi trường Chasseloup Laubat.

Di là bác sĩ kỹ sư có Pháp tịch, giúp việc tại Viện Đại Học Khoa học ở Lyon, vợ có bằng cử nhân vạn vật học, làm “Déléguée pour l’information médicale” cho một hãng thuốc to ở Lyon, xin tạm dịch “Đại diện về thông tin thuốc men”, phận sự như mấy cô “Visiteuse médicale” ở Sài Gòn, công việc là tặng mẫu thuốc cho mấy bác sĩ, nhưng trách nhiệm của cô đại diện kia tế nhị hơn, là phải biết rõ được tánh mấy thứ thuốc mình biểu dạng chỉ dẫn cách dùng cho bác sĩ.

Một thời gian sau, trở lại xem bác sĩ có cho bệnh nhân dùng mấy thuốc ấy hay không và kiến hiệu thế nào.

Hãng thuốc có nhiều đại diện, mỗi người hoạt động trong một khu vực, kết quả nhiều ít thế nào, Hãng đều biết hết.

Cô Michèle, vợ của Di, mới đây tập sự một tháng ở Ba Lê. Vợ chồng có hai con trai một mười tuổi, một tám tuổi đẹp trai, học giỏi, dễ thương.

Bữa cơm ấy, vợ chồng Ba đãi bạn bè cuốn, ăn cơm với thịt phay, mắm sống, Ba cũng làm tài khéo, cuốn cho cha mấy cuốn bì chay.

Cơm xong, ngồi uống trà nói chuyện tới bốn giờ chiều, hai gia đình lên xe viếng cái bầu cách châu thành hai cây số. Bầu rộng năm mươi thước, dài hai trăm, năng lác mọc đầy, nước trong veo. Dài theo bờ, thành phố đặt những dụng cụ cho “mấy ngư ông tài tử”.

Bầu này cấm tắm, chỉ dành cho mấy người đi câu thôi.

Theo lời Ba thuật thì năm rồi thành

phổ dự trừ vét cái bầu cho sạch bùn và đổ đá sạn xuống đấy, nhưng tính lại thì tốn phí quá nặng, hơn một triệu quan, nên thôi, để dành một số tiền to tát như thế làm việc công ích khác.

Đào mượn Di về Lyon theo dõi giùm nơi Tòa Tổng Lãnh sự việc chiếu khán của Đào, Di nhận lời.

ĐƯỢC PHÉP TRỞ VÔ MAROC

Phước biết ông nội nóng lòng chờ đợi, nên ngày thứ tư 30-8, thấy vọi anh phát thư cỡi xe tới là nó ba chân bốn cẳng, chạy bay xuống lầu.

Hai phút sau, nó đem lên cho Đào một cái thư của Tòa Tổng Lãnh sự Maroc. Đào hỏi hộp: chấp thuận hay từ khước đây?

Đây là nguyên văn bức thư.

N/REF: N° 2.038/72

BA/FB

Lyon le 28 Aout 1972

123 Rue Vendôme (6è)

Monsieur Đào,

“Comme suite à la demande de visa
d’entrée au Maroc

« que vous avez formulée auprès de
mes services, j’ai l’honneur

« de vous faire connaître qu’un visa
d’un moi vous est accordé

« sous le N° 45/v et déposé à l’aéroport
de Casablanca.

« euillez agréer, Monsieur,

l'expression de mes sentiments

« les meilleurs.

Pr le Consul Général du Maroc et p.o

Le Vice Consul

A. BENNIS (cachet)

Kính gửi ông Đào...

Thưa ông,

Phúc đáp đơn ông xin nhập cảnh vào Maroc, tôi trân trọng cho ông hay ông được chiếu khán số 45/V cư trú một tháng và để tại phi cảng Casablanca.

Kính xin ông...

Đại diện và Thừa ủy nhiệm Tổng Lãnh
sự,

Phó Lãnh sự

A. BENNIS

(Ấn ký)

Đào mừng: trưa cho vợ chồng Ba hay rằng ông nhứt định chiều thứ bảy 2-9-72 về Casa.

Chiều ấy, Đào với Phước hai ông cháu ra “Phòng Đại lý du lịch” (Agence de voyage) gặp cô nữ thư ký Nikobriko cùng ở một cao ốc với Ba, ghi vé chiều thứ bảy đi Casa, phi cơ cất cánh ở Lyon hồi 17 giờ và đến phi trường Nouasser 19 giờ 30.

Với cái tên Ko... ko đó, có lẽ cô nầy là dân Nga nhập tịch dân Pháp thì phải.

Thế là điểm mộng thấy ngày 15 7 nơi nhà Năm đà ứng hiện: Đào “mắc kẹt” ở

Lyon vì cái chiếu khán giấy thông hành, song rồi nhờ ơn Trên gia hộ mà việc rắc rối cũng được giải tỏa.

CỔ TÍCH

Bây giờ Đào đã yên tâm, chiều Ba đi làm về, chở phụ thân viếng vài ba cổ tích.

Trên đồi cao làng Ruy, chiếc biệt thự của bà Nữ sĩ và cách mạng Roland còn “trơ gan cùng tuế nguyệt”, chủ nhân đã mất đầu cách đây hai trăm năm, cái nhà đã mấy phen thay chủ. Năm 1793, phong trào Cách mạng ở nước Pháp như dầu sôi lửa đỏ. Mấy phe Cách mạng vì khác chánh kiến mà thanh toán lẫn nhau, máy chém trên đoạn đầu đài không ngừng nghỉ. Bà Roland thuộc phái “Girondins” bị phe thù nghịch là “Montagnards” đưa lên đoạn đầu đài.

Trước khi chết, bà hô to một câu bất hủ: “Ô Liberté, que de crimes on commet en ton nom!” (Ôi, tự do, nhân danh mi mà người ta phạm bao nhiêu là tội ác!). Bà thọ 39 tuổi.

Chồng bà, ông Roland de la Platière (Jean Marie) khi được tin bà thọ tử hình, ông liền tự tử.

Ba đi với Đào đến thăm ông bà Georges, bà nầy giúp việc ở Nha Y tế còn ông chồng coi kho trong hãng thuốc, chỗ Ba làm.

Ông sáu mươi một tuổi, bà sáu mươi, cả hai đều mập mạnh, bá chỉ hai chiếc ghế Đào với Ba đang ngồi, nói chính hai chiếc ghế nầy là di tích của bà Roland; bà Georges là chị em bạn học của cô chất ngoại (arrière petite fille) bà Roland.

Trong một cuộc thanh toán tài sản của nhà nữ sĩ, bà Georges mua được cặp ghế nầy đã mấy mươi năm nay, ghế đóng theo kiểu cách đời Louis đệ thập tam (Style Louis XIII) tuy đã cũ nhưng còn chắc, còn giữ cái vẻ phong kiến xa xưa.

Sau khi bà mua rồi, một hôm, một ông khách đến xin mua lại đôi ghế ấy với giá nào tùy nơi bà định, hoặc là bà muốn đổi với một bộ sa long nguyên vẹn, ông ấy cũng bằng lòng đổi cho.

Bà Georges nghĩ rằng có lẽ ông khách là một nhà mua bán đồ cổ, hoặc giả ông đã mua được một bộ bàn ghế nhà bà Roland, song còn thiếu đôi ghế nầy chẳng. Ông ấy có tiền mua đồ cổ, hoặc để bán lại, hoặc lưu làm ngoạn vật, còn bà, mặc dầu không phú hộ, nhưng bà cũng không thiếu thốn chi hoặc chóa mắt vì tiền mà

thanh toán một kỷ vật của một nhà nữ sĩ ái quốc.

Ông Georges đồng ý với bà, không bán.

Hôm nọ, cha con đi qua đường Napoléon (Route Napoléon), trước khách sạn César (Hôtel César).

Đào thấy trên cửa khách sạn một tấm bảng mang hàng chữ Pháp:

“Napoléon Ier, à son retour d’Elbe, s’arrêta dans cet hôtel le 10.3.1815. Arrivé à 3 heures du matin, il quitta Bourgoin à 3 heures de l’après midi, escorté de Bergusiens jusqu’à la Grive”.

Khi Hoàng đế Napoléon đệ nhút ở đảo Elbe về, ghé Khách sạn nầy ngày 10.3.1815 hồi ba giờ sáng, hôm sau từ giã Bourgoin hồi ba giờ chiều, dân

thành Bourgoïn theo đưa Ngài tới làng La Grive.

Ông chủ khách sạn bảo hiểm cái phòng nơi Ngài nghỉ 150.000 quan và không bao giờ cho ai mượn cái phòng ấy, mục đích bảo tồn một di tích lịch sử.

Trên mấy chiếc đồi đông bắc châu thành, vài lâu đài cũ kỹ, tục truyền của một nhà quý phái nọ, khi Hoàng đế Napoléon đi viễn chinh về, mang theo nhiều xe vàng bạc, ông ấy sang đoạt của nhà vua, làm cho Ngài phẫn nộ, nói: “G, G, mày chỉ là một thằng lưu manh; ngày nào một trong các con ta về, một cây bạch dương cao lớn sẽ làm nơi xử giáo mày”.

Câu chuyện trên đây chỉ có giá trị truyền khẩu mà thôi, chớ không có ghi chép trong sử sách.

Bên phía trái cao ốc H.L.M, có một cái sân tráng xi măng để cho hội viên chơi cầu lăn.

Cách đây vài năm, một thương gia tên Nicoud chống Chánh phủ bằng mọi cách, biểu tình, báo chí, bích chương... vì thuế vụ quá cao.

Nicoud bị bắt giam.

Phong trào phản đối càng bành trướng, thương gia, lao công, “đồng chí” của Nicoud, hoặc thân thiện, một ngày chúa nhật đem nhiều cam nhông cho nằm ngang, chặn mấy nẻo đường vào thành phố Bourgoïn jallieu, thành thử các xe nơi khác không ngả nào vô châu thành mà xe trong châu thành cũng không phương ra được.

Cảnh sát phải khó khăn lắm mới tái lập trật tự.

Ngày khánh thành sân cầu lăn, lao công dùng sơn trắng viết trên đường trước sân: « Libérez Nicoud » (Hãy phóng thích Nicoud).

Nicoud được trả tự do song mấy chữ ấy còn nằm trên đường, không ai bôi bỏ.

Một hôm, Ba trao cho Đào xem bức ảnh một cái nhà nhỏ, lạ lạ, cất bằng những viên đá tròn có, hình không đều có, ráp nối nhau, giải thích rằng đó là một cái nhà của anh phát thơ tên Cheval, trong ba mươi năm công vụ, mỗi ngày anh đi làm phận sự, nhặt một hòn đá bỏ vào cái túi bố đem về, chất làm một đống và sau khi anh về hưu, anh ráp mấy viên đá ấy lại, cất thành một cái nhà nhỏ mà

dân trong làng gọi là “Villa de M. Cheval” (biệt thự của ông Cheval).

Trên bức ảnh thấy rõ ràng mấy viên đá, tiếc gì Ba chỉ có một tấm, nên Đào không thể đăng ảnh “biệt thự” ngộ nghĩnh ấy nơi đây.

Bourgoin Jallieu là một thành phố bậc trung của nước Pháp, song lại có nhiều di tích lịch sử.

Trên con đường từ Lyon đi Ý đại lợi (Italie), Bourgoin Jallieu được hân hạnh tiếp đón nhiều nhà vua hoặc danh nhân đến tạm trú hoặc đi qua.

Đào xin sơ lược kể:

– Ngày 29.5.1516: vua François I^{er} và hoàng hậu.

– Bayard (1473–1524) vị “hiệp sĩ”

không biết sợ và trong sạch (le chevalier sans peur et sans reproche) thường ở nơi này, nhứt là ở Meyrié.

– Ngày 4 và 5.9.1547 vua Henri III và Hoàng Thái hậu Catherine de Médicis.

– 22-23/9/1639 Louis XIII (ở Artas).

– 12.8.1768, Jean Jacques Rousseau đến Bourgoin và ngày 30.8.1768, làm lễ thành hôn với Thérèse Levasseur, đọc một bài diễn văn hùng hồn, cảm động, nói về nhiệm vụ của hôn phu và hôn thê (nhưng nhà văn quên rằng chính lúc ấy ông ta đã nhờ Sở Cứu tế xã hội nuôi giùm bốn đứa con mình)!

– 19.11.1804 (28 Brumaire An 13): Pie VII.

– 16.4.1805: Napoléon 1e

– Đêm 9 rạng mặt 10.3.1815: Napoléon 1er

– 16.4.1820 Hoàng hậu nước Anh.

– 3.9.1829: Tướng Lafayette

– 21.9.1852: Louis Napoléon Bonaparte

– 8.10.1888: Carnot đến ga xe lửa Bourgoin.

...

Mùa đông năm 1970, Thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ nguyên Phó Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa trẩy ngang Bourgoin để đi Chambéry trượt tuyết.

TỪ GIẢ BOURGOIN JALLIEU

Ngày thứ năm, 31.8.72, Đào nhận được cả hai thơ, của Kỹ sư Di và Nguyễn, với bức điện tín của Năm, đồng một lượt cho Đào hay đã được chiếu khán trở vào Maroc. Năm bảo Đào đánh điện cho mình hay ngày giờ Đào tới Nouasser.

Mặc dầu chiều thứ tư 30.8, Đào đã có thơ cho Năm rồi song thể theo lời yêu cầu của Năm, chiều thứ năm, hai ông cháu lại lụi đụi xách dù ra Bưu điện gửi cái điện tín cho Năm.

Trong thơ nói trên, Di mời vợ chồng Ba chiều thứ bảy đến Lyon ghé nhà anh chơi.

Vậy Ba mới tính ngày thứ bảy 2.9, cơm trưa xong, đi ngang qua Lyon, lên Vương cung Thánh đường (Basilique de Fourvière) trên đấy trông thấy tất cả Lyon, đến 14 giờ xuống thành mua vài món thuốc, rồi đến nhà Di ở chơi đến 16 giờ ra phi trường Bron là vừa.

Thế là gần 13 giờ, Ba sắp hành lý của thân phụ lên xe, nhắm Lyon trực chỉ.

* * *

Để mô tả cái thành phố bực nhứt nhì của nước Pháp, Đào chẳng có hình dung từ nào khác hơn là đồ sộ, sạch sẽ, đẹp đẽ đáng mến.

Tiếc vì hoàn cảnh không cho phép Đào viếng Lyon một vài ngày cho mãn nguyện.

Qua chiếc cầu bắc ngang sông Rhône, cầu Bonaparte (Pont Bonaparte), Ba do con đường dốc khu ốc, lên đồi Fourvière, qua công viên Belle cour, trong đấy có pho tượng Louis XIV cỡi ngựa, kể qua cái hí trường của người La Mã kiến tạo khi xưa. Bây giờ, nơi đây, thỉnh thoảng, nghệ sĩ cũng đến diễn tuồng.

Trước cửa Thánh đường vài ba người hành khất nằm ngủ, lão gác đàn to tiếng đuổi đi, mấy ông kia cũng chẳng vừa, ăn miếng trả miếng.

Đứng phía sau Thánh đường, trông xuống dưới chơn, sông Saône là chi nhánh của sông Rhône, chảy ngang qua, nào là Tòa Thị Sảnh trông rõ mồn một; nơi xa mù là con sông Rhône.

Mười bốn giờ, Ba cũng do con đàng dốc xuống một chiều mà vô châu thành, ghé vài ba được phòng lớn, tìm mua thứ thuốc trị ngứa, Incidal; không có, vì là thuốc Đức.

Ba đậu xe chạy mua cho con mấy con cá thia thia rồi đến nhà Di cách thành phố sáu cây số ngàn.

Khỏi nói, vợ chồng Di rất mừng. Phước, Kim Chi và Kim Dung chạy chơi cùng hai đứa con trai của Di, Fernand và Roger. Chúng nó chạy quanh nhà, lại cửa sổ ló cái đầu ngựa vô phòng khách, trông dễ tức cười.

Uống nước, nói chuyện đến gần mười sáu giờ, Di lấy xe cùng hai con đưa Đào ra phi trường Lyon. Cô Michèle vì

bận thảo phúc trình cho Hăng thuốc nên ở lại nhà.

Đến phi cảng, Ba xách cái va-li, Di xách bao hành lý của Đào, vào trong.

Đào trình giấy tờ, cân hành lý xong là 16 giờ 30.

Di với Ba chúc Đào thượng lộ bình an, năm đứa nhỏ áp lại hôn Đào.

Đứng sắp hàng chờ qua cửa; một người Maroc đẹp trai, ăn mặc sang trọng, nhìn Đào mỉm cười. Đào ngờ ngợ, có quen với ông, song không nhớ rõ quen nơi nào.

Chùng ông ấy hỏi thăm:

– Có phải ông là Đào có người con ở Bourgoin Jallieu chẳng?

Đào mới nhớ, thì ra ông này là phụ tá của Tổng Lãnh sự Maroc mà Đào đã gặp ngày 17 tháng 8. Ông về Casablanca nghỉ phép một tháng, ông hỏi bác sĩ Năm, cháu của Đào, chuyên môn chữa bệnh chi.

Đào đáp thấy Năm trị bệnh tổng quát, lại có máy chiếu điện, chắc anh ta trị phổi và tim...

5. THỜI KỲ THỨ HAI Ở MAROC

LẠI BỊ LÀM KHÓ

Chiếc Boeing đáp xuống phi trường Nouasser hồi 19 giờ 30. Đào xách vali tay vào trong đã gặp một sĩ quan y tế (khác anh Naiemi) đến đón, rằng Năm cũng có đến rước Đào.

Đào trao Thông hành tạm và bức thư của Tòa Lãnh sự Maroc ở Lyon số 2.038/72 ngày 28.8.72 gửi cho Đào.

Viên sĩ quan nói chuyện với cô phó, một thanh niên ốm, cao, anh chàng hách dịch hỏi Đào sao không xin chiếu khán trở vô, trước khi xuất hành khỏi Maroc.

Đào đáp rằng đã xin việc ấy với Tổng Lãnh sự ở Lyon và Tòa này đã chấp thuận theo bức thư đây.

Anh cô phó kêu cô chánh trình bày, anh này không nói gì cả, bảo Đào ngày thứ ba 5.9. đến nhận chiếu khán.

Xong, người phụ tá của sĩ quan y tế xách hai cái va-li của Đào ra xe Năm, Năm phàn nàn rằng chỉ có mấy viên chức lóc cóc mới làm khó cho khách ngoại bang, và cô chánh tỏ vẻ “biết điều” hơn.

Thật là một chuyến xuất ngoại hết bực mình này tới bực mình kia, song việc đời là thế, ở nhà có cái khó bên trong, xuất ngoại có những cái khó bên ngoài,

Phật đã nói tám điều khổ chánh và tám vạn trần lao, tức là phiền não kia mà!

Vợ chồng Năm mừng cho Đào được trở lại Maroc, giải quyết những vấn đề lặt vặt trước khi về Sài Gòn.

Ngày thứ ba, 5-9, đúng tám giờ, chú cháu Đào và Năm lại lon ton chạy đến phi trường; nhân viên hành chánh chưa ma nào đến văn phòng cả!

Tội nghiệp anh sĩ quan Y tế chạy ra chạy vào, dòm chừng trong phòng hành chánh mãi.

Thấy Năm tỏ vẻ sốt ruột vì bệnh nhân đang chờ nơi phòng mạch, Đào bảo Năm về Casa đi, để Đào chờ, xong sẽ về sau.

Vậy Năm gởi gắm Đào cho viên Sĩ quan Y tế, chừng thủ tục xong, hướng dẫn Đào ra xe ca mà về.

Chín giờ, chín giờ rưỡi, mấy ông lục tục đến, cò chánh bảo Đào điền chi tiết vào hai mẫu giấy in, rồi đóng dấu trên Thông hành tạm cho phép ở Maroc thêm một tháng kể từ ngày 2.9, bắt đóng lệ phí hết 15 DH. Thoát nợ, Đào lên xe ca hồi mười giờ, xe rộng rãi, ghế nệm êm ru, trả cho anh tài xế 5 DH, về đến bến xe buýt ở Casa là 11 giờ.

Đào thuê tắc xi về đến nhà, gọi điện thoại cho Năm hay, thì trong lúc ấy, vợ Năm cũng điện thoại hỏi viên sĩ quan Y tế, anh này đáp rằng Đào đã được chiếu khán và lên xe ca mà về hồi mười giờ rồi.

Thật không ai lo lắng cho Đào châu đáo bằng vợ chồng Năm, con gái, con trai, tới Ngọc với Ba cũng thế thôi!

Nhắc lại, khi mua vé máy bay Casa – Thụy Điển khứ hồi Năm mua cho Đào một vé suốt hành trình Casa – Paris – Stockholm – Paris – Lyon và một vé riêng Lyon – Casa.

Nhưng Đào xuống Ba Lê (Paris) và Ba chở thân phụ về Bourgoin Jallieu. Thế là Đào không dùng vé máy bay đoạn đường Paris – Lyon.

Cho nên, nay đã về Casa, Đào đến trụ sở Air France, xin hoàn cho mình giá vé về đoạn đường này. Nhân viên phụ trách trả lời rằng Hãng bán một vé cho suốt một hành trình (un parcours) như trên, chứ không phải từ đoạn mà ráp lại thành một.

Trong trường hợp không dùng cái vé

(vé suốt hành trình) thì dĩ nhiên họ hoàn số tiền mua vé và thuê hồi nó lại. Còn khi đã dùng vé hết hai đoạn đường, còn đoạn thứ ba: Paris – Lyon không dùng thì rán chịu!

Đào ân hận vì nếu mình đã xuống ở Lyon Bron thì đã không mất tiền và có lẽ Ba không bị hư xe ở Courtenay khi lên Ba Lê rước cha!

Có lần Đào tỏ ý kiến ấy Ba nghe thì Ba cười, bác rằng định mạng đã bảo đến ngày đó, nơi đó, chiếc xe phải hư và Ba phải tốn hơn một ngàn quan thì làm thế nào cũng không khỏi tốn.

Vậy thở than, hối tiếc làm gì!

Ba thiên về thuyết Định mạng (fatalisme).

Bây giờ lại nhớ đến thời hạn xuất ngoại của mình.

Chánh phủ cho đến ngày 10 tháng chín là mãn và ngày 11 tháng 7, Đào đã nhờ Tòa Đại sứ chuyển đơn về Bộ Nội vụ xin phép lưu ngoại trong một thời gian hai tháng, đến ngày 7.11.72, mà nay chưa kết quả.

Vậy Đào mới điện thoại cho Nguyễn, đề nhứt tham vụ Tòa Đại sứ, yêu cầu cấp cho mình một chứng thư rằng mình đã có xin phép lưu ngoại mà Bộ chưa quyết định, đặng khi về đến phi cảng Tân Sơn Nhứt, nhà chức trách không làm khó, rằng mình xuất ngoại quá hạn v.v ...

Vài ngày sau, Nguyễn cho hay Bộ Nội Vụ đã chấp thuận cho Đào lưu ngoại hai

tháng theo đơn xin, Đào nên đem hoặc gửi bảo đảm Sổ Thông hành đến Tòa Đại Sứ để đóng dấu gia hạn...

PHONG TỤC BỒ CÂU

Mỗi buổi sớm mai, vào lúc sáu giờ rưỡi, Đào ra sâu sau chứng kiến cảnh bày bồ câu được cô giúp việc Rkia rải lúa cho ăn.

Thật là một quang cảnh náo nhiệt vui mắt, ai cũng lo ăn cho xong, không giành giựt nhau, không cắn mổ.

Bồ câu có nhiều loại và nhiều sắc lông, có loại Nhựt bốn, đuôi vành lên và xòe ra, lông trắng như tuyết, có con lớn bằng gà mái Việt Nam.

Đào thích quá, nói rằng nếu ở gần

nhà Năm, chắc Đào xin một cặp đem về nuôi, song từ Casa về Sài Gòn quá xa, vả lại muốn đem chim lên phi cơ, phải làm thủ tục với “Sở Thú y”, và chưa chắc Công ty hàng không đã chấp thuận cho đem đi.

Ăn xong, bồ câu bay lên những đường viền của mái nhà sau, đậu hai hàng, hàng trên chừng 12 con, hàng dưới một chục, rửa lông và gù nhau.

Nhân Đào trầm trồ bấy bồ câu, vợ Năm cho biết những điều ngộ nghĩnh về loại phi cầm này.

Chim mái sanh hai trứng, vợ chồng thay phiên nhau ấp, con trống ấp ban ngày, con mái ấp ban đêm, đồng đều như vậy, ấp 17 ngày là trứng nở.

Đôi vợ chồng bồ câu tiêu biểu cho

sự trung thành, không bao giờ con trống hay con mái ngoại tình cùng con khác.

Trường hợp con trống rủi chết trước, con mái âu sầu, sáng sớm ăn ba hột cho mau rồi tìm một cái góc mà đứng hay nằm, ủ rũ dường như để tang chồng vậy.

Nếu cô vợ chết trước, anh trống kêu rù rù mãi, chắc là luyến tiếc vợ, nghe mà thâm, đến sáu tháng (mãn tang?) nó mới đi gù con mái khác.

Trong sân, thơ thẩn một cặp bồ câu nhỏ đi kiếm ăn, thấy mà thương, vì hồi mới biết bay, trên chuồng té xuống, chun bậy nằm đâu đó, cha mẹ không biết đâu mà tìm, nên mới bỏ rơi.

Cho nên hai anh em (hay chị em) phải tự túc, chớ thường thì dầu chim con đã biết bay, cha mẹ vẫn còn săn sóc đem

thức ăn về đút cho con, cha lo cho một con, mẹ một con.

CÂU CHUYỆN CHÀI ẾM

Nhân nói chuyện bồ câu, vợ Năm thuật một chuyện chài ếem nhà mình mấy năm trước đây, mà trong vòng mấy bữa, số bồ câu chết hết một phần ba.

Bồ câu của Năm có cả trăm con, sanh sôi nảy nở ra mãi mà không bán nên không làm gì cho hết; thỉnh thoảng biểu anh em vài cặp nhậu chơi.

Tục thường ví: “Lúa thóc đến đâu, bồ câu đến đó”.

Bồ câu nhà rủ bồ câu khác đến ở, thành thử chủ nhân mấy con sau này oán giận, trù ếem cho bỏ ghét.

Họ mới nhờ thầy phù thủy lấy máu bò viết lên miếng vải buộc vào cánh chim rồi thả chim bay về nhà Năm.

Thấy con bồ câu đứng cú rữ, vợ Năm bắt coi có bệnh chi không thì thấy bắp thịt cánh nó sưng lên, lại mang miếng vải cuốn tròn kỳ dị.

Mở ra thấy những chữ Maroc ngoằn ngoèo.

Lũ, đứa em trai trong thà, mượn người bốn xứ quen đọc giùm thì ai cũng tỏ vẻ kính sợ, nói đó là phép ếm, bảo liệng đi vì nó có hại cho chủ nhà và cho cả người đọc nữa.

Sau cùng, có người chịu đọc mấy chữ như vậy:

“Ta nguyên rửa người, nhà bị suy sập, bị cháy, vợ con người đau yếu, thú

vật người nuôi đều chết hết...”.

Lá bùa bị hủy bỏ. Một thời gian sau, bữa mai kia, bà Năm lấy làm lạ mà thấy một chục bồ câu nằm sắp hàng dài ở sân sau, nghèo đầu chết.

Xét trong mình thì thấy nơi cổ lũng một lỗ do đó chim bị một con thú gì (chồn, chuột?) hút máu mà không ăn thịt.

Hôm sau, rồi hôm sau nữa, thảm trạng ấy lại diễn ra, mấy con bồ câu con sắp một hàng trước, bồ câu mẹ một hàng sau, và chắc mẹ đã bảo vệ con nên bị con thú ác ôn hành hạ, cắn cổ, cắn đầu nhiều thương tích.

Chỉ trong mấy hôm mà chim chết gần bốn mươi con!

Vợ Năm tìm kiếm, thấy dưới chuồng bồ câu, mấy cái hang nhỏ. Tức thì lấy miếng chai bỏ xuống đấy, trét xi măng lấp miệng hang.

Với hôm sau, số bồ câu chết hạ xuống còn bảy con.

Lại kiếm thấy một cái hang khác, vợ Năm dùng thuốc chuột trộn với thịt bỏ xuống hang rồi lấp hang kỹ lưỡng.

Một hôm, người nhà thấy một con thú bằng con chuột cống to, đuôi dài có năm tắc, cặp mắt đui, có lẽ đó là con chuột chũi (taupe) chạy quanh quần trong sân, bị người nhà rượt theo đập chết.

Từ đó, bồ câu không bị giết hại nữa, và trong nhà cũng không xảy ra tai nạn gì.

Cớ lẽ nhờ vợ chồng Năm ăn hiền ở lành mà tai qua nạn khỏi, bị chài ếm mà kết quả nho nhỏ như thế thôi.

ĐỊNH NGÀY VỀ

Bây giờ, chỉ còn chờ ông bạn Nguyên gửi cái sổ Thông hành qua là Đào về xứ, và chắc sẽ nhận được trong khoảng thời gian năm mười ngày nữa.

Vậy ngày 8 tháng 9, Đào ra trụ sở Air France, ghi vé máy bay về Sài Gòn ngày thứ sáu 22-9 hồi 2 giờ 50, đến Ba Lê 6 giờ 30, 11 giờ 40 bay về Sài Gòn và tới Tân sơn nhứt ngày thứ bảy 23-9, hồi 14 giờ 10.

Đào tính đi như vậy cho gọn, tiện cho cả Năm đưa mình đi ban đêm, rồi về nghỉ ngơi, sáng lại đến phòng mạch, tiện

cho mấy đứa con mình ở Sài Gòn chiều thứ bảy đến rước mình.

Không còn việc chi phải làm ở Casa nữa, ngày chí tối chỉ ăn rồi đi dạo, về xem sách, lại ăn rồi ngủ, làm rộn cho hai cháu cả ngày lo cho mình, thật ngại quá!

VIẾNG TANGER

Ngày thứ bảy 9.9.72, vợ chồng Năm, em là Đệ, con là Trúc Chi cùng đi với Đào viếng Tanger trên bờ biển giữa Đại tây dương và Địa trung hải.

Cùng quá giang trong xe, mẹ con cô Lylia, bạn của vợ Năm về Tanger thăm cha mẹ chồng.

Tanger cách Casa 380 cây số; khởi hành hồi 13 giờ 30, trải qua Mohammedia, Rabat, Salé, Kenitra, Arbaoua, Larache, Asilah.

Thuở Maroc còn bị chia đôi và chịu sự bảo hộ của Pháp và Tây ban nha, Arbaoua là nơi ranh giới về quan thuế cho những người bên địa phận Pháp qua địa phận Tây ban nha.

Larache là một thành phố nhỏ nằm trên vàm sông Louk Kos. Truyền kỳ thuật rằng Larache chiếm vị trí cái vườn kỳ diệu « Hespérides » là nơi khi xưa, Thần Hercule đến hái trái vàng.

Khu vực cũ của thành nầy nằm trong vòng những vách to, tạo thành phía bắc và phía nam, hai cái đồn lũy.

Asilah lúc xưa bị người Bồ đào nha

(Portugal) chiếm lấy, được giải tỏa do nhà vua Maroc, Moulay Mohammed El Chérif, thế kỷ XIX.

Thành phố cũ còn được những vách thành bao quanh, do vua Bồ đào nha Alphonse V xây cất.

Từ Arbaoua đến Asilah, bên hữu là khu rừng của nhà vua, để dành cho các sứ thần săn bắn heo rừng và chim đa đa giải trí.

Xe chạy đều đều, gió thổi mát mẻ, tiếng nhạc phát ra từ “cát xét” (Cassette) đặt trong xe: “Tà ra lã lí, tế hoàn”, làm cho buồn ngủ lạ.

Bốn mươi cây số tới Tanger, xe đi ngang qua cây cầu của Mohammed V, cầu rất đẹp, bắc ngang qua eo biển.

Nơi đây, có ruộng muối, muối bột đã được cào lên, chất đồng trắng tinh, thành hình chóp, như ở Việt Nam.

* * *

Đến Tanger là 18 giờ, đưa cô Lylia về tòa nhà lầu cha mẹ chồng cô, số 44 đường Gibraltar, nhà hai tầng lầu đồ sộ.

Chủ nhân là một cựu Đại tá, đã tám mươi tuổi, cao lớn mạnh mẽ, làm việc suốt ngày, rằng khi nào ở không nhưng là ông đau.

Bà vợ cũng mập mập, hay làm lụng, nên mệt mỏi, bị bệnh áp huyết cao.

Cậu trai trưởng mới 35 tuổi, làm nghề thầu khoán, xem đã già, vợ 33 tuổi, có 7 con, khởi sự mập mà còn đẹp dễ.

Cậu trai út là Têlabi, 23 tuổi, theo phụ giúp cùng anh cả.

Nhà này, ngày chúa nhật, 10.9, sẽ cử hành một lễ cưới; cô dâu là em bà con bạn dì của bà chủ nhà, đàn gái mượn cái nhà này làm đám cưới, song vì cậu rể đau dạ dày phải chịu giải phẫu nên lễ thành hôn hoãn lại.

HÔN NHÂN CỔ TRUYỀN

Trong lúc chủ khách uống trà chuyện vãn, cậu Têlabi, em chồng cô Lylia, thuật cho Đào nghe rằng ...

Hiện nay, trong chốn thôn quê, và nhất là ở tỉnh thành Fez, cuộc hôn nhân giữa đôi thanh niên nam nữ còn cử hành theo phong tục cổ truyền.

Người chủ gia đình tìm chồng cho con gái, thấy cậu trai nào vừa ý mình, mời tới chơi hỏi anh về gia thế, học lực muốn lập gia đình chưa và muốn lấy con gái mình không. Lại nói nếu ông gả con cho anh, ông sẽ cho của hồi môn là bao nhiêu tiền, ruộng đất, điền trù, bò, lạc đà bao nhiêu. Còn phần anh, anh sẽ đem vào nhà vợ những gì.

Nên nói ngay rằng thanh niên và thiếu nữ đều chưa hề biết nhau.

Trường hợp chàng trai ưng thuận, chủ nhân cũng ưng ý thì ông mời phụ thân anh tới. Sau hai lần tiếp xúc nhau gọi là “Adouls”, hai đảng ưng thuận thì định ngày ký hôn thư, trong đấy, kê khai rành rẽ, đảng trai cưới dâu những gì, cô dâu đem của hồi môn những gì, mấy đôi dép cũng ghi vô, đặt khi nào cơm

không lành canh không ngọt thì của cải ai nấy lấy về.

Làm hôn thê xong, ông cha kêu con gái hỏi:

– Mày muốn lấy cậu X làm chồng không?

Thường thì thiếu nữ chịu. Nếu cô không thuận, dĩ nhiên hôn thê bị hủy bỏ.

Đàng kia, ông già anh thanh niên cũng hỏi con:

– Mày muốn lấy cô Y làm vợ không?

Hai đàng đã ưng thuận rồi thì một lai năm sau mới làm lễ thành hôn.

Theo lời bác sĩ Năm thuật, nhiều thiếu nữ đến xin cấp cho cái “chứng thê đồng trinh” (certificat de virginité) vì

dân tộc Maroc còn quý trọng chữ trinh, chẳng phải như ở Mỹ, Âu, con gái mới 12, 13 thôi đã có nhân ngãi, nhân tình...

Đến ngày cưới, đàn trai hoặc cho con một căn phố, một cái nhà, hoặc mượn một cái nhà nào đó của bà con đặt làm lễ cưới, nơi động phòng.

Cậu rể và họ hàng cha mẹ đến nhà gái rước dâu rồi, đàn ông con trai thì kiệu chàng rể, đàn bà con gái khiêng cô dâu về nhà cưới.

Sau đêm động phòng, một bà “nega-fa” đem ra ngoài cho bà con xem tắm lựa cô dâu dính máu. Bà con liền đãi tiệc, ca hát vui vẻ và tặng đôi tân nơon và tân lang những tiền bạc, của cải ...

Nếu cô dâu đã mất trinh trước, đó là một điều nhục nhã cho gia đình cô và

chàng rể có thể trả cô về nhà cha mẹ.

ĐÂY, TANGER

Từ già chủ gia, Năm đi thuê hai phòng trong khách sạn Lutetia, số 3, đại lộ P.M. Abdallah, do người Pháp quản trị, phòng sạch sẽ, đủ tiện nghi.

Dùng cơm chiều ngoài nhà hàng rồi vào phòng nghỉ.

Sáng hôm sau, tám giờ, điểm tâm xong, Đào mua vài tấm cạt tại nhà hàng, gửi về nhà ở Sài gòn một tấm. Nhờ vị trí đặc biệt ở giữa hai biển Đại Tây dương và Địa trung hải, Tanger được vua Maroc chọn làm “Kinh đô mùa hè” và luôn hai tháng, thành phố này là trung tâm những hoạt động huy hoàng, tiếp tân đủ loại.

Trước đây nửa thế kỷ, Tanger là một khu vực quốc tế; hiện nay Maroc đã độc lập và thống nhất, dĩ nhiên là thành phố này trở về với quốc gia Maroc.

Thần tiên truyền thuật rằng vị thần Antée, con của Thần Biển Neptune với Nữ Thần Hậu Thổ (La Terre) lập thành Tanger này.

Và Thần Hercule, sau khi giết con rồng trăm đầu giữ cái vườn Hespérides cách vị trí thành Larache hiện nay không xa, hái được mấy trái vàng, cắt khu đất làm hai, lập ra eo biển và nước Đại tây dương hòa lẫn cùng Địa trung hải.

Là cửa ngõ của Maroc, Tanger được nối liền mỗi ngày bằng tàu đò to với các thành Gibraltar, Algésiras và Malaga.

Thật là một thành phố có nhiều

người tú xứ hơn hết trong nước, và một sự mâu thuẫn lạ lùng làm cho Tanger có một sắc thái đặc biệt: kề bên những khu vực cũ sừng sững trên hải cảng và những tòa nhà kiểu Maroc, du khách gặp một thành phố tối tân và nhiều nơi giải trí: bãi cát trắng mịn, vườn đẹp đẽ nhiều hoa, sân đánh cầu, nơi quần ngựa và săn cá dưới biển. . .

Đào với gia đình Năm dạo châu thành, các con đường dốc quá, đổ xuống mé biển.

Trông ra biển phía bắc, bên tả trên triền núi, trắng tấp những biệt thự san sát cho đến khu quan thuế rào kẽm gai. Vào nơi đây, phải đủ giấy tờ, xuống chiếc tàu đồ bằng qua eo biển Gibranar sang Tây ban nha, hải cảng Algésiras, v. v...

Bên hữu, bãi biển lải, thanh niên

nam nữ tắm rất đông, nhằm bữa sóng êm, biển lặng, trời trong, nên bãi biển rất là vui vẻ.

Năm trăm tro nói lần này đi Tanger với chú Đào thật là hên quá, nắng tốt, không gió to, không sa mù, đi chơi thật thích chớ mấy lần trước, đã năm sáu lần rồi, mỗi khi đến Tanger là bị gió, bị sa mù mất hết hứng thú.

Trên bờ, sắp hàng nhiều khách sạn và quán ăn sang trọng:

- Moramar, nhà hàng và quán rượu.
- L' International.
- Hôtel marocain.
- Festival bar.
- Hôtel du Rif v. v...

MŨI SPARTEL

Đúng Ngọ, lên xe đi mũi Spartel (Cap Spartel) cách châu thành mười lăm cây số.

Đường quanh co, trên núi, dưới biển, đi qua mấy nơi “Hang Hercule” (Grottes d’hercule); “Bãi Robinson” (Robinson plage) đến Cap Spartel là cái mũi tận cùng tây bắc của lục địa Phi châu.

Một quán ăn mát mẻ cất trên đồi, cao trên mặt biển, sau quán là cụm rừng thưa. Sân thượng trước quán có mái lợp, sắp nhiều bàn ghế, làm chỗ giải lao.

Xa tí mù, ngọn hải đăng soi đường tàu thủy.

Ngoài sân, dưới bóng cây to, mấy

người bán cật, dao rọc giấy, bóp da, ống sáo, nón chỉ v.v ...

Bữa ăn rẻ tiền song thơm tất, ngon miệng. Hỏi anh thâu ngân sao không có nhiều tôm cua cá biển, anh đáp khách đến ăn uống bất thường, có khi cả ngày không ai đến ăn, nên không dám mua để dành, khi khác không mua đồ biển, khách hỏi lại không có.

Ông chủ quán là người Maroc, mập, lùn, gù lưng. Đào tỏ ý kiến là ông nên cất khách sạn luôn cho du khách nghỉ ngơi và ăn uống, thế mới tiện lợi cho.

Ông gật đầu, cười.

Thêm một điểm son cho nhà hàng này là, phía sau, có nhiều phòng vệ sinh và sạch sẽ lắm.

Hai giờ chiều, lên xe trở về Tanger;

ghé Hang Thần Hercule (Grottes d'hercule) mua giấy xuống hang, anh hướng đạo xách cái đèn lồng đi trước, nắm tay Đào dắt xuống mấy bậc thang ẩm ướt. Đi xuống một hồi lại đến đất bằng, hang thông ra biển, ánh sáng lọt vào, ầm ầm tiếng sóng vỗ vào hang.

Đào ngồi trên bậc thạch, Năm chụp cho mấy tấm hình.

Tục truyền rằng Hang này là dấu chân của Thần Hercule để lại.

TRÊN ĐƯỜNG VỀ

Sáng hôm sau, lại rước mẹ con cô Lilia rồi chiếc Fiat chạy như đông, đến đều, trên con đường tráng nhựa êm ru.

Hai bên đường, dưới trũng, sương mù dày đặc.

Nắng lên ấm áp, sương tan dần, một anh chăn chiên dắt bảy thú ra đồng.

Bên lề đường, chốc chốc, gặp dân quê đổ đồng những dưa tây (melon) mời khách dừng lại mua.

Cũng có người đưa tay xin có giang một đôi đường, song xe mình đã đông khách quá rồi, còn thế nào cho có giang nữa đặng.

Đến Kénitra, ghé lại điểm tâm hồi chín giờ, về đến Casa là mười một giờ trưa.

Trong thời gian ở nơi nhà con gái là Ngọc tại Vasteras (Thụy Điển), Đào có mua giùm rể là Thạch ở Cần thơ một cặp vỏ ruột xe Scooter vì Sài Gòn không có bán.

Sau khi bàn tính với rể con, Đào nhờ

Lạc gởi bằng tàu thủy qua cho Năm ở Casa. Ngày 15.9, cặp vỏ ruột ấy đã đến Casa và Sở Bưu điện gởi giấy mời Năm đến lãnh.

Đào với Năm tới Sở ấy, gặp mấy nhân viên quen niềm nở, vì Năm thường trị bệnh cho họ mà không lấy tiền.

Năm đề nghị cùng Đào gởi luôn về cho Thạch ở Cần Thơ, họ bảo viết câu này trên tờ giấy báo lãnh đồ:

“Je réexpédie ce colis à l'adresse de M, Ng v Th Professeur à la Faculté de Sciences de Cần Thơ, Phong Dinh Sud Việt Nam. Le 16.9.72. Signé.”

(Tôi gởi bưu kiện này cho ông Ng v Th giáo sư Khoa học Đại học ở Cần Thơ, Phong Dinh, Nam Việt Nam)

Và cặp vỏ ruột ấy, Đào đã thay thế

Thạch lãnh hôm ngày 20 tháng 2, năm 1973, tính ra chúng đi tàu thủy từ Casa đến Sài Gòn mất đúng năm tháng.

BÊN LỀ XUẤT NGOẠI

Có lẽ vì hoàn cảnh sinh nhai mà phải hòa mình cùng dân bốn xứ nên Việt kiều ta hiểu được, nói được ngôn ngữ người Maroc.

Hôm đi viếng đập nước Cavaignac, trong bọn thanh niên Rốc đi chơi một cậu tỏ lời khiếm nhã (bằng tiếng nước mình) đối với du khách, bị bác Hải, chủ nhà Hàng Á Đông, là hướng đạo viên của bọn Đào và vợ chồng Năm, “sửa lưng” tức thì, làm cho bọn chúng bẽn lèn đi nơi khác.

Nhưng Đào chỉ viếng xứ người trong

một thời gian ngắn, chẳng nhọc trí học tiếng Maroc làm chi, vả lại ra đường gặp nam phụ lão ấu có học thức, họ đều dùng Pháp ngữ, chuyện văn dễ dàng, nên Đào vẽ vài ba tiếng cho vui vậy thôi, như:

Enna nakol raes : Tôi ăn cơm

Enna dilcherok mark: Tôi uống nước

Enna adilsrok : Tôi đi chơi

Enna sparkhed, sidi: Tôi chào ông

Enna radim sisok : Tôi đi chợ

Mse lès spatê : Hãy lau đôi giày tôi.

Agi ta koul? : Mấy ăn chưa?

Atêni kès : Đưa cho tôi cái ly.

Đào để ý những tên người như Ben Kazig, Ben Nasser, Ben Slimane, có chữ Ben đứng trước, hỏi chữ đó có nghĩa gì, Năm đáp:

– Đó là cái họ, như họ Trần, họ Nguyễn ... bên mình.

* * *

Sau qua Thụy Điển, ở hai tuần, Đào chỉ học có mấy tiếng như: tuần lễ, gọi là vecka

ngày thứ hai trong tuần: måndag

ngày thứ ba trong tuần : Tis dag

ngày thứ tư : Onsdag

ngày thứ năm : torsdag

ngày thứ sáu : fredag

ngày thứ bảy : lördag

ngày chúa nhật : söndag

Trưởng nữ của Đào, là Ngọc, sang Thụy Điển đã mười năm rồi, nói tiếng

bốn xứ trôi chảy và đang dự bị thi bằng “Cử nhân xã hội học”.

Một hôm, Đào đi tắc xi, gặp anh tài xế vui vẻ, Đào tỏ ý hoan nghinh xứ Maroc đang ở trong cảnh thái bình dân cư sung sướng.

Anh lắc đầu, nói:

– Phải, chúng tôi ở trong cảnh thái bình thật, song không có công việc làm, người thất nghiệp nhiều quá. Phải chi có chiến tranh thì có công ăn việc làm.

Anh kết luận mà cười, nói bằng Pháp ngữ:

– Mais avec qui bagarrer maintenant? (Mà đánh với ai bây giờ?)

Trong lúc chúng ta ở Việt Nam khao khát hòa bình thì họ lại ao ước có chiến

tranh? Nhưng Đào tin rằng ý kiến anh Rốc ấy chỉ là ý kiến một thiếu số mà thôi.

Đang đứng trước sân, xem hoa, xem cháu Đệ cắt cỏ, bỗng Đào nghe chuông leng keng của một anh đi xe đạp ngang qua, anh rao: « Zep, Zep... ». Đào hỏi anh bán gì, Đệ cười nói:

– Anh mua báo cũ, ve chai như bên mình, một kí báo, anh mua một trăm quan cũ (một đi ram), tức là một trăm đồng bạc Việt Nam.

* * *

Về phần vô tuyến truyền hình, ở Việt Nam Cộng hòa, ta thường thức những mục tin tức, thể thao, thoại kịch, cải lương, tân nhạc, cổ nhạc và... đồ vui để học giữa hai toán học sanh.

Dĩ nhiên là ca sĩ ca hát bằng tiếng Việt Nam, đôi khi bằng tiếng ngoại quốc.

Ba xứ kia: Maroc, Pháp và Thụy Điển cũng đại khái áp dụng chương trình đó, với thay đổi chút ít, lạ mắt lạ tai cho Đào, trông nghe cũng hay hay.

Đài Pháp và Thụy Điển dùng toàn tiếng Pháp và Thụy Điển còn ở Maroc thì chương trình được thi hành bằng hai thứ tiếng: Pháp và Maroc.

Pháp với Thụy Điển, mỗi tuần có vài lần “đố vui” gọi là “Réponse à tout” (trả lời tất cả), song là giữa hai người lớn, một nam một nữ, có khi một ông già và một bà già.

Đài Thụy Điển, hai đối thủ được một giám khảo duy nhất đưa ra câu hỏi, ai được bảy điểm trước là thắng cuộc.

Nơi đài Pháp, một người điều khiển chương trình mà ban giám khảo có tới bốn người, mang số 1, 2, 3 và 4, hoặc nam hoặc nữ, và giải thưởng bằng tiền.

Người điều khiển chương trình hỏi:

– Ông A, ông chọn số nào?

Đáp: – Tôi chọn số 1 (hay 2, 3, tùy ý)

Ông (hay bà) số 1 hỏi. Thường là những câu đố về văn chương, lịch sử, và địa lý; câu hỏi ít khi liên quan đến khoa học và toán pháp.

Người dự thi đáp trúng câu đầu, được thưởng 40 quan.

Câu thứ nhì, đương sự được chọn giám khảo khác, đáp trúng, thưởng 80 quan. Cứ gấp đôi như thế đến câu thứ sáu, đáp trúng luôn thì được 1.000 quan tiền thưởng.

Câu hỏi nào người dự thi đáp không trôi hay không đáp giám khảo thay thế trả lời, hưởng thù lao 80 quan.

Đào thích thú mà thấy một bà vô địch tỉnh Haute Garonne luôn luôn đáp trúng sáu câu, được thưởng 1.000 quan, ban giám khảo và người điều khiển chương trình ngợi khen.

ĐIỀU TRỊ

Trong suốt thời gian Đào ở nơi nhà cháu, từ 10-6 tới 21-7-72 và từ 3-9 đến 22-9-72, Bác sĩ Năm chăm nom sức khỏe của chú luôn.

Hể hai ngày là đo “huyết áp” (tension artérielle) một lần, và thay đổi thuốc, nếu nhận thấy huyết áp lên cao.

Lúc Đào mới qua, ngày 11-6, Năm đo thấy độ tối cao là 20, tối thiểu là 12, cho Đào uống thuốc Aldomet, vài ngày đo lại còn 18/11. Hai con số này đúng yên một tuần lễ, Năm thay thuốc, đem về cho Đào mấy chai Tenserlic, bảo uống mỗi ngày ba viên, sớm mai, trưa và tối trước khi đi ngủ.

Năm lại yêu cầu Đào uống nước suối Sidi Harazem và Oulmès, tha hồ, để trong tủ lạnh.

Hai thứ này có được tánh là trị thận và kích thích cho đi tiểu nhiều. Tối, khi đi ngủ, uống một tách nước mã tiên thảo (verveine) hay “tilleul” nấu sôi cho an thần.

Sau một tuần chẩn trị như thế, huyết áp xuống còn 16/10, Năm bảo là đã bình thường đối với tuổi của Đào.

Và mức độ ấy, Đào còn giữ được cho đến hiện nay.

Cách đây không lâu, bác sĩ Đào Tuấn Kiệt, Giám đốc bệnh viện An Giang, chỉ cho Đào uống nước cây mắc cỡ (sensitive) chặt nhỏ, phơi khô, sao khủ thổ, rồi nấu nước uống như nước trà. Loại thảo mộc này có dược tánh hạ thấp huyết áp và làm cho mạch máu được dẻo dai.

Đào thí nghiệm, thật quả có kiến hiệu đối với Đào.

* * *

6. HỒI HƯƠNG

1) HÀNH TRÌNH CASA – SAI-GON

Bây giờ chỉ còn chờ ngày hồi hương.

Mỗi chiều, sau khi ở phòng mạch về, Năm chở Đào với bà vợ đi phố, mua năm ba món đồ để khi về đến, Đào làm quà biếu cho bạn thân, con cháu, bà con.

Có bữa, Đào đi chơi một mình và một hôm, vào lúc tám giờ, đến hiệu buôn to “Les Galeries marocaines” mua vài món

đồ chơi cho cháu nội cháu ngoại, gặp một người Pháp cao lớn độ năm mươi tuổi, ốm người, mặt xương, nói tiếng Việt:

– Chào ông, ông mạnh giỏi?

Đào ngạc nhiên, hỏi lại:

– Ông nói tiếng Việt được à?

Đáp: – Tôi có độ ở Dakao, Sài Gòn.

– Tôi cũng ở gần đó, đường Trần Quang Khải.

– Thế à?

Bấy giờ, hai người Việt – Pháp dùng Việt ngữ mà trò chuyện cùng nhau. Ông cho biết ông là nhân viên Công ty điện lực, qua đây đã mười năm, chưa biết bao giờ mới về đất Việt, ông gặp được người Việt Nam, ông mừng lắm.

Nghe Đào nói mình sắp về Sài Gòn, ông chúc Đào đi đường bình an.

* * *

Được điện thoại của Nguyễn ở Tòa Đại sứ cho hay Sổ Thông hành của Đào đã được đóng dấu gia hạn, và ngày chúa nhật 17 tháng 9, Nguyễn sẽ cùng một ông bạn đem qua.

Nguyễn lấy làm tiếc mà không được Đào đến Rabat hỉ lạc cùng anh em một bữa. Song Đào nghĩ mình già yếu, đi xe lửa, xe ca đều mệt, lại trường trai nên khước từ.

Trước ngày hồi hương, vợ chồng Năm hướng dẫn Đào từ già bác Nhuận, ông bà Franko và ông bà cựu Đại tá Gomez.

Đến nhà ông bà nầy vào lúc chín giờ đêm, gặp bà vợ Maroc đang ngồi rửa chơn cho ông, còn ông thì xem vô tuyến truyền hình.

Ông bà mừng rỡ, đãi rượu đãi bánh, mời Đào dùng bữa cơm tiễn biệt, song Năm thay Đào mà cảm ơn từ khước.

Ông làm thông ngôn cho vợ Năm cùng bà Đại tá trao đổi năm ba câu chuyện thường lệ...

* * *

Lật bật ngày về đã đến; ngày thứ sáu 22 tháng 9, hồi 2 giờ 50, y như chuyến đi Thụy Điển, ngày 21 tháng 7 trước kia.

Nửa đêm, Đào dậy rửa mặt thay đồ, khóa va-li cẩn thận, vợ chồng Năm cũng

dậy luôn, Năm đi lấy xe gởi đăng ga-ra đem về.

Ông bà Franko hứa đến hồi 1 giờ 15, tiễn Đào lên phi trường song đã một giờ rưỡi mà chưa thấy tăm dạng, vậy nên Năm khởi hành.

Đêm ấy nhằm rằm tháng tám, trăng sáng tỏ, gió mát lạnh.

Từ Casa đến phi trường Nouasser, trải qua cánh đồng êm vắng, thỉnh thoảng, một chiếc xe qua mặt cái vù.

Hắn xe ấy cũng lên phi trường tiễn đưa bạn bè thân quyến chi đây.

Đào nghĩ: “Giá thử được làm một cuộc thi diễn như trong diễn kịch, thay y phục đăng hoàng rồi chạy một vòng tới phi trường kể về ngủ lại, ắt là thích thú biết bao!”

Nhưng bánh xe thế sự luân chuyển theo nhịp thời gian, việc đời đâu có dễ dàng, theo ý muốn mình cho được.

Đến ngày đến giờ là phải thi hành, mà thi hành thật sự, nào phải giả ngộ “đi chơi”, mất công con cháu!

Đến phi trường, đèn sáng giảng giảng, hành khách tấp nập, nhân viên lăng xăng.

Năm tìm chỗ đậu xe xong thì ông bà Franko vừa đến, vợ chồng Năm xách vali Đào vào trong, Đào trình vé máy bay, họ cân hành lý dư hơn một kí song họ cũng dễ dãi thông qua.

Trình Cảnh sát chiếu khán Sổ Thông hành.

Từ giã ông bà Franko, hai cháu, vợ chồng Năm, chúc ở lại bình an vui vẻ.

Đào vui vì hồi hương gặp lại gia đình, song không khỏi ngậm ngùi, luyến tiếc hơn ba tháng tự do, vợ chồng Năm đối đãi với mình rất mực tử tế, dầu con ruột, dầu rể cũng không hơn!

* * *

Vô trong phòng chờ đợi là cách biệt với “thế giới bên ngoài”. Hai giờ rưỡi, lên phi cơ.

Đúng hai giờ năm mươi, phi cơ cất cánh, bay ngang Tây ban Nha, qua đất Pháp, sáu giờ mười lăm (giờ Ba Lê) hạ xuống phi trường Orly.

Lại cũng như lần trước, Đào đến trình vé nơi ghi sê thông quá (transit)

của hãng Air France, nhân viên cấp cho một tấm thẻ lên tàu, bảo mười một giờ trở lại, họ chỉ cửa cho mà ra. Lại cấp luôn một tấm cạt dùng điểm tâm, bánh sừng bò, cà phê sữa.

Xong, đem gởi cái xách tay nơi Phòng ký thác (consigne) tốn một quan, mua tấm cạt viết ít chữ gởi về Casa cho vợ chồng Năm rõ.

Thong thả ngày giờ, đi loanh quanh xem mấy gian hàng bán đồ miễn thuế, món nào cũng đẹp, đồ chơi, dầu thơm, đồng hồ, cà-vạt, rượu, thuốc lá, v. v...

Mặc dầu phi cảng rộng mênh mông, song Đào đi tới đi lui vài lần rồi cũng quen, không lấy làm bỡ ngỡ cho lắm, và nhân viên cũng tử tế vui vẻ.

Đào mua cho cậu Phan, em vợ, một

cái đồng hồ đeo tay tự động hiệu Tissot, ba mươi bốn Mỹ kim và sẵn còn chút đỉnh tiền, mua luôn cho thứ nữ là Bích một cái đồng hồ hiệu Oméga, sáu mươi chín Mỹ kim, tức ba trăm hai mươi quan.

Mười một giờ 40, phi cơ từ giã Ba Lê.

Tiếp đãi viên dọn ăn, Đào chỉ ăn bánh mì bơ, phó mát, rau chút đỉnh.

Bay từ Ba Lê tới Tel Aviv (Do Thái) suốt buổi chiều và một đêm, sáng hôm sau mới tới, lại bay vài giờ nữa đến Téhéran.

Hai thành này, hành khách không được xuống, nhân viên cảnh sát lên xét hỏi, chỉ cho xuống mấy hành khách đi về nơi đấy thôi.

Nửa trưa, tới Tân Đề Li (New Del-

hi) là kinh đô Ấn Độ, hành khách cũng được an tọa trên phi cơ.

Vì máy bay trực trặc sao đó, nên chiếc phi cơ bay một vòng rồi trở lại phi trường đáp xuống mà sửa cho hoàn hảo.

Hai phen, lúc đi cũng như bận về, phi cơ cũng lồi thoi, nên trễ nải.

Viên chỉ huy phi cơ bảo rằng thà là trễ vài ba tiếng đồng hồ mà khi bay vững lòng, hơn là làm liều mà sanh mạng mấy trăm hành khách bị hiểm nguy.

Mười sáu giờ sửa xong, phi cơ tiếp tục bay, hai tiếng đồng hồ sau tới Vọng các (Bang kok), Kinh đô Thái lan.

Thay vì cho hành khách xuống xả hơi rồi phi cơ bay đi Sài Gòn, Công ty hàng không nhứt định mời hành khách

ở lại Vọng Các nghỉ một đêm, sáng hôm sau, sẽ đáp chiếc Royal Air Thai qua Sài Gòn.

Mấy chiếc xe ca chở hành khách đến khách sạn “Mandarin” bảy tầng, trên là phòng ngủ, tầng trệt là quán ăn.

Từ phi trường đến khách sạn, xa độ ba mươi cây số ngàn, như từ phi trường Nouasser đến thành phố Casa, xe chạy đường ngoại ô, lồi lõm xấu, còn tệ hơn những đường tỉnh miền Nam đất Việt, đừng nói chi sánh với đường lộ Maroc.

Dùng bữa chiều xong lên nghỉ mỗi người một phòng; từ mấy nhân viên điều khiển đến bồi phòng đều nói tiếng Anh, khác hẳn với ở Casa và Rabat, dân sự hiểu biết tiếng Pháp, và năm xưa, 1961, Đào viếng Đế Thiên, Đế Thích, anh quản lý và bồi bàn đều nói tiếng Pháp.

Mỗi nơi chịu một ảnh hưởng khác nhau.

Năm giờ ngày 24, hành khách xuống phòng ngồi chờ, nửa giờ sau lại lên xe ca ra phi trường.

Nhắc lại, chiều hôm qua, cô tiếp đãi viên Thái thân tất cả vé máy bay với vé hành lý của hành khách.

Hôm nay, cô làm những vé khác trao cho Đào và hành khách còn hành lý thì họ đã cho cất lên chiếc phi cơ Royal Air Thai rồi.

Làm đêm nay Đào thắc mắc, không biết hành lý mình có được an toàn chẳng, bây giờ mới yên lòng. Bảy giờ rưỡi, bay.

Nên nói lại, hôm ngày thứ ba 19-9, Đào gọi về nhà một cái điện tín bằng Pháp văn như vậy: “Arriverai Samedi

vingt trois Septembre quatorze heures”
(Tôi sẽ về tới ngày thứ bảy 23 tháng 9, 14 giờ).

Bác sĩ Năm ngắt bớt chữ “septembre” (tháng chín) cho là thừa, rồi nhân viên bưu điện ở Casa vô ý thế nào mà đánh sót chữ “quatorze” (mười bốn) thành thử giờ đến sai lạc biến thành “vingt trois... heures” (23... giờ) trong giờ giới nghiêm!

Và đứa trai út của Đào là Mười phải xin phép với Tổng Trấn Sài Gòn cho được di chuyển trong giờ giới nghiêm đặng rước thân nhân xuất ngoại trở về.

Phần hãng Air France, họ quả quyết rằng không bao giờ có phi cơ về trong giờ giới nghiêm.

Sáng chúa nhật 24. 9, mười giờ, chiếc Royal Air Thai đáp xuống phi trường Tân

Sơn Nhứt, sau khi nhồi hành khách một trận nên thân.

Dĩ nhiên thân nhân mừng rỡ, vì Đào về được bình yên.

Đào cho biết trong suốt thời gian ở Maroc, Pháp và Thụy Điển, không có một ngày nào Đào bị cảm, chóng mặt, nhức đầu và cách vài hôm là Năm đo áp huyết cho chú một lần, số cao vẫn 16, 17 thôi.

RẮC RỐI CÁI SỔ THÔNG HÀNH!

Trước khi ra cửa, trình sổ Thông hành cho Cảnh sát phi cảng; họ lật từ tờ, ghi ghi chép chép một hồi rồi giữ sổ lại trao cho Đào một cái biên nhận, bảo trong ba ngày đến Bộ Nội Vụ nhận lại.

Không biết họ có làm như thế đối với mấy hành khách kia không?

Vậy ngày thứ tư 27-9, Đào đến Bộ nói trên xin cái sổ Thông hành, nhân viên phụ trách đáp: “phi cảng chưa gửi đến”, bảo ngày thứ bảy 7-10 trở lại.

Đào về xem lại tờ biên nhận thì thấy:

“Trong 15 hôm đến Bộ Nội Vụ nhận sổ lại. Lý do:

a) Ghé Bangkok

b) Hồi hương.

Sớm mai thứ bảy 7-10, Đào lại mang xác đến Phòng xuất ngoại. Cô thơ ký phụ trách nói rằng cảnh sát phi cảng ghi trong sổ Thông hành Đào ghé Bangkok trên đường hồi hương.

Đào cãi rằng, mình cùng cả trăm hành khách về Sài Gòn, người Việt Nam có, ngoại quốc có, đều bị Công ty hàng không mời xuống Bangkok nghỉ một đêm, sáng đổi phi cơ khác về Sài Gòn, nào có phải mình tự tiện ghé Vọng Các mà chơi đâu!

Cô thơ ký bảo Đào trình vé máy bay cô xem. May Đào có đem theo. Không có vé đi Vọng Các!

Theo cô, cô có thể trả sổ cho Đào, song để trình ông Đồng lý văn phòng quyết định, rồi cho Phi cảnh hay đăng họ bôi sổ, rồi ngày khác Đào sẽ đến...

“Ngày khác” là ngày nào?

Đi tới đi lui mấy lần nữa mới giải quyết xong một vấn đề hiển nhiên như vậy, mà không phải lỗi tại mình?

Hèn chi công chúng không mấy thích cái tánh hách dịch, cái lỗi làm việc tắc trách, vô trách nhiệm, máy móc, thiếu hiểu biết của một số công chức cũng không có gì là lạ!

Chúng tôi không vợ đũa cả nắm vì chính kẻ viết mấy hàng nầy nhiều lần chúng kiến sự làm việc sốt sắng, vui vẻ của nhân viên nhiều nha, sở, chẳng hạn như Bưu điện, Tư pháp lý lịch, Tòa hành chánh v. v...

Cô thư ký bảo sẽ trình vấn đề lên ông Đồng lý quyết định, Đào đã lão luyện trong chốn quan trường, vậy để cho Đào bốn thân đi trình có được không.

Sau khi nghe Đào giải thích không đầy một phút, tức thì ông gọi điện thoại ông chủ sự phòng xuất ngoại yêu cầu trao trả cái Sổ Thông hành lại cho Đào.

Chừng nào đa số nhân viên thuộc hạ mới chịu làm việc với tinh thần sáng suốt, hiểu biết như ông Đồng lý Văn phòng đây vậy?

Đào đã bị Tòa Tổng Lãnh sự Maroc ở Lyon, anh Cò phó phi cảng Nouasser làm khó làm dễ, nay về đến đất nước nhà, cũng lại bị công chức đồng bào làm tình làm tội một cựa công chức nữa hay sao?!

LỢI ÍCH MỘT CUỘC XUẤT NGOẠI

Đến đây, chấm dứt một hành trình dài mấy mươi ngàn cây số, thời gian gần bốn tháng trời.

Trong cái cực nhọc hiểm nguy, lắm

lúc cũng phiền phức chán nản, có cái đến bồi hưởng được cái vui, vui vì được thăm con, gặp cháu, sau hơn mười năm cách biệt.

Vui vì được trông phong cảnh quê người, khác lạ xứ ta, biết được phần nào phong tục Phi Âu, nhứt là được thấy nước người phồn thịnh, kinh tế mở mang, nhân dân no ấm mà bắt thềm thưởng cho nước Việt Nam;

Vui vì được cống hiến độc giả những điều mắt thấy tai nghe về xã hội, kinh tế, chánh trị... ước mong trong mấy điều ấy, quốc dân đồng bào tuyển trạch những cái hay ngoại quốc mà dùng, cái dở bỏ đi.

Rồi lại nguyện cầu, sau khi hòa bình trở lại trên đất nước mến yêu, có một lịch

sử oai hùng, bao phen chống ngoại xâm, có “bốn ngàn năm văn hiến”, tài nguyên dồi dào, đủ cả khoáng, lâm, hải sản quân dân cán chính sẽ đồng tâm hiệp lực phát triển xứ ta đủ mọi ngành làm cho Việt Nam càng ngày càng mới (cầu nhứt tân, nhứt nhứt tân, hựu nhứt tân) và càng giàu mạnh.

Kia kia, sát bên ta còn rặng ngòi gương nước Phù Tang. Ngày 12 tháng tám năm 1945, Nhứt Bồn đầu hàng Đồng minh vô điều kiện...

Thế mà, một phần tư thế kỷ sau, anh lùn (không còn lùn nữa) đứng vào bậc nhứt nhì trong hàng cường quốc.

Với những hoàn cảnh thuận tiện, những điều kiện đầy đủ với một ý chí cương quyết, một lãnh đạo anh minh

thì sự dời non lấp bể, ta còn có đủ khả năng thay, huống chi đạt được mức hùng cường, góp mặt với năm châu thì thế nào mà ta không làm được.

Và, một khi cái trung tâm du lịch xứ ta được khai thác đúng mức, khi các mỏ dầu hỏa của ta được khai thác hoàn toàn, khi kinh tế ta phát triển mạnh mẽ, biết đâu chừng dân ta sẽ được hưởng cái diễm phúc của dân thành Las Vegas, tiểu bang Nevada, dân quốc gia Ả rập Koweit sống sung sướng không phải đóng một món thuế nào!

Đó là nguyện vọng thiết tha của một người được may mắn thấy chuyện nước ngoài.

Và sau cùng, giải quyết một vấn đề quan trọng, thi hành một công tác khó

khăn, có lẽ ta cũng nên suy gẫm câu danh ngôn của Nguyễn Bá Học:

“Đường đi khó không phải khó vì
ngăn sông cách núi, mà khó là vì lòng
người ngại núi e sông”.

Khởi thảo ngày 25-12-1972

hoàn tất ngày Rằm tháng tư

năm Quý Sửu, 17-5-1973.

